

BÁCH KHOA

SỐ 59 — NGÀY 15.6.1959

Trong số này :

- | | |
|---------------------------------|---|
| THẾ-QUANG | Minh minh-đức. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Nước Đức trước đề nghị hòa bình của Liên-xô. |
| PHẠM-HOÀNG | Chọn tài năng hay chọn đạo đức. |
| PHẠM-HOÀNG-HỘ | Sự bảo tồn thiên nhiên |
| NGÀ-NGÀ | Tôi cũng nhớ Tân - Đà |
| PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH | (dịch) Klem ái của Mạc - Địch và Bác ái của Ki-tô giáo. |
| B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | «Thụ thai theo ý muốn» |
| ĐOÀN-THÊM | Y phục và thời trang. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | Hát tuồng. |
| NGUYỄN-ANH-LINH | Điền sách : « Thời mới dạy con theo lối mới » của Nguyễn-Hiến-Lê. |
| THIẾU-SƠN, VŨ-BĂNG | Ý kiến về truyện ngắn Việt và ngoại quốc. |
| VŨ-HÂN | Ngâm ngải tìm trầm (thơ). |
| VŨ-PHIÊN | Lê sông (truyện ngắn). |
| HUY-LỰC | Anh, Chị (thơ). |
| KIM-LƯƠNG | Hồng nhan (truyện dịch). |
| PHAN-LAC-TUYÊN | Tĩnh vật (thơ). |

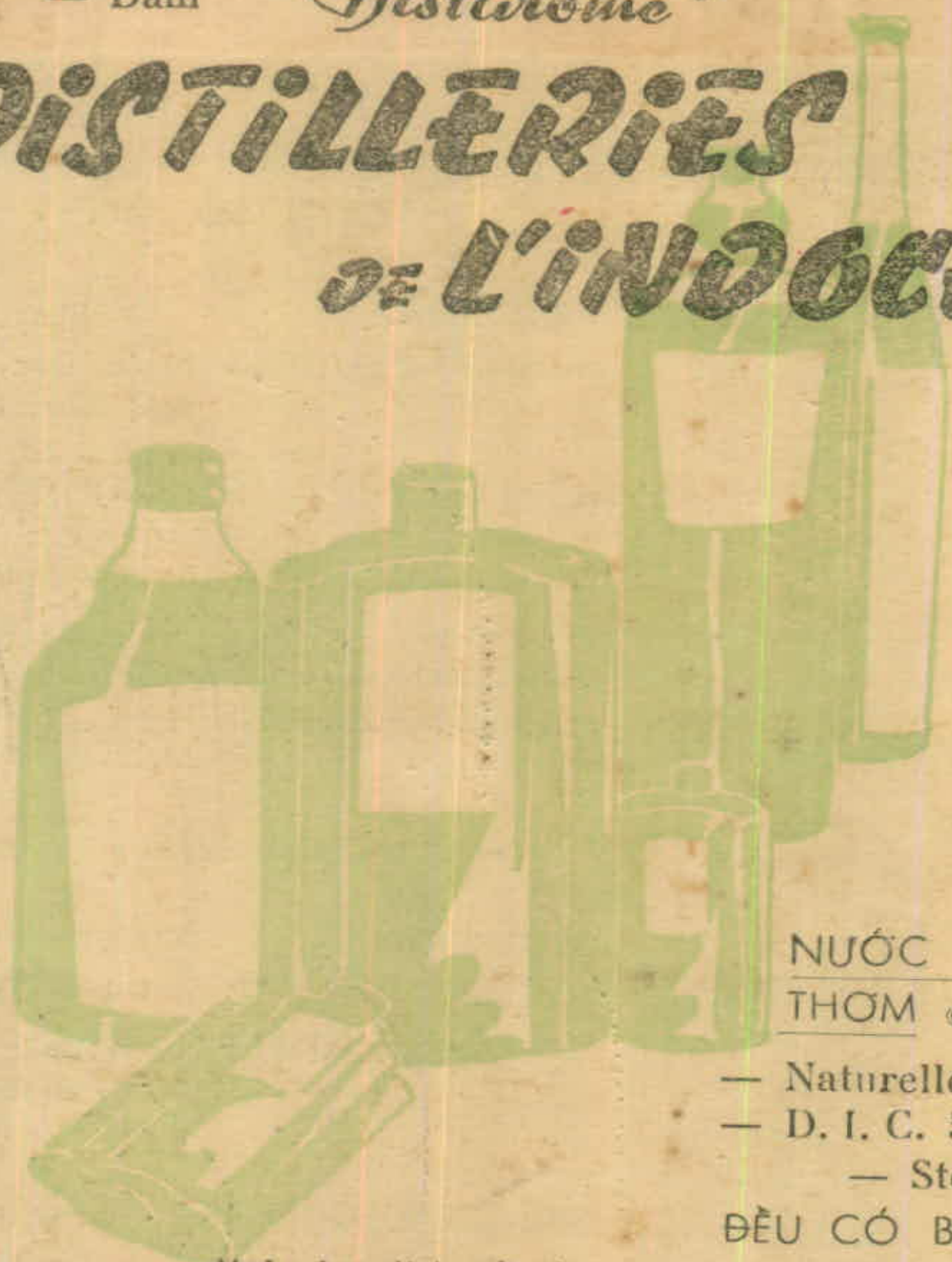
RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cũ* " 40° và 50°
 — Rượu Tàu " *Lào-Mạnh-Tiểu* "
 — Rượu Tàu " *Tích-Thọ-Tiểu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :
 — Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :
 — Dấm " *Distarome* "

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NUỐC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :
 — Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BINII-TÂY (S.F.D.I.C.)
 135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
 (S.I.C.A.) — 32, I ến Bạch-Đẳng — ĐÀ-NẰNG
 HÃNG RƯỢU NHIÊU-SÁ
 6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON: 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiển Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*):

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*):

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TONG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đat-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

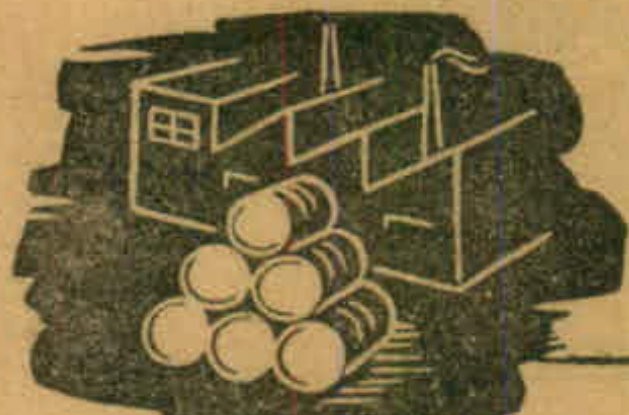
Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chi Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



BÁCH - KHOA

Số 59 — Ngày 15 - 6 - 1959

	Trang
THẾ-QUANG	<i>Minh minh-đức</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Nước Đứơc trước đề nghị hòa bình của Liên-xô.</i> 7
PHẠM-HOÀNG	<i>Chọn tài năng hay chọn đạo đức.</i> 15
PHẠM-HOÀNG-HỘ	<i>Sự bảo tồn thiên nhiên</i> 16
NGÀ-NGÀ	<i>Tôi cũng nhớ Tân-Đà.</i> 22
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	<i>Kiểm ái của Mặc-Địch và bác ái của Ki-tô-giáo</i> 26
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Thụ thai theo ý muốn.</i> 33
ĐOÀN-THÊM	<i>Y phục và thời trang.</i> 38
TRẦN-VĂN-KHÉ	<i>Hát tuồng</i> 47
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Điểm sách « Thời mới dạy con theo lối mới » của Nguyễn-Hiến-Lê.</i> . . . 53
THIẾU-SƠN, VŨ-BÀNG	<i>Ý kiến về truyện ngắn Việt và ngoại quốc.</i> 63
VŨ-HÂN	<i>Ngậm ngải tim trầm (thơ)</i> 72
VÕ-PHIẾN	<i>Lẽ sống (truyện ngắn).</i> 75
HUY-LỰC	<i>Anh, Chị (thơ)</i> 82
KIM-LƯƠNG	<i>Hồng nhan (truyện dịch).</i> 87
PHAN-LẠC-TUYẾN	<i>Tĩnh vật (thơ)</i> 96

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

: Ông Bà Curie một gia-đình đoạt tối-cao kỷ-lục về giải Nobel.

ĐÔNG-HỒ

: « Trấn-Bác hành-cung hoài-cồ » của Bà Huyện Thanh-quan.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

: Phương-pháp phân-định từ-loại. Nước Thái-Lan.

SONG-AN CƯ-SĨ

PHẠM-HOÀNG-HỘ

: Sự bảo-tồn thiên-nhiên.

ĐOÀN-THÊM

: Rút kinh - nghiệm 15 năm đèn sách.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH

: Hồn Trung - hoa và Ki-tô giáo :
kiêm-ái của Mặc-Địch và Bác-ái
của Ki-tô giáo.

PHAN-VỌNG-HÚC

: Phạm-Quý-Thích.

P. I. N.

: Những sự sai lạc ngày nay.

NGUYỄN-QUÂN

: Mãn - ảnh chứng - kiến căn - bệnh
thời-đại.

ĐOÀN-VĂN-NHÂN

: Định lại việc phiên-âm nhân-danh
và địa-danh.

TIÊU-DÂN

: Nam-Băng-Cầu thuộc về ai ?

HUYNH-ĐỆ

: Quân-nhân phạm-pháp.

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

: Đặc-tính của tiều-thuyết.

NGUYỄN-TỬ-QUANG

: Thử tìm xuất-xứ bài Vọng-cồ.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng
khúc số 9.

NGUYỄN

: Trong đồng hoang (truyện dịch).

THỦY-THỦ

: Sống ở đời.

VÕ-PHIẾN

: Lé sống.

Bà TÙNG-LONG, TAM-ÍCH

: Ý-kiến về truyện ngắn Việt và
ngoại - quốc.

THỬ TÌM HIỂU BA CHỮ

MINH MINH-ĐỨC

CỦA KHÔNG-HỌC

• THẾ-QUANG

L. T. S.— Ba chữ « minh minh đức » của Không giáo là một vấn nạn cho các nhà chú giải. Ông Thế Quang cố gắng đi sâu vào nội dung của nó, và chủ trương « minh minh-đức là làm sáng cái đức sáng trong người mình để đi đến mục đích cuối cùng là chí-thiện », là giữ cái Tâm, tức là ánh linh quang sẵn có trong mọi người. Muốn vậy, cần « cách vật trí trí, cần dựa vào phương pháp khoa học mà hiểu biết tình trạng sự vật để thành-ý và chánh-tâm ».

Theo tác giả, đại đa số không cách-vật trí-trí nổi, nên ý thức tương đối nông cạn và phiến diện và cái tâm cũng thiếu ngay thẳng. Thiếu ngay thẳng, phần vì thiếu nhận định, phần vì bị dục vọng lôi cuốn.

Và chung quy, ba chữ « minh minh đức » được tác giả cắt nghĩa bằng bốn chữ của Mạnh tử : « Tồn tâm quả dục ».

Thiết tưởng, theo quan điểm của tác giả, không giáo biến thành một học thuyết dành riêng cho những nhà bác học uyên thâm và đa số lương dân sẽ không còn phương giải thoát. Quá nhấn mạnh vào phương diện trí thức trong đời sống luân lý, đạo đức, sẽ đưa chúng ta đến chủ trương duy trí (gnosticisme) một chủ nghĩa lấy kiến thức làm đầu trong việc giải phóng nhân loại.

Tuy nhiên, giới văn học sẽ hiểu sâu rộng một học thuyết ; nhưng hiểu là một chuyện và giữ là một chuyện. Vì, đúng như tác giả nói, « bản thú còn tồn tại trong người », và người đây, phải hiểu là mọi người, ngu dân cũng như quân tử : gia đình, xã hội, quốc gia, quốc tế ngày nay với những xô xát, chênh lệch, hiềm thù, chiến tranh đủ minh chứng điều đó. Và ngay trong bản thân chúng ta, chúng ta cũng cảm thấy bị chia xẻ. Chúng ta nhớ tới lời đau đớn của Louis XIV : « Có hai người trong tôi. Tôi muốn làm điều tốt mà tôi không làm ; tôi muốn tránh điều ác mà tôi làm ! »

Vậy, bản thú đó là gì ? Nó không phải chỉ do ở những nhận định sai lạc ; nó do ở một tiềm lực bí mật xô đẩy chúng ta xuống dốc. Phật giáo nói đến nghiệp báo ; công giáo nói đến tội tởn. Những giả thuyết này có giải quyết giúp nổi thắc mắc của tác giả chăng ?

CUỘC cách mạng văn hóa quốc gia hiện nay tiến hành dưới khẩu hiệu nghiên cứu lại những kho tàng quý báu của nền văn hóa cổ truyền Á-đông.

Cách đây hằng mấy ngàn năm, các triết gia Đông-Phương đã xây dựng một nền học thuật rất phong phú và sâu sắc. Riêng về Không-học của Trung-Hoa, bộ Ngũ Kinh và Tứ-Thư chứa đựng biết bao tư tưởng cao diệu.

Trong bộ Tứ-Thư, sách Đại-Học chú trọng đặc biệt đến vấn đề tu thân làm trung tâm cho chánh sách tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Vấn đề tu thân lại xoay quanh vấn đề « Minh Minh-Đức ». Vậy tìm hiểu ba chữ « Minh Minh-Đức », tức là tìm hiểu quan niệm tu thân đồng thời cũng tìm hiểu chánh-sách bình thiên hạ của Không-học.

Chúng ta thấy rằng : Không-học quan niệm chánh sách bình thiên hạ căn bản ở việc tu thân ; tu thân tức là « *minh minh-đức* », làm sáng cái đức sáng trong người mình để đi đến mục đích cuối cùng là Chí-Thiện.

Vậy minh minh-đức là gì ?

Minh-đức là đức sáng.

Đối chiếu câu trong Đại-Học :

« Đại-học chỉ đạo tại *minh minh-Đức* » (cái đạo của người học cao hiệu rộng là làm sáng cái đức sáng trong người mình).

Với câu của Mạnh-Tử :

« Quân tử sở dĩ dị ư nhơn giả dĩ kỳ *lôn tâm* giả » (Mạnh-Tử-Ly-Lâu hạ) (người quân tử sở dĩ khác ngời ta là do sự giữ cái tâm cho còn nguyên cái bản chất linh diệu của nó).

Chúng ta thấy trong Không-học, *Minh-đức* và *Tâm* là một, chỉ cái linh quang có sẵn trong mỗi người.

Chúng ta đã biết, tu thân khởi điểm ở cách-vật trí-tri, Trí-tri để thành ý ; thành ý để chánh-tâm. Vậy thì tu thân là một quá trình xuất phát từ cách-vật trí-tri để đi đến mục đích cuối cùng là chinh tâm, qua giai đoạn thành ý. Dưới đây, chúng ta tìm hiểu từng giai đoạn.

○ ○ Thế nào là cách-vật trí-tri

Cách vật trí tri là quan sát nghiên cứu tinh tường để hiểu thấu sự vật đến chỗ cùng cực. Cách vật trí tri có phương pháp tức là khoa-học.

Thế thường ta biết tánh chất một vật khi ta quan sát tác động của vật ấy đối với một vật khác. Thấy một thanh sắt động xuống đất thì đất thủng xuống, ta biết sắt cứng đất mềm, bỏ một khúc củi xuống nước, củi nổi, ta biết củi nhẹ.

Ở mức này, sự hiểu biết của người ta về sự vật còn đơn sơ, nông cạn vì người ta chỉ quan sát sự vật một cách tiêu cực. Người ta chưa cách vật.

Muốn hiểu biết tinh tường sự vật, muốn biết sự vật đến chỗ cùng cực, muốn trí tri nhà khoa học phải cách vật.

Việc làm của nhà khoa học để nghiên-cứu sự vật một cách tinh tường có thể tóm tắt vào hai điểm chánh :

1') Với một số sự kiện thu thập qua những sự quan sát và một vài cuộc thí nghiệm, nhà khoa học suy nghiệm và đưa ra một giải thuyết để giải thích sự vật ;

2') Tiến hành những thí nghiệm nhằm mục đích nghiên cứu (xem giả thuyết đưa

ra có chân xác hay không ; rồi tùy theo kết quả của các cuộc thí nghiệm, sửa đổi giả-thuyết cho đến khi những cuộc thí nghiệm chứng minh rằng giả thuyết ấy đồng nhất với định luật nằm sau sự vật đang được nghiên cứu.

Làm rất nhiều thí-nghiệm để bắt buộc sự vật bộc lộ mọi tính chất, mọi khía cạnh của nó, đó là cách vật.

Khám phá được một định luật biểu lộ được thực thể của sự vật, nhờ đó người ta hiểu biết được sự vật đến chỗ cùng cực, đó là trí tri.

Suốt quá trình cách vật trí tri, nhà khoa học phải có :

— Một thái độ tích cực, quyết tâm tìm hiểu sự vật đến chỗ cùng cực,

— một thái độ khách quan (objectivité), sẵn sàng từ bỏ mọi định kiến.

Vì cách vật trí tri đòi hỏi những điều kiện phức tạp, khó khăn, cho nên đó là công việc của những nhà khoa học, những nhà bác học và cũng chỉ có nhà khoa học, nhà bác học mới hiểu biết tinh tường sự vật ; còn đại đa số người đời thì không tự mình cách vật trí tri và bằng lòng hiểu biết sự vật, qua kết quả việc làm của các nhà chuyên môn nghiên cứu nói trên.

Thành ý là gì ?

Sách Đại-Học, chương Thành-ý, viết : « Sở dĩ thành kỳ ý giả, vô tự ý giả, như ố ác xú, háo hảo sắc... » (thành ý nghĩa là không tự dối mình như mũi hôi thì ghét, sắc đẹp thì ưa...).

Qua ý nghĩa giải thích trên, chúng ta có thể hiểu rằng : thành ý tức là có những ý thức chân xác, không sai lạc, không bị xuyên tạc.

Cờ văn Trung-Hoa có tính chất súc tích ; cờ nhân lại hay dùng hình ảnh cụ thể để diễn tả những ý khúc chiết, trừu tượng.

Chúng tôi thấy cần đem sự giải thích trên đây đối chiếu với tâm lý học Tây-phương để tìm hiểu xem ý là gì ?

Theo tâm lý học Tây-phương, cơ thể ta tiếp xúc với sự vật bằng giác quan ; nhưng chỉ đơn thuần với giác quan, ta chưa biết được sự vật. Muốn biết được phải nhờ ý. Tây phương gọi ý là Idée, cảm bằng giác quan là Sensation.

Nếu đơn thuần chỉ dựa vào đôi mắt, thì mặt trời đối với ta là một cái bánh tráng đỏ ao, chói lòa. Nhờ ý mà nhìn mặt trời, ta biết đó là một tinh tú lớn bằng triệu lần trái đất, làm trung tâm cho thái dương hệ và từng giây, từng phút, lôi cả thái dương hệ vừa quay vừa tiến trong vũ trụ với một tốc lực hết sức nhanh. Nhờ ý ta mới biết được tương đối chính xác thực thể của mặt trời.

Vai trò của ý trong đời sống tâm lý con người hết sức quan trọng.

Nhờ ý ta nhận thức được những vật, tuy hữu hình nhưng nằm ngoài phạm vi xúc cảm của giác quan. Khoa học cho biết rằng : mắt ta chỉ xúc cảm được một số quang tuyến nào đó trong vô số quang tuyến của vũ trụ. Trong thiên nhiên còn có nhiều âm thanh cao quá tầm xúc cảm của tai ta. Thế là có những vật có thanh, có sắc mà giác quan ta không xúc cảm được ; nhờ ý mà ta nhận thức được những vật ấy.

Trong đời sống hằng ngày, trước mắt ta có bao nhiêu cái vô hình, có nhiều khả năng, tác động mạnh, nhưng ta chỉ có thể dùng ý mà nhận mà tìm hiểu chứ

không thể nghe, như những liên hệ phức tạp giữa người này, người khác, vật này, vật khác v.v...

Đời sống tinh thần của ta là một cái gì dồi dào, phong phú, phức tạp mà ta chỉ dùng ý để nhận ra chớ không hề rò mó được.

Vậy ý là gì ? Ý là sự kết hợp của nhiều nhận thức. Nhận thức là kết quả của một sự quan sát hay một cuộc thí nghiệm ; mỗi sự quan sát hay mỗi cuộc thí nghiệm cho người ta biết một tính chất, một khía cạnh của sự vật, như vậy với ý người ta hiểu biết được nhiều tính chất, nhiều khía cạnh của sự vật.

Ý khác nhau về trình độ sâu cạn, rộng hẹp, tùy theo số nhận thức được kết hợp phong phú hay nghèo nàn.

Vì lẽ cách vật trí tri là tiến hành rất nhiều sự quan sát, thí nghiệm tinh tường và có kế hoạch cho nên những ý sâu sắc phong phú chỉ có thể xây dựng trong một quá trình cách vật trí tri.

Đó là ý nghĩa của câu : « Vật cách nhi hậu tri chí ; tri chí nhi hậu ý thành. »

Tuy nhiên, trên thực tế chỉ các nhà bác học khoa học mới tiến hành cách vật trí tri. Đại đa số người đời không cách vật trí tri, chúng ta bằng lòng hiểu sự vật qua những lý thuyết của các nhà khoa học. Bên cạnh những lý thuyết ấy (mà thực sự một số lớn người đời không thấu triệt), chúng ta còn có một số nhận thức về sự vật do những kinh nghiệm rút trong những hoạt động sanh sống hằng ngày, có thể nói qua những cuộc cách vật trí tri tiến hành một cách thụ động. Vì thế những ý thức của đa số chúng ta về sự vật tương đối nông cạn và phiến diện. Nhưng, mặc dầu là nông cạn và phiến diện, số ý thức ấy cũng

đủ để giúp chúng ta nhận xét, quyết định, hành động trong cuộc sống hằng ngày.

Số ý thức ấy, xây dựng trên những kinh nghiệm rút chánh yếu trong những hành động thực tiễn hằng ngày, tiếng Pháp gọi là « bon sens », xin gọi là « ý thức phổ thông ».

Trong « Phương Pháp Luận » (Discours de la Méthode), Descartes, nhà triết học Pháp, cho rằng « Bons sens » thì ai cũng có và được phân phối đồng đều ở mỗi người, vì đó, phần lớn, là sự tích tụ của những kinh nghiệm thực tiễn.

Ý thức phổ thông, hễ ở đời thì ai cũng có, không cần phải thông minh hay học rộng. Ai sống nhiều thì ý thức phổ thông tương đối dồi dào sâu sắc hơn.

Ý thức phổ thông là lối nhận thức của nhân gian ; nó được biểu hiện trong ca dao, tục ngữ. Ca dao, tục ngữ có những câu phiến diện như :

« Cá không ăn muối cá ươn

« Con cãi cha mẹ trăm đường con hư », phải được bổ túc bằng câu :

« Con hơn cha, nhà có phước ».

Hay câu phiến diện khác :

« Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài ».

được bổ túc bằng câu :

« Trong đầm gì đẹp bằng sen

.

« Gân bún mà chẳng hôi tanh màu bún ».

Tóm lại, sống ở đời, đại đa số chúng ta dựa vào ý thức phổ thông mà tính chất căn bản là nông cạn, phiến diện, không sâu sắc, không tinh thành.

Ý của chúng ta không tinh thành nên tâm chúng ta không chánh, vậy :

CHÁNH-TÂM là gì ?

Chúng tôi xin bàn tiếp trong kỳ tới.

THẾ-QUANG

TỪ ĐỀ ÁN HÒA-BÌNH NGÀY 10-1-1959 CỦA LIÊN-XÔ
TỚI HỘI-NGHỊ BỐN NƯỚC MỞ TẠI GIƠ-NE-VƠ NGÀY 11-5-1959



★ HOÀNG-MINH-TUYNH

TRONG tập san «Nghiên cứu» (Etudes), số tháng Ba năm 1959, ông Rơ-nê Đac-Cua (René d'Harcourt), Hàn lâm viện Pháp, một học giả chuyên về vấn đề nước Đức, có đề cập đến việc nước Đức đối với kế hoạch hòa bình do chính phủ Xô-viết đưa ra ngày 10 tháng Giêng năm 1959, vấn đề khơi mào và dẫn đưa tới Hội-nghị bốn nước họp tại Giơ-ne-vơ (Genève) ngày 11 tháng 5 vừa qua.

Bài của ông Rơ-nê Đac-Cua rất phong phú và xác thực, nói lên được hầu hết những khía cạnh của vấn đề có liên quan đến toàn diện chính tình thế giới. Chúng tôi mượn ít tài liệu của ông để trình bày cùng độc giả vấn đề được dư luận hoàn cầu chú ý bức nhất hiện nay.



Người xô-viết lợi dụng cuộc ném vệ tinh cuối cùng, vệ tinh thái dương, vào việc tuyên truyền của họ, họ lợi dụng hiệu quả khích động của một thành công khoa

NƯỚC ĐỨC

TRƯỚC ĐỀ-NGHỊ

hòa-bình của Liên-xô

học không thể chối được ấy vào việc chính trị, điều đó không làm cho chúng ta ngạc nhiên. Ai cũng chờ đợi sự lợi dụng ấy, song người ta không ngờ người xô-viết đã lợi dụng với một qui mô khó lường trước được như vậy. Sự thành công của chiếc Xi-pu-nich (Spoutnik) không những được tán dương là một chứng minh chân xác về khoa học của các kỹ sư xô-viết, mà còn được chào mừng như một bằng chứng không thể cãi được về cái thế ưu việt của cộng-sản đối với « thế giới tư sản ».

Đọc báo chí Đông-Đức về việc này, ta có một ý niệm khá rõ rệt. Không những báo chí ấy có thể cho chúng ta nhận định nhiệt tình, mà còn có thể cho ta biết nhiệt tình ấy cao tới mức độ nào. Lời tán tụng hồn nhiên biến hóa thành một bản thánh ca, uy nghiêm như một bài hát tôn-giáo. Nhiều khi các tác giả như siêu thoát trong một bầu không khí mê ly, khiến cho một chứng nhân vô tư có cảm giác ngọt ngào, rất khó thở.

« Vinh quang thay đảng của Lê-nin đã làm cho người trở thành kẻ chinh phục vũ trụ. » Những lời đại khái như vậy thường thấy tản mát trên khắp mặt báo chí đề ca ngợi sự thành công rực rỡ của Mặt trời tí hon, theo sau Mặt trăng tí hon. Tác giả những lời ấy không quên nhắc rằng : « Mỹ-châu tư-bản chủ nghĩa » cũng có những kỹ-sư và bác học, nhưng chế-độ tư-bản chủ nghĩa tại đó đã làm cho Mỹ-châu bị kìm hãm tê liệt và đã đánh gậy gập mọi khả năng của khoa học và của kỹ thuật. Cái Mỹ-châu đáng thương ấy tưởng rằng mình đang được tự do và nhắm mắt trước sự thật hiển nhiên này là chủ nghĩa đế-quốc của nó thuộc vào một thế-giới ký sinh, một thế-giới hiện đang rẩy chết ! » (eine sterbende parasitäre welt) Chủ-nghĩa xã hội là chúa tề. Hiện giờ chủ nghĩa ấy là chúa tề Cộng hòa dân chủ Đông-Đức. Ngày mai, nó sẽ là chúa tề toàn thê nước Đức. Loài người có khả năng « chinh phục các tinh tú » đã chứng tỏ có thể ban cho cái hành tinh nhỏ mọn là trái đất « qui luật của lý trí và của công bình, nghĩa là qui luật của chủ nghĩa cộng sản ».

Sau nữa, tuyên truyền xô-viết cũng không bỏ lỡ một cơ hội thuận tiện nhất để phi báng tôn giáo và đề cao chủ nghĩa vô thần. Vệ tinh thái dương do bàn tay loài người chế tạo ra đã chứng tỏ một cách hết sức rõ ràng rằng lý thuyết thần minh tạo thành vạn vật là huyền hoặc ? Phòng thí nghiệm đã đập tan thiên Sảng thế của Thánh kinh. Loài người, trưởng thành, đã bẻ gãy các xiềng xích xã hội, nhún vai bỏ rơi những truyện cổ tích lỗ bịch (Quatsch) mà các tôn giáo đã dùng để ru ngủ họ từ khi còn bé và giành lại chỗ ngồi của một Thiên Chúa đã bị tước hết

đặc quyền. Khoa học đã khiến đồng hồ lịch sử đánh lên tiếng chuông cuối cùng báo hiệu giai đoạn hoang đường, dị đoan, đã chấm dứt.

Một bức hí họa đăng trên tờ báo của nghiệp đoàn công nhân tại Mạc-tư-khoa (Moskva), tờ Trud, rất có ý nghĩa.

Bức họa vẽ hình một cụ già, bất lực tượng trưng Đức Chúa Cha, ngồi giữa một đám mây. Từ trái đất, một công nhân trẻ tuổi, nét mặt cương cường, gân guốc, ngàng nhìn lên, nói bằng một giọng hần học đề dưới bức họa rằng : ngài đã hết thời, loài người ngày nay cũng đã tạo được tinh tú như ngài rồi.



Bây giờ chúng ta hãy từ giả tinh tú và trở về trái đất. Chúng ta đã thấy các vị chúa tề ở Kơ-rem-lanh (Kremlin) là những người thực tế không khi nào chịu bỏ lỡ một cơ hội thành công trên địa hạt kỹ thuật nói trên mà không triệt để lợi dụng trong phạm vi chính trị. Giữa việc ném vệ tinh thái dương và việc trao kế hoạch hòa bình giải quyết vấn đề nước Đức cho 28 nước trên hoàn cầu ngày 10 tháng Giêng, có sự phù hợp mà mọi người đều công nhận không phải là sự phù hợp ngẫu nhiên, cũng như cuộc du hành của ông Mi-côi-an (Mikoyan) sang Hiệp-chúng-quốc không phải là cuộc du hành ngẫu nhiên vậy. Người ta đã nói rất đúng rằng cuộc thành công của Xô-viết do việc ném vệ tinh thái dương đã là một tấm danh thiếp tốt nhất dẫn người phụ tá ông Kơ-rút-sốp (Khrouchtchev) vào thăm Hiệp-chúng-quốc. Liên-xô tỏ ra rất thành thạo trong việc xếp đặt chu đáo các cuộc tấn công, họ

muốn trình diện một cách có uy thế trước mặt địch thủ của họ và trước mặt mọi người.

Chúng ta thử nhìn nhận sự việc một cách gần gũi hơn. Trước hết, chúng ta hãy lưu ý tới một câu ngắn ngủi trong kế hoạch hòa bình của Liên-xô gửi cho 28 nước. Câu ấy nói rõ rằng kế hoạch chỉ « gửi cho các nước đã tham dự vào cuộc chiến tranh chống Đức ». Câu ấy thực tế loại ra khỏi cuộc Hội-nghị bàn tròn khoáng đại các nước Thụy-điền, Ái-nhĩ-lan, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, Ý-đại-lợi, Áo và Thụy-sĩ, những nước mà Mặc-tư-khoa biết là không có cảm tình với mình. Trái lại, Liên-xô dành chỗ ngồi rộng rãi cho những nước liên minh với họ hay những nước vệ tinh của họ như : Trung-hoa Cộng-sản, Tiệp-khắc, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, An-ba-ni, Hung-ga-ri, Ba-lan, Nga trắng, U-kơ-ren. Liên-xô muốn ngay từ bước đầu, họ đã nắm chắc được những điểm thắng lợi.

Việc chọn địa điểm họp hội nghị, Liên-xô cũng tính toán kỹ càng. Họ chọn Vac-xô-vi (Varsovie) kinh đô của Ba-lan, mặc dầu sau này tại Hội-nghị bốn nước, họ không được như ý. Kơ-rem-lanh biết có thể tìm thấy ở Ba-lan một đồng minh đặc lực và biết Ba-lan đang muốn được đảm bảo vị trí phía Tây và được củng cố đường ranh giới O-de - Nét-xơ (Oder-Neisse). Chiến tranh đã làm cho Ba-lan mất một phần đất lớn phía Đông. Họ đã được, tự tay các kẻ chiến thắng trao cho đê đê bù lại, một phần đất thuộc Bơ-răng-đơ-bua (Brandebourg) và Pô-mê-na-ri (Poméranie) và phần đất phía nam thuộc Đông - Phổ (Prusse Orientale). Những

phần đất đê bù lại đó, Ba-lan không muốn người ta đem ra bàn đi tính lại nữa. Trong khi nước Đức không đành lòng chấp thuận cho người ta vĩnh viễn cắt đứt những phần lãnh địa của mình và thường họ không bỏ lỡ dịp nhắc lại lời đồng minh đã long trọng hứa hoãn việc giải quyết dứt khoát vấn đề biên thùy phía Tây nước Đức cho tới ngày ký hòa ước chung kết với họ. Do đấy, giữa người Đức và người Ba-lan, có một vết thương mà Liên-xô không lúc nào nhãng việc nung cho nó sưng húp mãi lên. Nung vết thương, tài nghệ của Liên-xô về môn này thật là tuyệt diệu. Chọn Vac-xô-vi làm nơi thương nghị, Liên-xô có thể chắc chắn nắm giữ được ưu thế trong cuộc tranh luận chống lại nước Đức.

Bây giờ chúng ta thử coi một số đề nghị căn bản trong 48 khoản của dự án hòa bình xô-viết. Có năm đề nghị quan trọng nhất :

1^o) Lập thành một bang liên (1) hai nước Đức, nghĩa là công nhận chính phủ Păngkô (Pankow) (Đông-đức), nghĩa là vĩnh viễn cắt nước Đức ra làm hai nước.

2^o) Trung lập hóa và giải giới toàn thể hai nước Đức, tất cả các quân đội ngoại quốc phải rút khỏi lãnh thổ Đức, và Cộng-hòa Liên-bang Đức (tức Tây Đức) phải cam kết không sử dụng các vũ khí

(1) Bang liên (Confédération) tổ chức quốc gia liên hiệp, trong đó, về mặt đối ngoại, các nước trong bang liên vẫn có nhân cách quốc tế của từng nước một, trái với liên bang (fédération) cũng là một tổ chức quốc gia liên hiệp, về mặt nội chính, tuy vẫn giữ quyền tự chủ của một nước, song về mặt đối ngoại vẫn hợp làm một thể, không hề có một địa vị quốc tế.

nguyên tử, các phi cơ phóng pháo và các vũ khí tiềm thủy.

3^o) Nước Đức từ bỏ việc đòi lại các lãnh địa phía Đông đã bị cắt đứt do hiệp định Pốt-dam (Potsdam).

4^o) Bá-ling trở thành một đô thị tự do.

5^o) Trên toàn lãnh thổ Đức, cấm chỉ mọi hoạt động có tính chất quốc gia chủ nghĩa và tu chính chủ nghĩa (thường gọi là chủ nghĩa xét lại).

Như ta nhận thấy, những đề nghị trên đây, về đại thể, Liên-xô đã đưa nguyên vẹn trình bày trước hội nghị bốn nước hiện đang nhóm họp tại Giơ-ne-vơ, chứ không họp tại Vac-xô-vi theo thâm ý của Liên xô.

Theo những đề-nghị ấy, ta thấy Kơ-rem-lanh yêu sách rất nhiều. Họ đòi hết mọi sự mà chẳng chịu mất cái gì. Trống rỗng và cũng nguy hiểm nhất là đề nghị cho phép chính phủ Păng-kô được sửa đổi cơ cấu xã hội và chế độ chính trị của Cộng-hòa Liên bang (tức Tây Đức) một khi đã thực hiện xong chế độ Bang-liên hai nước Đức. Nói cách khác thì trong cái cặp so le Bôn-Păng-kô (Bonn-Pankow), Păngkô là kẻ ra điều kiện cho Tây Đức noi theo đường lối của Đông Đức, cho nước Đức tự do noi theo đường lối của nước Đức xô-viết hóa. Ta có thể thấy trước bộ mặt của một Đức nặn theo hình ảnh của Đông Đức hiện nay nó sẽ ra thế nào.

Một nhà báo Ba-lê gọi cái Bang liên giữa hai nước Đức là một cuộc hôn thú giữa con cá chép và con thỏ, không chỉ làm cho hai bên chia rẽ nhau và còn khiến hai bên xung đột nhau. Một nhà báo Đức, thấy rõ thực tế hơn, mệnh danh

Bang liên trên là cuộc « hôn thú giữa con mèo và con chuột ». Điều Mặc-tư-khoa thân nhiên đề nghị với Tây Đức, thân nhiên đến trắng trợn ít có, không chỉ là một đề nghị đầu hàng, mà còn là một đề nghị tự sát an nhiên, tự sát đúng kỳ hạn. Người xô-viết mưu toan biến thành khu vực của họ, không phải chỉ một phần ba nước Đức mà cả toàn thể nước Đức, từ Ech-la-sa pen (Aix-la-Chapelle) tới Fơ-răng-fo (Frankfurt) trên sông Ô-đe (Oder). Một tờ báo Tây Bá-ling (Morgenpost) đã thốt lên những lời sau đây :

« Liên bang xô-viết bắt chúng tôi đầu hàng mà lại làm ra vẻ khoan nhân như ban cho chúng tôi một đặc ân hiếm có...

« So sánh đề nghị hòa bình của Mặc-tư-khoa với Hòa ước Vec-xai (Versailles) ngày trước mà người xô-viết gọi là « lệnh truyền của bọn tư bản », chúng tôi thấy Hòa-ước Vec-xai là một công trình bác ái. Hòa-ước Vec-xai còn đề nguyên vẹn những phần lãnh thổ chính của chúng tôi, còn tôn trọng tự do của chúng tôi và còn cho chúng tôi được sống yên lành. Điều Mặc-tư-khoa muốn ép buộc chúng tôi phải nhận là sự vĩnh viễn chia cắt dân tộc chúng tôi, thêm vào sự xích hóa toàn thể nước Đức và toàn thể quần chúng nước này. Trước những yêu sách đó, riêng phần chúng tôi, chúng tôi chỉ đáp lại một tiếng : « Không » rõ ràng, cương quyết, không rời chuyễn. (ein klares, entschlossenes, unbeugsames Nein) ».



« Tiếng « không » đó, ta còn thấy rơi từ cửa miệng một nhân vật quan trọng hơn một nhà báo. Ngày 12 tháng giêng ông Kông-ra A-đơ-nao (Konrad

Adenauer), thủ tướng Tây-Đức vắng mặt tại các cuộc tranh luận chính trị trong một thời gian khá lâu vì đau bệnh « cúm », bỗng nhiên xuất hiện trước nghị trường và quyết chí đem tất cả uy tín của ông ném trên cán cân đặt trước các nước Đồng-minh tại Tây - Đức để cho tiếng « Không quyết liệt và rành rọt » (ein hartes, eindeutiges Nein) được vang lên trở thành tiếng « không » của các nước này đáp lại đề nghị của người xô-viết. Vị thủ tướng Tây-Đức còn cho sự cộng tác của Đức với các lực lượng Anh, Pháp, Mỹ lúc này cần thiết hơn bao giờ hết và nếu nước Đức để mình nao núng lúc này thì lập tức nước Đức sẽ làm cho Đồng-minh nao núng theo và nao núng hơn nước Đức nữa. A-dơ-nao phôi diễn tư tưởng của ông bằng một hình ảnh châm biếm rất ý nhị : « Nếu chúng ta khởi sự hụp lặn thì bạn hữu chúng ta cũng sẽ hụp lặn, nhưng họ hụp lặn xa khỏi chúng ta. »

Sự nao núng của người Đức, ta đã thấy phát lộ rất mau và rất đột nhiên, đột nhiên đến nỗi không sao lường trước, mặc dầu ta cũng có thấy dư luận Đức ít lâu nay tỏ ra lưỡng lự, trù trù và bị những luồng từ thạch mâu thuẫn của dư luận hoàn cầu làm cho lạc hướng. Hai mươi bốn giờ sau tiếng « không » của chính phủ Bonn vừa buông ra, phản ứng của đảng xã hội Đức thế nào ? Họ quả quyết không chịu theo thủ tướng nước Đức trong « chính sách phiêu lưu » của ông, không chịu chia trách nhiệm với một chính phủ dùng sự khiêu khích nguy hiểm đưa một dân tộc đã quá suy yếu sau hai cuộc chiến tranh liên tiếp tới chỗ đương đầu với một cường quốc mạnh nhất hoàn cầu « và họ bác bỏ một chính sách chỉ có công dụng

là đưa thẳng nước Đức tới một trận Xi-ta-lanh-gơ-ra (Stalingrad) thứ hai. »

Đó là lời lẽ của cơ quan chính thức một đảng đối lập chiếm gần một nửa số ghế tại Quốc hội. Ta có thể dự đoán được âm hưởng của nó đối với trí óc của một người Đức trung bình tai hại thế nào. Đảng Xã hội Dân chủ Đức của ông A-dơ-nao thấy lời lẽ trên có thể gây ra hai mối nguy. Mối nguy nội bộ vì gây ra hoang mang trong dân chúng Đức. Mối nguy ngoài nước « vì các cường quốc hiện nay là bạn của Đức có cảm giác Đức đã thối chí, sẵn sàng đầu hàng Mạc-tư-khoa và do đấy, làm cho thái độ của Kơ-rem-lanh đã cứng rắn, lại càng cứng rắn thêm. »

Các sự việc trên thật là hiển nhiên, và hiển nhiên một cách đáng buồn.



Sở dĩ đảng Xã hội dân chủ Đức hạ hai chữ « thối chí » như ta vừa thấy trên, là vì đảng ấy nhận thấy quá rõ rệt ý tưởng « buông xuôi » của phần lớn dư luận trong hoàn cầu. Ý tưởng « buông xuôi » ấy không phải ở trong lời tuyên bố của ông Đơ-lốt (Dulles) nay đã ra người thiên cò, hay của người tiếp tay ông là ông Hơc-tơ (Herter), mà chính ở trong báo chí, trong dư luận chủ trương sự « buông xuôi » vậy.

Trước hết, vết nứt dạn thấy ngay trong nội bộ các nước vững mạnh nhất của phòng tuyến Tây-phương, nước mà Tây-Đức đặt hết mọi tin tưởng vào, là Hiệp-chúng-quốc Mỹ-châu. Vết nứt dạn không phát hiện từ trong bộ ngoại giao nước ấy mà phát hiện từ trong báo chí. Tờ tạp chí lớn nhất của Hiệp-chúng-quốc, tờ Sinh hoạt (Life), từ

trước vốn cương quyết ủng hộ lập trường Đơ-lót - A-đơ-nao, đến nay lại có một luận điệu khác hẳn và còn trách cái lối « cứng đầu rắn mắt » trong chính sách đối ngoại của nước mình. Tạp chí ấy thân nhiên viết : « Đơ-lót và A-đơ-nao hiện nay là hai người lính cuối cùng trong trận giặc lạnh. » Tờ Nữu-uớc diễn đàn (New-york Tribune) thì tỏ ra có cảm tình với sự trung lập hóa nước Đức. Nhà bình phẩm thời sự của Đài vô tuyến truyền hình là Êric Xơ-va-ret (Eric Sevareid) thì so sánh chính sách của ông A-đơ-nao với một khối chì buộc vào chân Mỹ-quốc.

Tại nước Anh, luận điệu « buông xuôi » của báo chí và dư luận còn công khai và trắng trợn hơn nữa. Họ nói thẳng họ căm phẫn trước chính sách của ông A-đơ-nao, mà đối với cá nhân của ông, họ cũng không từ đã kích. Họ gọi ông A-đơ-nao là kẻ quấy rầy bất lực và cứng cổ, ngăn chặn con đường hòa bình. Ông này trở thành một tấm bia, để cho báo chí từ đầu này tới đầu kia, thi nhau bắn tên lửa. Một tuần báo Luân đôn cho độc giả của họ thưởng thức một bức hí họa vẽ ông thủ tướng với nét mặt một cụ già quạu cọ, mếu máo, xích lại gần bàn hai ông Ai-xen-hao và Mi-côi-an đang ngồi chuyện trò thân mật và phá cuộc đàm phán đang đi tới chỗ kết quả đẹp, bằng cách âm hiểm trưng bày một tấm bảng đề hàng chữ đầy bất mãn : Mi-côi-an cút về nhà (Mikoyan go home).

Lập trường xô-viết về nước Đức (hai nước Đức trong Bang liên, sự cần thiết để cho hai miền Đông Tây hiệp thương) được các tờ báo lớn nhất thuận theo, như tờ Thời Báo (Times) và tờ Điện tín nhật báo (Daily Telegraph) —

Cả tờ Quan sát (Spectator) cũng không thấy thắc mắc, bần khoản gì nữa và viết toạc ra : « Hiện nay không còn phải là lúc xét vấn đề thống nhất nước Đức coi có thể thực hiện trên những căn bản đã đề ra từ mười bốn năm nay. Tây và Đông cần phải tự đặt mình trước thực tại, trước điều thiết thực này, là trong những năm tới đây, chính thể tự nhiên và thuận lý cho nước Đức không phải là chính thể quốc gia thống nhất, mà là chính thể liên bang hay bang liên ».

Những dòng trên, cách đây mấy năm, có thể coi như là những tà thuyết, ngụy ngôn, mà đến nay tác giả thân nhiên viết nên một cách không chút ngại ngùng và những độc giả đọc cũng không thấy ngượng ngập lắm nữa.

Tờ báo trên còn đi xa hơn nữa. Theo cái đà xia xói ông A-đơ-nao của báo chí Anh vì ông này đã làm trở ngại cho các cuộc giàn xếp tại Âu-châu, báo Quan sát viết : « Cái ông khách khó chịu mà Tây phương phải đối phó bây giờ không phải là Liên-xô nữa. Liên-xô tuy vẫn cứng rắn trong các cuộc thương thuyết, nhưng ít ra họ cũng còn tỏ ra minh bạch và thẳng thắn trong ý chí muốn đi tới một thỏa thuận với nước Đức. Không, ông khách khó chịu hiện giờ chính là Đức, Tây-Đức. Đúng hơn là ông thủ tướng có thái độ ngoan cố ngăn chặn mọi toan tính có mục đích đi tới hòa giải. Tây phương hiện nay bị Bác sĩ A-đơ-nao cầm tù, cũng như Hiệp-chúng-quốc bị Tướng-Giới-Thạch cầm tù vậy. »

Những quan điểm thật rõ ràng, không còn gì là úp mở nữa. Kơ-rem-lanh cứ việc để cho các thù địch của họ làm việc cho họ. Sự tan rã của mặt trận Tây phương

vốn là lá bài hay nhất họ vẫn nhắm. Họ vẫn hy vọng và hy vọng của họ bắt đầu thành hình. Tây Đức vẫn sợ điều đó và họ sợ như vậy không phải là không có lý do xác đáng. Ta phải chịu ông A-đơ-nao là người sáng suốt. Ông là một hoa tiêu lão luyện quen mắt nhìn biển và chân trời, và khám phá ra được mối hiểm nguy mà ít người trông thấy. Mối hiểm nguy không phải ở kẻ thù ông mà ở những kẻ đồng minh với ông. Ta hãy nhớ lại lời tiên đoán của ông khi ông tuyên bố trước thượng nghị viện Mỹ quốc, hồi năm 1953 : « Đường lối của người xô-viết vẫn không thay đổi, đó là đường lối : chờ đợi. Chờ đợi, vì không bao giờ Tây phương thực hiện được mối thống nhất. »

Ta không nên coi dư luận của báo chí quá mực quan trọng.

Có những lời xác đáng và uy tín hơn là những lời của các nhà viết báo. Những lời này có một luận điệu khác hẳn. Ông Bớt-lơ (Butler), tổng trưởng Bộ nội vụ Anh, đã cực lực tố cáo những tảo công chính trị của Kơ-rem-lanh có mục đích chọc thủng « toàn thể phòng tuyến bảo vệ của Tây phương, phòng tuyến không thể không có sự tham gia của Tây Đức được » (diễn văn đọc ngày 28 tháng Giêng). Tuy nhiên, phải công nhận một điều, trong số dư luận Âu-châu, dư luận Anh vì bị ảnh hưởng của báo chí Anh, hiện là dư luận được bảo vệ yếu ớt nhất trước những đám mây phun khói từ phương Đông bay lại, là dư luận tiêm nhiễm dễ dàng nhất những đề án của Mạc-tư-khoa, nhất là những đề án liên quan đến vấn đề nước Đức.

Theo sau sự thối chí của báo chí Anh, Mỹ, ta không lạ gì thấy sự thối chí của dư luận Đức, sự thối chí chúng tôi đã nói sơ qua khi đề cập tới đảng xã hội Đức, sự thối chí đã lan tràn vượt qua phạm vi của chính đảng trên. Bây giờ chúng tôi muốn nói đến tinh thần của một thường dân Đức, một người Đức trung bình. Người Đức này đưa mắt nhìn qua biên giới coi phòng tuyến của nước mình có được bảo vệ chắc chắn không. Họ thấy xung quanh họ, ai cũng trù trù, lưỡng lự, nghiêng ngửa. Họ thấy mọi người đều thì thào một cách lo sợ, hoảng hốt và chỉ chực « buông xuôi » khi tưởng như các cường quốc có ý định « buông xuôi ».

Ta thử đọc bức thư của một người gửi cho một tờ báo. Bức thư, sau khi nói về sự thối nát của chính sách đối ngoại nước Đức, bắt thủ tướng A-đơ-nao phải chịu trách nhiệm về chính sách này : « Có bao giờ ông ta thật muốn đi đến đình không ? Không bao giờ chúng ta chịu hiệp thương với người Nga, chúng ta chỉ những muốn đưa họ lên ghế bị cáo. Dù sao chúng ta cũng không nên quên rằng trong dự án hòa ước của họ năm 1952, có điều khoản qui định sự thống nhất nước Đức. Ngược lại, họ cũng có nói trắng cho chúng ta biết nếu chúng ta tái vũ trang thì sẽ xảy ra sự gì trên đất nước chúng ta đó. Thế mà lệnh chính thức của chính phủ ra vẫn giữ luận điệu này : người Nga chỉ sợ có vũ lực ; nếu chúng ta mạnh thì người Nga yếu. Có thật thế không ? Chính ông thủ tướng cũng không thể tin được như thế. Chỉ toàn những tiếng rỗng tuếch mà chẳng có một chính sách gì thực tế cả. »

Nhiều người Đức nghĩ như vậy. Cổ nhiên cũng có nhiều người Đức nghĩ khác và sáng suốt nhìn nhận đề nghị hòa bình tại nước Đức của Liên-xô đưa ra ngày 10 tháng giêng và vừa rồi ngày 15 tháng 5 tại Hội-ng nghị các tổng trưởng bốn nước tại Giơ-ne-vơ, là không thể thừa nhận được. Cũng có nhiều người Đức còn coi cái Bang Liên của hai nước Đức mà các đại biểu chỉ những khinh ghét nhau, là một thứ « quái vật ». Chỉ nghe ông Uyn-bơ-rit (Ulbricht) chúa tể độc tài Đông-Đức gọi các nhà cầm quyền Tây-Đức là một lũ « điểm chính trị », ta cũng đủ thấy một Bang Liên nước Đức như ý Mạc-tư-khoa mong muốn không thể nào thực hiện được.



Ngày mai sẽ ra sao ? Ta khó lòng đoán biết được, mặc dầu ta thấy Hội nghị bốn nước cấp bộ trưởng tại Giơ-ne-vơ đang nhóm họp. Kơ-rem-lanh vốn tỏ ra rất thành thạo trong các việc thả mây phun khói nói trên. Chúng tôi không tin rằng họ muốn chiến tranh, một cuộc chiến tranh trong đó họ sẽ thua thiệt rất nhiều, nhất là họ đã hứa đem lại phần vinh cho xứ sở. Song họ muốn rờ rẫm coi xem nhược điểm kẻ thù của họ ở chỗ nào để có thể tiến đánh những miếng đòn đau mà không đến nỗi gây ra nguy hiểm, nhất là họ muốn coi xem lúc nào là lúc nên đánh lá bài xưa nay vẫn thường đưa thắng lợi đến cho họ : lá bài chia rẽ đối phương.

Đôi khi người ta muốn so sánh tình hình hiện nay với tình hình đe dọa hồi năm 1939. Chúng tôi thấy hai tình hình không thật giống nhau vì hoàn cảnh khác nhau. Và người cũng khác nhau. Từ sau cái im lặng trầm tiêm của Xi-ta-lin (Staline), các ông chúa tể ở Kơ-rem-lanh đã tốn rất nhiều giấy mực. Hít-le (Hitler) xưa kia dùng phương pháp khác. Y nhảy vồ con mồi mà không cần biện luận gì. Hay y nhảy vồ trước rồi mới thuyết phục sau. Giữa hai chế độ độc tài, còn có nhiều dị biệt khác nữa. Cách thế của Hít-le là cách thế khoa trương chiến tranh để người ta coi chiến tranh như một cuộc phiêu lưu lãng mạn, nguy hiểm một cách thích thú. Đó không phải là cách thế của người xô-viết.

Vị chúa tể áo nâu ngày xưa có ở đằng sau y một tập đoàn thanh niên đã bị thôi miên đến ngây ngất trước cuộc phiêu lưu. Trái lại, Nikita (Nikita) không hứa với dân Nga một cuộc phiêu lưu nào, ông chỉ hứa đem lại cho họ một mức sống đầy đủ tiện nghi có thể theo kịp mức sống của người dân Mỹ. Hai nhà độc tài chỉ gặp nhau trên duy có một điểm : tài nghệ diệu thủ trong cuộc « chiến tranh cân não ». Ngày mai sẽ ra thế nào là tùy thuộc ở sức đề kháng của thế giới Tây phương — hiện nay còn được tự do — có đủ mạnh mẽ và dẻo dai để đối phó với sức tiêu hao lực lượng của đối phương hay không mà thôi.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Danh ngôn, danh lý

BIẾT NGƯỜI

- ✱ Điều khiển người là việc rất khó. Khó vì những tài năng phú bẩm vốn đã được phân phối một cách không đồng đều ; khó nữa vì những định luật tâm lý làm nền tảng cho sự giao dịch giữa kẻ điều khiển và người hạ thuộc xưa nay thường ít được phổ biến.
- ✱ Kẻ biết người là « người khôn » ; kẻ biết mình là « người sáng » (Lão-Tử).

thác mắc

Chọn tài năng hay chọn đạo đức?

Tôi làm việc và cần người cộng tác.

Tôi muốn tìm người có tài và có đức, song tôi nhận thấy người có tài thì thiếu đức, người có đức lại thiếu tài. Tôi không sao tìm được người « tài đức song toàn. »

Tôi buộc phải chọn.

Tôi chọn người đạo đức chăng? Người đạo đức không dối trá, không gian tham, không chơi bời, nhưng thiếu sáng kiến, thiếu mưu cơ, thiếu đảm lược và thiếu tầm mắt xa rộng; người ấy có thể gây thiệt hại cho công việc vì thiếu tài năng.

Tôi chọn người tài năng chăng? Người tài năng có sáng kiến, có mưu cơ, có đảm lược và có tầm mắt xa rộng, nhưng hay dối trá, hay gian tham, hay chơi bời; người ấy có thể gây thiệt hại cho công việc vì thiếu đạo đức.

Kinh nghiệm cho ta thấy:

— Thiệt hại do người tài năng không đạo đức gây ra, dù lớn lao, có thể đo lường và giới hạn được, vì đã biết là người thiếu đạo đức, tự nhiên ta có biện pháp đề phòng: người ấy đánh cắp một trăm, nhưng kế hoạch của người ấy làm lợi một ngàn;

— Thiệt hại do người đạo đức không tài năng gây ra lớn lao đến đâu thường khó đo lường và khó giới hạn được, mặc dầu đối với người đạo đức, ta không phải quan tâm cho lắm đến biện pháp đề phòng: người ấy không đánh cắp một, nhưng kế hoạch của người ấy làm thất bại cả một công trình.

Trước một công việc quan trọng và cấp bách, lựa được bậc « tài đức song toàn » đề ủy thác, cố nhiên là điều vạn hạnh.

Nhưng nếu phải chọn giữa tài năng và đạo đức, ta nên chọn đạo đức hay chọn tài năng?

Không phủ nhận giá trị của đạo đức, ta có nên chọn tài năng, rồi cố gắng đặt tài năng vào một tổ chức có kiểm sát, một cơ cấu có trật tự, một hoàn cảnh trong lành có khả năng biến cải những xú khí độc hại nhất không?

SỰ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ⁽¹⁾

★ PHẠM-HOÀNG-HỘ

- Các văn minh sau một thời kỳ nầy nở và thịnh vượng dường như già đi và nhường chỗ cho một văn minh khác.
- Phải chăng sự điêu tàn của dân tộc luôn luôn đi đôi với sự thoái hóa của thiên nhiên ?

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI

Sự suy đồi của các văn minh

Lịch sử của sinh vật trên mặt địa cầu chứng minh một điều mà hiện nay các nhà cổ sinh học và sinh học chưa giải thích rõ rệt: một loài sinh vật sau khi đã nầy nở và bành trướng đến cực độ, thì lui « teo » lại và thường mất đi.

Trải qua các thế hệ xưa, quả đất đã chứng kiến rất nhiều cuộc điêu tàn như thế. Ở thời đại thứ nhất có nhiều con lưỡng thê rất to, thời đại thứ nhì là thời đại của bò sát kinh hồn, thời đại thứ ba đặc sắc có loài có vú. Các loài totát ấy nay không còn nữa.

Sự thật ấy cũng áp dụng được ở loài người. Cách đây 8000 năm, dân tộc Aicập đã bắt đầu thịnh vượng, và văn minh đến cực độ vào cách đây 4000 năm; sau đây văn minh ấy suy sụp. Nó được truyền sang các nước khác. Văn minh Hylạp, hấp thụ nó, nầy nở và sán lạn vào trong vòng năm thế kỷ trước tây lịch kỷ nguyên (hình 1 và 2). Rồi đến phiên Hylạp cũng điêu tàn, nhường chỗ cho văn minh của Byzance (vào thế kỷ 6 đến 8), của dân tộc Lamã (vào thế kỷ 12 đến 15 sau t. l. k. n.), Âu châu...

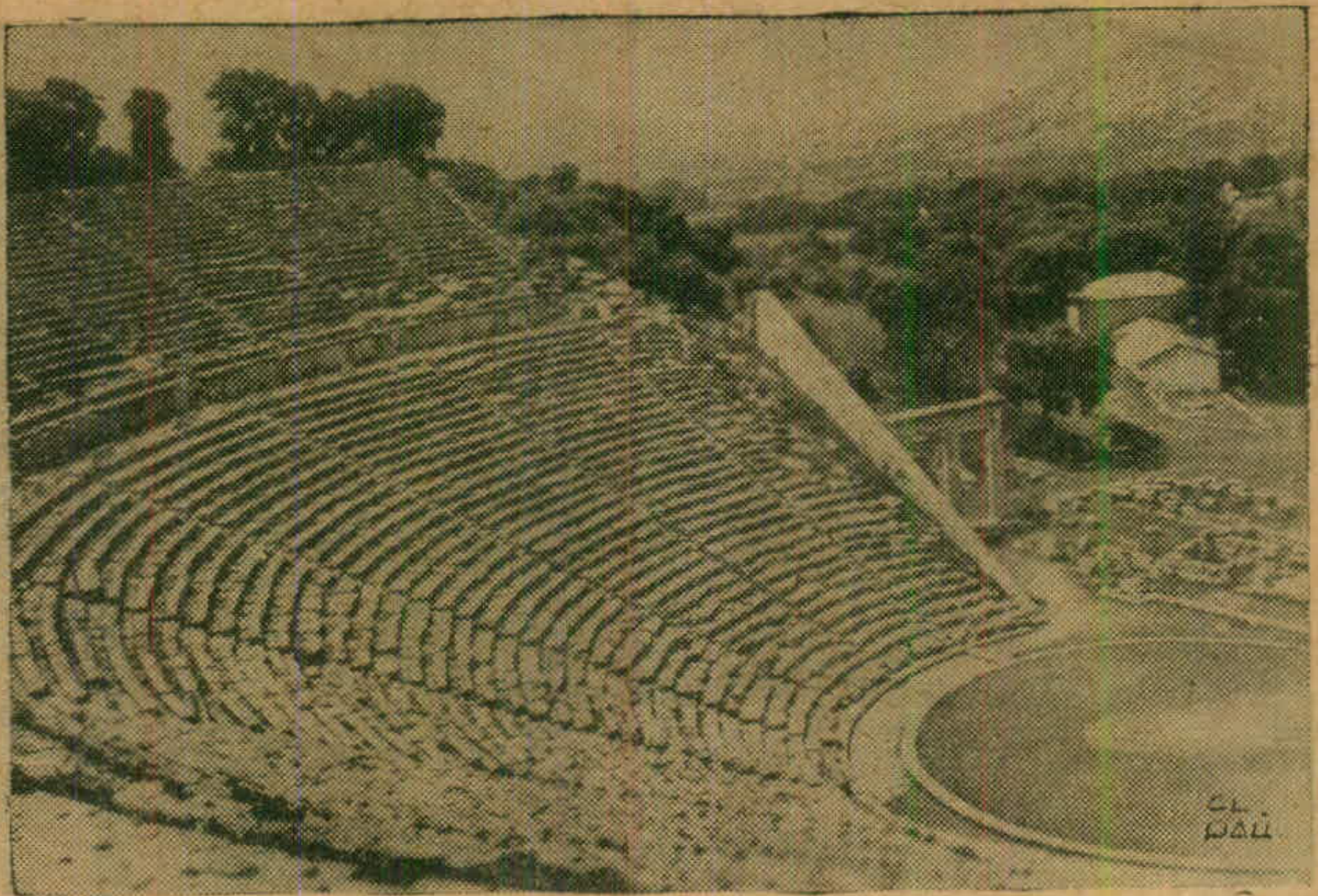
Ở Á châu ta cũng thế. Dân tộc Trung hoa

cũng như ta, có hơn 4000 năm văn hiến và cực độ của nó vào trước Tây lịch kỷ nguyên (lũy Trường thành 235 trước Tây lịch kỷ nguyên; Khổng tử vào 600 trước Tây lịch kỷ nguyên; Lão tử vào 600 trước Tây lịch kỷ nguyên; Phật giáo vào thế kỷ thứ nhất). Ấn độ, cũng thế, thịnh vượng vào đầu thế kỷ với Phật giáo (vào 600 trước Tây lịch kỷ nguyên), văn minh ấy để lại nhiều tư tưởng gia và kiến trúc bấthủ...

Gần ta hơn có dân tộc Khmer; đồng hóa văn hóa Phật giáo, dân tộc ấy thịnh vượng một cách phi thường. Các điện mà họ cất, nay càng khảo cứu, người ta càng thấy phải do một nền văn minh hiếm có. Thành Angkor (Đế thiên Đế thích) xưa có một hệ thống kiến trúc mà người đờ xướng đã tỏ ra có một học thức vô cùng sâu rộng. Song một hay hai trăm năm sau, văn minh của Angkor lu mờ đi; thành và điện ấy bị cây cỏ bao phủ.

Như thế ta nhận thấy rằng các văn minh không bền mà sau một thời kỳ nầy nở và thịnh vượng nó dường như già đi và nhường chỗ cho một văn minh khác.

(1) Thuyết trình của Ông Phạm - Hoàng - Hộ thạc sĩ Vạn vật học, đọc tại trường Khoa học Đại học ngày 17-4-59.



HÌNH 1 — Híviện Epidaurus, cổ và to nhất Hylạp (chứa hơn 4000 người)

Nguyên nhân các sự diệt tàn dường như không thể tránh được của các văn minh xưa chắc hẳn là nhiều. Các nhà bách học đã tìm hiểu vào nguyên nhân đó ; sự hiểu biết ấy vô cùng quan hệ cho tương lai các dân tộc nếu không nói là của nhân loại. Và vì hiểu biết nguyên nhân ấy mà nảy sinh Hiệp hội Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên. Thật vậy, sau nhiều năm nghiên cứu, người ta nhận thấy rằng sự diệt tàn của dân tộc luôn luôn đi đôi với sự thoái hóa của thiên nhiên do sự nầy nờ xưa gây nên.

Hãy lấy một ví dụ cụ thể.

Xưa vào thế kỷ thứ 16 trước Tây lịch kỷ nguyên, một dân tộc đã nầy nờ trên đất Hylạp : ấy là dân tộc Mycetan. Họ có tổ chức đàn hoàng và nghệ thuật của họ rất cao ; kiến trúc vô cùng đồ sộ (hình 3) của họ

đã cầm cự với 3600 năm phá hoại của thời tiết và nay còn lại nguyên vẹn và chúng tôi đã có dịp xúc cảm trước những lăng tẩm hùng vĩ, trước những dấu vết thành trì totát của họ. Nhưng vài trăm năm sau (thế kỷ - 12), bỗng nhiên họ tiệt tàn mất, lùi bước trước văn minh của người Hylạp cổ điển.

Trong một buổi bàn luận tại Hội nghị Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên, giáo sư G.G. Mistardis chứng minh rằng chính vì không biết bảo vệ thiên nhiên mà dân tộc ấy diệt tàn.

Dân ấy sống trên một khoảnh đất phì nhiêu thuộc về đá vôi. (calcaire). Dân tộc bành trướng và phong phú mau lẹ nhờ rừng to, đất tốt. Càng ngày dân càng tăng nhiều lên, và người ta phá rừng để trồng trọt, cày cấy và để nuôi thú. Song nguy hại là họ khai phá mà không biết bảo vệ.



HÌNH 2— Vận động trường Athenes, chứa 10.000 người, nơi đây được tổ chức, để kỷ niệm người xưa, Thế vận hội đầu tiên

Phá rừng rồi thì không còn gì kiểm chế sức phá hoại của nước. Các thác, các sông chảy mạnh và làm tiêu các đất trồng trọt được, và vào mùa mưa to, lụt ngập tàn phá đất đai cây cỏ và mùa màng. Một thời gian sau khi rừng mất, đất trở nên khô khan đi và diện tích trồng trọt vì thế từ nay thu hẹp lại.

Diện tích trồng trọt không tăng lại giảm, trong lúc dân số lại đông: vì thế mức sống giảm sút từ từ, và lần lần theo đó, nền văn minh suy đồi. Dân tộc « teo » lại. Dân xưa có thể sống phong phú về nghề nông, về săn bắn; nay cần phải sống về thương mại hoặc phải di cư.

Lầm lức người ta tưởng rằng các sự suy đồi của văn minh là vì khí-hậu của quả đất thay đổi. Và khi khí-hậu hợp, dân tộc

phong phú, văn minh; sau khi khí-hậu đổi, dân tộc ấy không thích hợp nữa, tằm hoạt động và văn minh của họ thu hẹp lại.

Song nay nhiều nhà bác học tin trái lại rằng từ tiền cổ đến nay nghĩa là từ - 5000 khí-hậu tổng quát của địa cầu không thay đổi nhiều đến nỗi tiêu diệt được. Khí-hậu địa phương có biến đổi cũng chỉ biến đổi ít thôi; sự biến đổi ảnh hưởng lớn đến loài người là sự biến đổi các hoàn cảnh sinh tồn (variations écologiques) rất địa phương hơn.

Giáo sư Reifenberg lấy ví dụ nước Do-thái. Theo giáo sư « Nước Do-thái hiện tại là một cảnh điêu tàn của một nước xưa rất thịnh vượng. Sự mà nước lần lần biến thành samạc như hiện nay là do một nguyên nhân từ các điều kiện ngoài (sinh-

thái : écologique). Nó do sự điều khiển không sáng suốt của loài người, gây ra sự thoái hóa của thiên nhiên. Loài người đã tiêu hủy cây cỏ, để cho thú ăn, để đốt... và làm cho đất không được bảo vệ, mòn mất lán lán. Các cuộc dấn thủy nhập điền quí báu của người xưa nay không được áp dụng nữa... »

Sự thoái bộ của dân tộc Khmer cũng do một nguyên nhân tương tự.

Đành rằng từ lâu Malthus đã tiên đoán sai rằng nhân loại không tăng nhân số nữa được vì không đủ ăn. Malthus đã lầm vì loài người nhờ sức mạnh của khoa học đã làm lùi mãi nạn thiếu ăn.

Nhưng ta có thể tin mãi ở quyền lực của khoa học không ? Không, quyền lực ấy không vô biên. Và đến khi đến mức nguy mà khoa học lại chịu bó tay, chỉ lần ấy thôi, thì ta nhảy sao kịp ?



HÌNH 3— Một « hăng » của Thành Tyrin, do dân tộc Mycén xưa cất cách đây cỡ 3600 năm. Kiến trúc vô cùng đồ sộ, mỗi đá nặng cả chục tấn (lỗi viên nặng trên 100 tấn)

Tương lai của nhân loại.

Nhưng ta vội nghĩ hết văn minh này đến văn minh khác ; thế ở mặt đất luôn luôn có một văn minh. Song loài người hiện tại bao trùm lấy quả đất và chỉ có *một văn minh, văn minh của Nhân loại.*

Nhìn lại tương lai của văn minh ấy, người ta có thể lạc quan không ?

Tình trạng hiện tại thật chưa nguy ngập. Nhưng mà nó sẽ nguy ngập,

Vì số nhân khẩu hiện tại tăng lên với một tốc độ đáng kinh. Trong lúc xưa nhân loại cần cả bốn nghìn năm để đi đến mức 2500 triệu, thì nay chỉ cần có vài chục năm là nó tăng bằng số ấy. Số nhân khẩu hoàn cầu hiện tại là 2.500 triệu người. Cách đây 300 năm nó chỉ là 500 triệu

mà thôi và F.A.O. (cơ quan quốc tế chuyên lo về lương thực và canh nông) tin rằng đến năm 2000 nhân loại sẽ gồm có 7.000 triệu người. Theo bản phước trình không lạc quan của Liên hiệp quốc thì vào thế kỷ thứ 26, nếu ta rải rác người đều trên mặt đất, thì buổi sáng khi ta vươn vai, hay khi ta quơ tay tập thể thao, ta sẽ thoi một người ở đằng trước, một người ở đằng sau và hai người ở bên cạnh». (mật độ: một người trong một thước vuông, kể cả samac và các cực lạnh).

Khốn nữa là dân số lại phân phát không đều. Trong lúc Úc châu hiện tại chỉ có một người trên một trăm mẫu đất, thì ở Pháp đồng mỗi người chỉ có hơn một mẫu, và ở Nhật mỗi người chỉ có bốn công (1/10 mẫu).

Diện tích sinh tồn của ta đang thu hẹp

Trong lúc dân số tăng gia mau chóng, thì nguy thay diện tích sinh tồn của nhân loại càng ngày càng thu hẹp: nếu diện tích lục địa không thay đổi, thì diện tích trồng trọt càng ngày càng thu bé đi rất nhanh chóng.

Thu hẹp vì cứ mỗi mùa, loài người lấy biết bao nhiêu muối bỏ ở đất: phốtphát, nitrat vôi và nhiều chất khác mà không nghĩ hoàn lại kỹ lưỡng. Và lại mưa cũng lôi cuốn các chất ấy xuống tận sâu đến nơi mà rễ cây không tới được, hay đem chúng ra suối, suối ra rạch, rạch ra sông, sông ra bể cả... Vì thế mà đất nuôi người càng ngày càng nghèo đi.

O.J.K. Basu cho biết rằng vùng Đéc-can - Bombay (Ấn) sự thoái hóa của đất có một tốc độ khủng khiếp. Trong vòng 75 năm, 70% diện tích đất biến từ đất rất tốt sang đất vừa vừa. Ở nước ta sự thoái hóa ấy

không được khảo cứu, song ta chắc rằng nó cũng đở đở không kém, từ lâu ta vẫn biết rằng ruộng không « trúng » như xưa nữa (trừ các ruộng bón phân kỹ).

Thu hẹp vì một hiện tượng khác tổng quát hơn, và có từ cổ tích kim, ấy là hiện tượng mòn đất (érosion). Các đá của lục địa trôi lên khỏi mặt nước là bị khí hậu làm mục, hư đi. Nước mưa rơi xuống lôi cuốn từ các phần tử nhỏ đến các hạt to: đấy là phù sa. Phù sa ấy tụ lại ở các vùng thấp hoặc do sông tải ra biển.

Từ xưa đến nay biết bao nhiêu dãy núi to và đở đở hơn dãy Himálapson mà cũng bị hiện tượng ấy bào mòn thành đồng bằng.

Vì có mòn đất mà mặt đất có sự sống: sau khi dãy núi thành lập, nó mòn đi; sau đó, dãy núi khác nảy sinh. Vô quả đất trôi lên sụp xuống như sự hô hấp của một quả bóng không lồ. Các sự biến đổi ấy được ghi vào đá, nhờ thế mà hiện nay ta đọc được các sự diêu tàn ấy trong sử ký của địa cầu.

Song sự mòn đất là hiện tượng nguy hại nhất đối với loài người xưa nó không quan hệ, vì sinh vật ở trong tình trạng tự nhiên, giữa thú cây và đất có một sự quân bình, dù có biến thiên nó cũng từ từ không nguy hại. Vì thế mà xưa người ta tính rằng phải và cứ một triệu năm để cho một dãy núi bị mòn tất cả.

Nay loài người làm thay đổi thiên nhiên, sự mòn đất ấy có một tốc lực đáng sợ, nhất là với các đất trồng trọt quí báu, mềm, xốp, mà mỗi năm ta mỗi cày.

Vì xưa mặt đất ít khi không cây cỏ. Trái lại nay người phá rừng làm ở nhiều diện tích đất bị phơi trần ra mặt sức cho nước lôi gió cuốn

Ở các xứ gió mùa như ta, khi mà « tằm thắm xanh » (cây cỏ) đã mất thì sự mòn đất rất mau lẹ. Vào mùa khô cây cỏ chết đi hay tằm biển mất ; mặt đất khô, nứt, đất rã ra và bị gió cuốn đi. Ban ngày nhiệt độ ở mặt đất trần rất cao, giúp đất mau rã. Mùa khô rất dài và đất dễ bị cháy rất thường, làm ngưng trệ sự thành lập một tằm thắm xanh mới. Đến mùa mưa không có cây cỏ, nước xoáy đất dữ dội. Và lại mưa ở xứ ta rất to ; nước chảy mạnh lau đất sạch mất cả.

Vì hiện tượng trên mà hiện tại, mỗi năm đều đều mặt đất mòn chừng hai phân (2cm) (R. Heim 1952, trang 114). Hai phân có là bao nhưng ta phải nghĩ rằng đó là hai thước ở một thế kỷ ! Nhưng ở vài nơi như Bắc Mỹ, nó cắt mất đến 70 phân trong 12 tháng !

Thật ra sự mòn đất không phải luôn luôn có hại. Đất mòn ở núi sẽ đem bồi ở đồng

bằng và tăng gia sự phì nhiêu của vùng ấy. Phù sa lấp những vũng thành ra những đồng mới. Muối bỏ đem ra biển sẽ làm tăng phiêu sinh vật (sinh vật rất nhỏ nổi trong nước ; thức ăn của cá) và cá vì thế nhiều lên.

Song phải biết bao nhiêu mẫu đất hao mòn và hư mới đem lấp được một khoảnh đất mới ! Và lại biết bao thước khối đất quý bị chở ra chìm mất trong biển cả. Trong lúc mẫu rừng nuôi được rất nhiều thú, phải 10.000 mẫu samac mới đủ nuôi một con lạc đà !

Nếu ta không lo chống lại sự ấy thì không bao lâu, lớp đất trồng trọt được sẽ bị hao mòn và chìm sâu vô dụng trong nước mặn cả.

(còn tiếp)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

★ Một người kinh lịch, đứng tuổi, đã từng xây dựng được một công trình kỹ nghệ lớn lao và thu dụng được một số đông người cộng tác, đáp lại những bạn hữu tỏ vẻ ngạc nhiên trước sự thành công mau chóng của ông ta, bằng những lời này : « Về máy móc, tôi không am hiểu cho lắm, song về người, tôi biết rất là tường tận. »

Điểm mắt

Đời Lương bên Trung-hoa, có người vẽ được năm con rồng có tinh thần rất linh động mà không điểm mắt. Người ta cố nài cho y điểm thêm mắt vào. Bất đắc dĩ, y phải nghe theo. Tức thì cả năm con rồng phá bờ vách mà bay. Diển tịch « Điểm nhãn » ngộ nghĩnh trên, có nghĩa bóng chỉ làm văn mà nắm được chỗ trọng yếu thì bài văn thế nào cũng trôi.



Tôi cũng nhớ

TẢN-ĐÀ

★ NGÀ - NGÀ

XEM bài « Nhớ Tản-Đà » ở tạp chí Bách-Khoa số 36 ra ngày 1-7-58, tôi cũng thấy nhớ Tản-Đà.

Tuy chưa được kể vào hạng bạn thân của Tản-Đà, nhưng tôi từng được cộng sự với Tản-Đà gần nửa năm, nghĩa là từ tháng 8 năm 1921 đến tháng 1 năm 1922. Khi ấy, Tản-Đà làm chủ bút tạp chí Hữu-Thanh, tôi làm Tổng Thư Ký tòa soạn. Tôi chưa lấy vợ, không có nhà ở Hà-nội; Tản-Đà thì không đem gia đình đi theo, nên hai người cùng ở ngay trong tòa soạn Hữu-Thanh, trên gác số 18 Hàng Mã Vỹ, Hà-nội.

Thói quen của Tản-Đà khi ấy, ban ngày ngủ gần suốt ngày, chiều tối mới dậy làm việc (tức là viết văn), thường làm suốt

đêm. Nhưng chiều tối không phải dậy rồi thì làm việc ngay đâu. Trước hết còn uống mấy ấm trà Tàu đá, sau xoay ra uống rượu, rồi mới viết văn. Nếu rượu không say thì văn không hay, thậm chí không « rặn » ra được.

Còn tôi, ngày làm việc hai buổi theo như thường lệ, tối có thể đi ngủ hay đi chơi, không phải làm việc nữa. Nhưng, làm Tổng Thư ký Tòa soạn, công việc của tôi là phải lo liệu cho có đủ bài đăng mỗi kỳ, và phải xem tất cả những bài lai cáo, sửa chữa những nơi nên sửa chữa, rồi đưa lên ông Chủ bút xem mà quyết định có đăng hay không. Ấy thế mà ông Chủ bút của tôi cứ ngủ cả ngày, thì tôi làm thế nào được! Đành phải chiều ông ấy vậy. Nhiều khi, tôi ban ngày làm việc rồi, tối lại phải « vào

chầu » ông Chủ bút một vài tiếng đồng hồ, bàn bạc với nhau về bài vở, vì không như thế thì công việc không xong xuôi.

Trước khi vào làm việc ở Hữu-Thanh, tôi không quen biết Tân-Đà, mặc dầu nghe tiếng đã lâu. Tân-Đà càng không biết tôi lắm, vì tôi tuy đã làm báo mấy năm nhưng không có tiếng tăm gì trong làng văn hết.

Nhưng từ khi cộng sự, hai người hiểu biết nhau dần.

Tôi thấy Tân-Đà thật là một thi sĩ rất đáng yêu, nhưng tuyệt đối không phải là một ông chủ bút lý tưởng. Tân-Đà học rộng biết nhiều, nhưng viết văn luận thuyết không hay. Cái hay của Tân-Đà bao giờ cũng vẫn ở vận văn, chứ không ở tản văn, càng không ở lối luận văn báo chí. Tuy vậy, lòng tôi yêu mến Tân-Đà không vì thế mà kém đi, vì tôi yêu mến Tân-Đà chỉ vì Tân-Đà có tâm hồn thi sĩ cao quý hơn người, chứ không vì Tân-Đà có tài làm chủ bút hay không.

Tân-Đà đối với tôi, lúc đầu hình như cũng rất coi thường, vì Tân-Đà vốn có tính ngạo nghễ không coi ai ra gì, lại chẳng nghe tôi có tài danh gì bao giờ cả. Nhưng sau thấy tôi làm thơ ca quốc âm có nhiều câu cũng nghe được, Tân-Đà mới ưa thích tôi.

Tôi đêm ngủ ở Hữu-Thanh, nhưng ban ngày về ăn cơm ở nhà cậu tôi, ông Nghè Lũ. Tân-Đà thì ăn cơm ở Hữu-Thanh, do Bác Ba thồi nấu cho. Bác Ba là loong-toong của Tòa soạn Hữu-Thành, đồng thời lại là chủ nợ của Tân-Đà nữa. Tuy lương Chủ bút có 6 chục một tháng (thuở ấy 6 chục không phải là một số tiền nhỏ), nhưng Tân-Đà cứ đến gần cuối tháng là phải vai tiền Bác Ba để mua rượu rồi. Tân-Đà

không tiêu hoang, nhưng tiền lương phần thì gửi về nhà quê, phần thì trả nợ, không dư mấy đồng để tiêu.

Lắm hôm, hình như vì buồn quá, Tân-Đà rủ tôi cùng uống rượu nói ngông cho vui. Bấy giờ, hai anh em dắt nhau ra Bờ Hồ, rồi đi quanh đến hiệu bán thịt bò ở đầu đường Gia-long, đối diện với Bóp Hàng-trống, mua 10 xu thịt bò (mà lần nào cũng chỉ 10 xu thôi, không hơn không kém) đem về làm đồ nhắm. Tuy chỉ 10 xu, nhưng thịt bò không ít, vì thuở ấy đồ ăn còn rẻ lắm.

Chúng tôi đem thịt bò xắt từng miếng nhỏ và mỏng, đựng vào một cái đĩa bạc. Đồng thời, đổ mỡ lợn vào một cái xanh con, bắt trên hỏa lò, đun cho sôi lên. Thế rồi hai anh em ngắt ngưỡng đánh chén. Gắp miếng thịt bò nhúng vào xanh mỡ đang sôi, chỉ nửa phút đồng hồ là thành thịt tái rất ngon. Thực là một thứ đồ nhắm tuyệt diệu ! Tôi bấy giờ tuy cũng biết uống rượu nhưng không uống được nhiều, còn Tân-Đà thì rượu ty (tức rượu La Fontaine) uống từng chai như chơi. Nhưng tôi không phục Tân-Đà uống rượu bằng phục Tân-Đà húp mỡ nóng. Cái xanh mỡ đang sôi sùng sục, mà « Ngài » cứ múc húp hết thìa này đến thìa khác, không bỏng mồm, thì ghê thật !

Lúc không uống, rượu Tân-Đà ít nói, lắm lúc gần như người đần, nhưng uống mấy chén vào, liền thấy tinh thần khác hẳn, nói cười vui vẻ, yên sĩ phi lý thuần không biết ở đâu này ra, thành những câu tuyệt diệu. Những câu thơ hay của Tân-Đà phần nhiều là làm ở lúc say cả.

Tân-Đà cũng thích hát cô đầu, nhưng không say mê. Tôi còn nhớ, khi ấy Tân-

Đà thích một cô đầu tên là Cô Kim ở số nhà 42 Hàng Giầy, trên gác. Thời bấy giờ, Hàng Giầy là xóm cô đầu ở giữa thành phố Hà-nội. Những bạn thân Tản-Đà như ông Nghiêm Hàm, ông Cử Trịnh Đình Rư, mỗi khi từ nơi khác về Hà-nội, tất đến rủ Tản-Đà « lên Cô Kim » hay là « lên Bồn hai ». Tản-Đà, gặp khi thu được tiền bán sách nhiều một chút, cũng hay rủ anh em « lên Cô Kim ». Tôi vì ở cạnh Tản-Đà, nên cũng thường được đi « che tàn ».

Người ta mê cô đầu, thường vì sắc đẹp hay vì tình dục. Nhưng Tản-Đà đối với Cô Kim, không phải mê vì thế, mà chỉ vì cô này là cô đầu duy nhất biết hát một vài bài hát nói của chính Tản-Đà làm ra. Nói một cách khác, Tản-Đà hình như chỉ thích nghe cô Kim hát những bài hát của mình, và coi cô Kim như bạn tri âm của mình.

Trên chiếu rượu cô đầu, « quan viên » nào đối với chị em lại không cười cợt là lời, trêu hoa ghẹo nguyệt, thậm chí có những hành động thô tục khó coi. Nhưng Tản-Đà đối với cô Kim không thế, bao giờ cũng ra dáng kính nể, dù khi đùa bỡn, cũng chỉ nói mấy câu phong nhã, còn đến cử chỉ là lời, thì tôi không thấy bao giờ. Tản-Đà ở trường hợp khác không phải không có lúc ngông cuồng, nhưng khi ở cạnh Cô Kim, Tản-Đà ta chấp chân chấp tay, nói năng nhỏ nhẹ, coi hay lắm !

Tản-Đà có thể gọi là một người quân tử: thành thực, ngay thẳng, ghét độc những cái giả dối, xảo quyết, hay là tất cả những cái mà người ta gọi là tiểu nhân.

Nguyễn-Mạnh-Bồng, Quản-lý tạp chí « Hữu-Thanh », là anh vợ Tản-Đà lại là

người tiễn cử Tản-Đà làm Chủ bút Hữu-Thanh. Nhưng sau mấy tháng ở Hữu-Thanh, Tản-Đà rất ghét Bồng, vì Bồng hay làm những việc mà Tản-Đà cho là ti tiện bỉ ổi, mặc dầu không có quan hệ trực tiếp đến Tản-Đà.

Làm Chủ bút chưa được bốn tháng, Tản-Đà muốn bỏ đi ngay, vì ác cảm đã sinh ra giữa Tản-Đà và Nguyễn-Mạnh-Bồng. Sau vì nể lời anh em khuyên can, Tản-Đà đành gắng gượng thêm mấy tháng. Rồi đến Tết năm Nhâm-tuất (vào khoảng tháng 1 năm 1922), Tản-Đà về quê ăn Tết, không bao giờ trở lại Tòa soạn Hữu-Thanh nữa.

Sau khi Tản-Đà đi rồi, tôi vẫn còn làm Tổng thư ký Tòa soạn Hữu-Thanh, cho đến mùa hè năm 1923 mới thôi, vì Hữu-Thanh đình bản. Trong thời gian ấy tôi không được gặp Tản-Đà lần nào nữa.

Mãi đến mùa thu năm 1923 tôi mới lại được gặp Tản-Đà. Khi ấy Tản-Đà trọ ở Làng Đơ, ngay cạnh tỉnh lỵ Hà-Đông, viết sách cho Nhà in Nghiêm-Hàm ở Hà-nội xuất bản. Tôi từ Hà-nội vào thăm Tản-Đà, ở chơi từ trưa đến chiều, đánh chén với những thứ đồ nhắm mà Tản-Đà tự chế, rồi nghe Tản-Đà đọc mấy bài thơ mới làm, và tán dóc trong mấy tiếng đồng hồ.

Đó là tôi gặp Tản-Đà lần cuối cùng, vì cuối năm ấy tôi ra hải ngoại, lẽ dĩ nhiên không bao giờ lại gặp nhau nữa.

Năm 1940, tôi đương sống trong bóng tối ở Hương-Cảng bỗng một hôm được xem một tờ *Trung-Bắc Tân-Văn* cũ, mới biết Tản-Đà tạ thế từ năm trước rồi,

trong lòng vô cùng thương tiếc, rồi làm hai bài thơ « Khóc Tản-Đà » như sau :

I

*Thương ôi hỡi Bác Tản-Đà ôi !
Giờ mới hay tin Bác mất rồi.
« Giấc mộng lớn » kia chừng đã tỉnh ?
« Khối tình con » ấy có từng nguôi ?
Nước đi non đứng như hồ hững.
Gió thoảng mây qua cũng ngậm ngùi.
Cái gác Hữu-Thanh nay vẫn nhớ,
Hai mươi năm trước Bác cùng tôi... (1)*



II

*Hai mươi năm trước Bác cùng tôi,
Tôi vẫn còn đây, Bác mất rồi !
Đến thác vương tơ là thế ấy ! (2)
Nhọc mình se cát đó mà thôi. (3)
Chán phè thế sự vào ba chén.
Rẻ ói vẫn chương tiếc một đời.
Đất bắc trời nam đôi giọt lệ,
Thương ôi hỡi Bác Tản-Đà ôi !*

NGÀ-NGÀ

(1) Năm ấy là năm 1921.

(2) Nói Tản-Đà bán văn suốt đời không đủ ăn.

(3) Nói tôi đi theo cách mạng chẳng làm được chuyện gì.

LỜI PHỤ

của Tân-Fong-Hiệp
về ngày TẢN-ĐÀ mất

Tôi nhận bài « Tôi cũng nhớ Tản-Đà » của ông bạn Ngà-Ngà viết, do bài « Nhớ Tản-Đà » của tôi (đăng năm ngoái) gợi hứng, mà đưa thêm bằng chứng về ngày Tản-Đà vĩnh biệt chúng ta.

Tôi có nói ông Kiêm-Đạt, ông Nguyễn-Văn-Mùi, ông Nguyễn-Sĩ-Tế (tôi quên ông Bằng-Phong trong quyển « Luận đề Tản-Đà và Chu-Mạnh-Trình », do Á-châu xuất bản Sài Gòn, 1957) có lẽ đã theo ông Nguyễn-Mạnh-Bồng mà cho rằng Tản-Đà tạ thế ngày 20 tháng tư ta, tức ngày 17 tháng 6 Tây.

Tôi đã căn cứ vào bản lịch đối chiếu của Tam-tông-miếu và bài của Nguyễn-Tuân, người bạn đã chứng kiến cảnh Tản-Đà hấp hối, và sau đó viết liền bài « Chén rượu vĩnh biệt », mà cho rằng : ngày Tản-Đà mất là ngày 7 tháng 6 năm 1939.

Nay, tôi lại được hai bằng chứng nữa, một của một nhà phê bình thận trọng, một của thân nhân Tản-Đà, viết trước 1945, vậy xin chép lại đây để bạn đọc cùng rõ :

— Lê-Thanh, trong cuốn « Thi-sĩ Tản-Đà » (Tản-Đà thư cục xuất bản, Hà Nội, 1939) ghi : « ...sinh 29 tháng 4 Thành-Thái nguyên-niên (1888), mất ngày 7-6-1939. »

— Nguyễn-Văn-Phúc, trong cuốn « Tôi với Tản-Đà » (Đời mới xuất bản, Hà Nội, 1944), viết : « Ngày 20 tháng 4 ta, tức là ngày 7 Juin 1939, ngày mà số mệnh đã cướp của chúng ta thi-sĩ Tản-Đà... »

TÂN-FONG-HIỆP

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

Kỳ dị thay cuộc đời của Mặc-Địch, triết gia Trung quốc, ở thế kỷ V trước Thiên Chúa giáng sinh, suốt đời đi giảng dạy, và thực hành thuyết kiêm ái, cạnh tranh ảnh hưởng với giáo lý Khổng-Tử, đã lập lên một giáo đoàn gồm những đệ tử tuân phục mình cho đến chết (1), thế mà không để lại một dấu tích gì về sau trong sự phồn thịnh của tư tưởng Trung-quốc. Nếu người ta đã tìm thấy trở lại triết gia ấy ở cuối thế kỷ XVIII, thì chỉ sau khi các tư tưởng Tây-phương du nhập Trung-quốc, khoảng giữa thế kỷ vừa qua, người ta mới hiểu được sự quan trọng của giáo lý ông. Có người cho ông là nhà luận lý lớn lao nhất của Trung-Hoa, người khác nhận thấy ở ông một tinh thần khoa học siêu việt. Và người này thì cho ông là kẻ

(1) Sách Hoài-nam-tử viết : Mặc-tử phục dịch bách bát thập nhơn, giai khả sử phó hóa đạo nhân, tử bất triền chủng (Phục dịch Mặc-tử có một trăm tám mươi người, đều có thể khiến nhảy vào lửa, đạp trên lưỡi dao, chết không quay gót).

(Chú thích của dịch giả)

Kiểm ái của Mặc-Địch

và bác ái của

KI-TÔ GIÁO

tiên khu của chủ nghĩa xã hội, người kia so sánh ông với Chúa Giêsu. Trong sách The Wisdom of China, Lâm-Ngữ-Đường đã viết : « Trong các triết gia Trung-quốc, ông (Mặc-Địch) gần với tư tưởng của Ki-tô-giáo hơn cả, vì chỉ ông đã lấy lòng bác ái làm nền tảng cho xã hội và xây dựng hòa bình, tỏ rằng Trời thương yêu mọi người, không phân biệt... Người ta nói rằng có mấy vị Giáo sĩ đã không lấy thế làm vui thích, lại còn do dự, không nhìn nhận rằng những học thuyết dạy lòng thương yêu Chúa Trời và thương yêu mọi người xưa kia đã có ở người Trung-quốc. Sự ấy cũng gần giả dối như việc đến miền Nam-cực mà trông thấy có người ở đó rồi (1). »

Lời nhận xét ấy của Lâm-Ngữ-Đường, dẫu tài tình, nhưng đối với chúng tôi, hình như vẫn không hoàn toàn xác đáng. Các sử gia về triết học Trung-quốc, trong

(1) The Wisdom of China and India do Lâm-Ngữ-Đường xuất bản, 1942, trang 785.

đó có các nhà thông thái nước này thường không nhìn nhận sự giống nhau giữa Ki-tô giáo và tư tưởng của Mặc-tử ; một đôi người nhận thấy ở tư tưởng này một chủ nghĩa công lợi nó không có gì cộng đồng với lòng bác ái của lý thuyết Ki-tô giáo. Tuy vậy, cũng vẫn có những giáo sĩ đã vui vẻ nêu lên những điểm giống nhau giữa tư tưởng của Mặc-tử và tư tưởng trong Kinh Thánh. Như H. Rowley đã nghiên cứu về Mặc-tử, và công trình nghiên cứu ấy là một nguồn suy gẫm vô tận cho một người Ki-tô giáo (1). Trước tình trạng bất đồng về ý kiến ấy, và không dám hy vọng giải quyết dứt khoát vấn đề, chúng tôi tưởng cũng nên tìm xem người ta có thể gán cho Mặc-tử chủ trương thực dụng đến độ nào, và thuyết kiêm ái của ông giống thuyết bác ái của Chúa Giêsu nhiều hay ít.

Muốn có một ý kiến rõ ràng về lý thuyết mà Mặc-tử đã giảng dạy và thực hành, trước hết chúng ta nên đọc ba chương tổng quát về kiêm ái của ông. Mặc-Tử cho rằng mỗi loạn ly trong xã hội đều do lòng riêng tư, tức là lòng vụ lợi riêng cho mình mà sinh ra. (2) Trong thế giới lý tưởng, mọi người thương

(1) H. H. Rowley, *Submission in Suffering*, 1951, trang 8-9, 67-70, 108-144.

(2) Mặc-Tử : *Kiểm Ái Thượng* : Tử tự ái bất ái phụ, cố khuy phụ nhi tự lợi, đệ tự ái bất ái huynh cố khuy huynh nhi tự lợi, thân tự ái bất ái quân cố khuy quân nhi tự lợi, thù sở vị loạn giả (Con tự thương mình mà không thương cha, nên phụ lòng cha mà làm lợi riêng cho mình, em tự thương mình mà không thương anh, nên phụ lòng anh mà làm lợi riêng cho mình, kẻ bề tôi tự thương mình mà không thương vua, nên phụ lòng vua mà làm lợi riêng cho mình, đó gọi là loạn vậy).

(*Chủ thích của dịch giả*)

yêu nhau, không phân biệt. Kiêm ái là vị thuốc công hiệu nhất để chữa loạn ly, giặc giã. Nếu thương nhà người cũng như nhà mình, thì sẽ không có trộm cắp, cãi vã ; nếu thương nước lân bang như nước mình, thì sẽ không có sự công kích lẫn nhau ; (3) nếu thương cha người, anh người, vua người như thương mình thì không có con bất hiếu, anh em bất đễ, nhân dân bất trung. (4) Do đó, cần phải phân biệt « Biệt » và « Kiêm », nghĩa là lòng thương yêu riêng tư thân mình và lòng gồm yêu mọi người lẫn nhau. Ấy là đều Mặc-Tử trình bày trong một đoạn sách sau đây :

« Có hai người, một người theo phái « Biệt », người kia theo phái « Kiêm ». Người trước nói : « Ta sao xem thân bạn như thân ta, xem cha mẹ bạn như cha mẹ ta được ? » Rồi người ấy thấy bạn đói không cho ăn, rét không cho

(3) *Kiểm ái thượng* : Thị nhơn gia nhược kỳ gia, thùy loạn ? thị nhơn quốc nhược kỳ quốc, thùy công ? cố đại phu-chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả vô hữu. (Nếu xem nhà người như nhà mình, thì còn ai làm loạn ? Nếu xem nước người như nước mình thì còn ai công kích nước mình ? cho nên kẻ đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh lẫn nước nhau, điều ấy không có.)

(*Chủ thích của dịch giả*)

(4) *Kiểm ái thượng* : Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, nhân ái phụ huynh dữ quân nhược ái kỳ thân, ố thì bất hiếu, thị tử đệ dữ thân nhược kỳ thân, ố thì bất từ, cố bất hiếu bất từ vô hữu. Do hữu đạo tặc giả hồ ? — (Nếu khiến thiên hạ gồm yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh cùng vua như yêu thân mình, ghét làm điều bất hiếu. Coi con em và bề tôi cũng như thân mình, ghét làm những điều bất từ, thì điều bất hiếu bất từ sẽ không có. Còn có trộm cướp nữa chăng ?)

(*Chủ thích của dịch giả*)

mặc, đau không săn sóc, chết không chôn cất. Đó là ngôn ngữ và hành vi của những người theo phái « biệt ». Người theo phái « kiêm » thì khác hẳn. Người này nói : « Kẻ cao sĩ trong thiên hạ ắt xem thân bạn như thân mình, xem cha mẹ bạn như cha mẹ mình, như thế mới là kẻ cao sĩ. »

Rồi thấy bạn đói, người ấy cho ăn, thấy rét cho mặc, đau thì săn sóc, chết thì chôn cất. Đó là ngôn ngữ và hành vi của những người theo phái « kiêm » (1).

Lòng thương yêu công chính ắt bao trùm cả mọi người, kẻ xa cũng như người gần. Khác với Khổng-giáo thương yêu nhiều ít tùy theo tình thân, sơ, Mặc-tử cho rằng kẻ sơ, xa, cũng đáng được thương yêu như kẻ thân, gần.

Lòng kiêm ái ấy, Mặc-tử quan niệm như là một nguồn lợi lẫn cho nhau. (2) Trong một xã hội lý tưởng đã thực hiện lẽ kiêm ái thì giặc giã, oán ghét sẽ khu trừ, nhân dân sẽ được giàu có, an lạc mãi mãi. (3) Kẻ mạnh không đánh người yếu, kẻ giàu không khinh bỉ người nghèo, kẻ xảo quyết không lừa gạt kẻ chất phác. Kẻ già cả, góa bụa,

(1) Kiêm-ái thượng.

(2) Kiêm-ái trung : ... giao kiêm giả, giả sinh thiên hạ chi đại lợi giả dư (gồm yêu mọi người quả đã sinh ra lợi lớn cho thiên hạ vậy).

(Chú thích của dịch giả)

(3) Kiêm-ái thượng : Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, quốc dữ quốc bất tương công, gia dữ gia bất tương loạn, đạo tặc vô hữu, ... nhược thử tắc thiên hạ trị (Nếu làm được cho thiên hạ gồm yêu lẫn nhau thì nước nọ với nước kia không đánh lẫn nhau, nhà nọ với nhà kia không làm loạn lẫn nhau, trộm cướp không có, thế thì thiên hạ được trị an).

(Chú thích của dịch giả)

côi cút sẽ được đời sống chắc chắn. (4) Sự lo lắng về lợi ích lẫn nhau ấy làm cho ta thấy học thuyết của Mặc-tử có nhiều ít khuynh hướng thực dụng. Ông nghĩ rằng nếu thiên hạ có lợi thì mỗi cá-nhân trong thiên hạ cũng đều có lợi. Ai thương người sẽ được người thương lại, ai làm lợi cho người sẽ được người làm lợi cho mình.

Mặc-tử biết rằng lý thuyết của ông sẽ không được người ta thừa nhận một cách dễ dàng. Ông dự đoán sẽ có lời cãi lại như sau : Kiêm ái là một việc tốt, không ai cãi được, nhưng liệu nó có thể thực hành được không ? Muốn thực hành « kiêm ái », phải chăng là toan làm một việc không thể làm được, như kẹp núi Thái-sơn trong cánh tay mà nhảy qua sông Hoàng-hà. Câu trả lời của Mặc-tử đã sẵn sàng : Kiêm ái có thể thực hành được, vì các bậc thánh vương đời xưa như vua Đại Võ, vua Thang nhà Thương, vua Văn, vua Vũ nhà Chu đều đã đến đó. Phải chăng vua Đại Võ trong mấy năm trị thủy,

(4) Kiêm-ái hạ : Kim ngô chính cầu hưng thiên hạ chi lợi nhi thi chi, dĩ « kiêm » vi chính. Thi dĩ thông nhi minh mục tương vi thị thính hồ. Thi dĩ cò quăng tất cường tương vi động tế hồ, nhi hữu đạo tự tương giáo hối. Thi dĩ lão nhi vô thể, tử giả hữu sở thị dưỡng dĩ chung kỳ thọ, ấu nhược cô đồng chi vô phụ mẫu giả hữu sở phong y dĩ dưỡng kỳ thân... (Nay ta đương tìm cách dạy được điều lợi cho thiên hạ mà làm thì lấy kiêm-ái làm chính đạo. Vậy người có mắt tai sáng suốt là đề cùng nhau trông nghe, có chân tay cứng mạnh là đề cử động làm lợi lẫn cho nhau, có biết điều đạo lý là đề hết lòng dạy bảo lẫn nhau. Như thế, những người già góa vợ, không con, có kẻ nuôi nấng, trông nom cho trọn tuổi già, những kẻ nhỏ yếu bỏ côi cha mẹ có chỗ nương dựa đề nuôi thân...)

(Chú thích của dịch giả)

đã không ngần ngại làm việc ngày đêm, không nghĩ đến việc ghé thăm gia đường khi đi ngang qua đó, vì lòng đương cùng nhân dân lo lắng, đau khổ? Phải chăng vua Thang, trong lúc đại hạn, đã cầu xin Trời nhận mình làm vật hy sinh chuộc tội và tha chúng dân khỏi tai họa? Phải chăng vua Văn, vua Vũ đã hy sinh lợi lộc bà con mình cho lợi lộc của dân chúng? Không gì ngăn cản chúng ta học theo các bậc thánh vương ấy để thực hành sự kiêm ái.

Kiểm ái không chỉ thực hành được mà còn dễ thực hành hơn sự thương yêu riêng mình nữa. Xem như người sắp đi xa ắt muốn đem vợ con mình mà gửi cho người phải kiêm hơn là gửi cho người phải biệt. Học thuyết này tuy ban đầu làm cho chúng ta nhớ đến một chủ nghĩa xã hội duy vật, nhưng vẫn giữ một màu sắc tôn giáo.

Trong ba chương tổng quát dành cho thiên « Thiên chí », hoặc trong chương IV về Pháp nghi, tóm tắt ba chương trước, Mặc-tử đã đặt học thuyết kiêm ái của mình trên một nền tảng hữu thần. Thừa kế truyền thống nhất thần luận, Mặc-tử tin một Thượng-đế duy nhất, toàn quyền năng, toàn tri thức, chung quanh Ngài quay quần các quỷ thần và linh hồn người chết.

Sự kiêm ái mà ông giảng dạy chính là điều mà trời khiến người ta phải làm. Ông nói: « Trời muốn người ta yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau. Trời không muốn người ta ghét nhau và làm hại nhau ». (1)

(1) Pháp-nghi: Thiên tất dục nhưn chi tương ái, tương lợi, nhi bất dục nhưn chi tương ố, tương tặc. (Chú-thích của dịch-giả)

Vì sao biết kiêm ái là điều Trời khuyên bảo? Vì Trời thương yêu mọi người không phân biệt, và ban ơn cho hết thảy. Điều gì cũng vì lợi ích cho người mà làm ra, cho đến mũi nhọn của sợi lông cũng là sự nghiệp của Trời. Những vật rất nhỏ cũng do Trời làm ra cho người. Vì ở trong yêu người mà Trời thiết lập trật tự hương bầu trời, trăng, sao, để soi sáng người, xoay vần bốn mùa, sinh ra sương, mưa, tuyết, để các thứ hạt và cây cối nở mộng và mọc lên lớn; gầy dựng đồng bằng, thung-lũng, dưỡng thành các kim loại và thú vật. Tất cả các vật ấy là để cho người dùng, để cung cấp thực phẩm, y phục cho người. Cũng vì thương yêu người mà Trời đặt ra các vị Vương, Hầu để lập trật tự trong xã-hội, thưởng người lành, phạt người dữ. Trời cũng như một ông cha yêu mến sâu xa con cái, nên vì lợi ích cho con cái mà ra công ra sức không kể.

Sự cúng lễ Trời của người, theo Mặc-Tử, là bằng chứng rõ ràng của lòng thương yêu người của Trời. Nếu Trời nhận lễ vật ấy, phải chăng Trời đã tự cho là chủ của người? Cũng như các vị quốc-vương được nhân dân trong nước nuôi dưỡng nên đối với nhân dân, có tình yêu mến đặc biệt, Trời được nhân dân trong thiên hạ nuôi dưỡng, nên thương mọi người, không phân biệt.

Do đó, người ta hiểu rằng lòng thương yêu lẫn nhau của nhân loại phải lấy lòng thương yêu nhân loại của Trời làm khuôn mẫu.

Vậy tuân theo ý chí của Trời, nghĩa là noi gương thực hành kiêm ái của Trời. Lòng nhân của Trời bao hàm « nghĩa » nữa. Nhân và nghĩa là hai đức tính

không lia nhau được của Trời. Người vâng theo ý muốn của Trời không chỉ thực hành đạo kiêm ái mà còn tuân theo « nghĩa », là điều trái với « bạo ». Nghĩa là một tiêu chuẩn Trời thiết lập giữa loài người. Mọi người thương yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, thì cuộc đời trên thế gian là một cuộc đời công bằng, hợp nghĩa.

Người ta thấy Mặc-Tử luôn luôn lo lắng cho hạng người yếu ớt và bị thiệt thòi.

Vậy thì, theo Mặc-Tử, điều gì là tội lỗi ? Đó là lòng riêng tư chỉ biết thương mình. Bởi vì phạm tội lỗi với người đó là đặc tội với Trời. (1) Không tuân theo ý chí của Trời và lẽ công bằng, tất nhiên sẽ bị trừng phạt, sự trừng phạt để phát biểu lẽ công bằng của Trời, đó cũng là một thứ nhân ái vậy. Một Thượng đế thờ ơ với tội lỗi của người không phải là một Thượng-đế có lòng nhân ái. Mặc-Tử nói : « Giết người vô tội sẽ bị tai ương. Ai giết người vô tội ? Người. Ai giáng tai ương ? Trời. Nếu Trời không thương người, sao lại giáng tai ương xuống cho một người giết người? » (2)

(1) Ái như lợi như giả, thiên tất phúc chi, ố như tặc như giả, thiên tất họa chi (Thương người, làm lợi cho người ắt sẽ được Trời ban cho phúc, ghét người, hại người sẽ bị Trời giáng tai họa).

(Chú thích của dịch giả)

(2) Sát bất cô giả, đắc bất tương yên ; phù hề thuyết như vi kỳ tương sát nhi thiên dữ họa hồ, thị dĩ tri thiên dục như tương ái tương lợi nhi bất dục như tương ố, tương tặc (Giết người vô tội ắt sẽ bị điều chẳng lành, sao người giết nhau mà Trời giáng tai họa, đó là biết Trời muốn người thương nhau, làm lợi cho nhau, không muốn người ghét nhau, làm hại nhau.)

(Chú thích của dịch giả)

Đề chứng minh lẽ công bằng và sự trừng phạt của Trời, Mặc-tử dẫn sự tích các vị Đế, Vương thời xưa làm ví dụ. Những vị Đế, Vương nào đã thực hành nhân, nghĩa, đó là đã tuân theo ý muốn của Trời nên được thưởng. Trời nói về các vị ấy : « Họ thương những kẻ ta thương và làm điều lành cho những kẻ Ta muốn làm điều lành. » Trái lại, những Đế, Vương tàn ngược đã bị trừng phạt, tai ương đã giáng xuống cho họ và con cháu họ. Trời nói về các Đế, Vương này : « Họ khinh bỉ những kẻ Ta thương yêu, họ bạc đãi những kẻ Ta muốn ban điều lành. »

Xem vậy thì ý muốn của Trời — Mặc-tử gọi là *Thiên chí* — là tiêu chuẩn để hành động, là một qui tắc sáng suốt có thể sánh với cái thước vuông của người thợ mộc và cái thước tròn của người thợ đóng bánh xe. (1) Nhờ qui tắc ấy, nhân nghĩa mới có thể thiết thi trên thế gian, vì người phải mô phỏng ở thân mình nhân và nghĩa nó là những đặc tính đạo đức của Trời.

Đã quan niệm ý chí của Trời như thế tất nhiên Mặc-tử coi Trời là một thực thể có bản ngã. Huống nữa, ông chống lại mọi quan niệm về định mệnh. Ông nói :

(1) Thiên-chí thượng : Ngã hữu Thiên-chí nhược luân nhân chi hữu qui, tương nhân chi hữu củ. Luân tương chấp kỳ qui củ dĩ độ thiên hạ chi phương, viên, viết : trứng giả thị dã, bất trứng giả phi dã... (Ta có cái chí của Trời cũng như người thợ đóng bánh xe có cái thước tròn, người thợ đóng quan tài có cái thước vuông. Thợ đóng bánh xe, thợ đóng quan tài cầm cái thước tròn thước vuông để đo hình vuông, hình tròn trong thiên hạ, nói : hễ đúng thì phải, hễ không đúng thì không phải....

(Chú thích của dịch giả)

« Thuyết định mệnh là do các bạo vương và tập quán của hạng cùng dân bày đặt ra. » Không chịu thực hành kiêm ái để cho đời sống mình được sung sướng hơn, hạng người khốn khổ vì thâm nhiễm những ý tưởng định mệnh, cho rằng sự khốn khổ của mình là do số mệnh đã định như thế rồi (1). Điều ấy chỉ khích lệ sự biếng nhác mà thôi.

(1) Phi mệnh thượng : Chấp hữu mệnh chi ngôn viết : Thượng chi sở thưởng giả, mệnh cố thả thưởng, phi hiền cố thưởng dã. Thượng chi sở phạt, mệnh cố thả phạt, phi bạo cố phạt dã. Thị cố nhập tắc bất từ hiếu ư thân thích, xuất tắc bất để trường ư hương lý, tọa xử bất độ, xuất nhập vô tiết, nam nữ vô biệt. Thị cố sử trị quan phủ tắc đạo thiết, thủ thành tắc băng bạn, quân hữu nạn tắc bất tử, xuất vong tắc bất tống... Tích thượng thế chi cùng dân tham ư âm thực, noạ ư lũng sự, thị dĩ y thực chi tài bất túc, nhi cơ hàn đồng nổi chi ưu chí, bất tri viết : « ngã bì bất tiểu tông sự bất tậ », tậ viết : « ngã mệnh cố thả bản ». Tích thượng thế bạo vương bất nhân kỳ nhi mục chi dâm, tâm đồ chi tịch, toại dĩ vong thất quốc gia, khuynh phúc xā tắc, bất tri viết : « Ngã bì bất tiểu, vì chính bất thiên », tậ viết : « Ngã mệnh cố thả chi ». Kim dụng chấp hữu mệnh giả chi ngôn, tắc thượng bất thịnh trị, hạ bất tưng sự. (Người theo thuyết hữu mệnh nói : Người trên thưởng ai, ấy là vì số mệnh người ấy được thưởng, không phải vì hiền đức mà được thưởng. Người trên phạt ai, ấy là vì số mệnh người ấy phải bị phạt chứ không phải vì bạo ngược mà bị phạt. Bởi thế họ vào trong thì không hiếu thảo với kẻ thân thích, ra ngoài thì không kính nhường người làng, xóm, đứng ngồi, ra vào không có tiết độ, ở chỗ trai gái không có sự phân biệt. Vì vậy, sai họ làm việc công thì họ trộm cắp, sai giữ thành thì họ làm phản, vua gặp nạn thì họ không liều chết, vua đi trốn thì họ không tiễn đưa... Xưa kia hạng dân cùng cực tham ăn uống, nhác làm việc, cho nên của cải về sự ăn mặc không đủ mà phải lo đói, lo rét, thế mà họ không biết nói : vì ta hư hỏng, làm việc không giỏi », mà lại nói : « số mệnh của ta vẫn nghèo ». Xưa kia, những vua bạo ngược không chịu được cái đam mê của tai mắt và sự thiên lệch của bụng dạ, đến nỗi tan mất quốc gia, nghiêng đổ xā tắc, mà không biết nói : « vì ta hư hỏng, làm việc chính trị không khéo », mà lại nói : « Vì số mệnh nên ta phải mất ». Nay dùng lời nói của kẻ theo thuyết hữu mệnh thì người trên không lo việc chính trị, người dưới không chịu làm việc. (Chú thích của dịch giả)

Thuyết định mệnh cũng là một sự bất kính đối với Trời, vì nếu tuân theo ý chí của Trời là đáng thương yêu và làm lợi cho tất cả mọi người, người ta không còn lo sợ cho tương lai mờ mịt, mà lại chắc được phước của Trời ban cho (1). Chúng ta chịu lấy trách nhiệm của số mệnh chúng ta.

Đó cũng là quan niệm hữu thần về Trời của Mặc-tử, nó đối kháng với chủ nghĩa nghi lễ, câu nệ hình thức thái quá của Khổng-tử. Tinh thần tôn giáo đối với ông quan trọng hơn nghi thức bề ngoài vậy. Cúng tế, dâng lễ vật mà không tin có quỷ thần, đối với Mặc-tử, là quăng lưới ở những nơi đã biết chắc là không có cá. Thái độ về tôn giáo của ông tóm tắt trong câu này : « Tôn kính Trời, phụng sự quỷ thần, và thương yêu người ».



Thuyết kiêm ái ấy, quan niệm như là một mệnh lệnh của Trời, Mặc-tử bắt đầu đích thân đem thực hành. Theo lời các môn đệ cũng như các kẻ đối lập của ông, cuộc đời ông luôn luôn phù hợp với tín ngưỡng triết lý và tôn giáo của ông. Hơn ai hết, tuân theo Thiên chí, ông đã thực hành sự thương Trời, thương người, với sự khở hạnh và hy sinh hoàn toàn thân mình. Mạnh-tử, một môn đệ của Nho gia,

(1) Thiên-chí thượng : Dục phú thả quý giả, dương thiên ý nhi bất khả bất thuận : thuận thiên ý giả kiêm tương ái, giao tương lợi, tất đắc thưởng ; phản thiên ý giả, biệt tương ố, giao tương tặc, tất đắc phạt. (Kẻ muốn giàu sang thì không nên không thuận ý Trời, kẻ thuận ý Trời là những kẻ cùng thương yêu lẫn nhau, làm lợi cho nhau, những kẻ ấy ắt được Trời thưởng, trái ý Trời là ghét nhau, làm hại lẫn nhau, những kẻ ấy ắt bị Trời phạt.

(Chú thích của dịch giả)

trách Mặc-tử đã không kể đến những liên hệ thiên nhiên giữa người và người, hóa ra lại tỏ lòng tôn kính ông. Họ Mạnh nói : Triết lý của Mặc-tử chủ trương thương yêu mọi người đồng nhau ; dầu mòn nát tấm thân, từ đỉnh cho đến gót chân mà có ích lợi cho người, ông cũng không do dự. (1) Trang-tử, môn đồ Đạo giáo, tuy trách Mặc-tử giảng dạy thuyết kiêm ái là một thuyết không thực hành được, nhưng cũng tỏ lòng tôn kính, khâm phục triết gia này. Trang nói : « Thuyết của Mặc-tử có điều phải, nhưng sai lạc. Thuyết ấy bắt buộc các người theo Mặc-học đời sau phải chịu cực khổ, cho đến không còn một sợi lông chân, và đua nhau mà làm hơn thế nữa. Điều ấy tốt hơn sự rối loạn, nhưng còn thấp hơn sự trị an thật sự. Tuy vậy, Mặc-tử cũng thật là một trong những người tốt nhất của thiên hạ. Người ta không thể tìm thấy hạng người như thế. (2)

Người ta có thể kể lại rất nhiều hành vi và ngôn ngữ rút trong cuộc đời Mặc-tử

(1) Mạnh-tử, tận tâm : Mặc-tử kiêm ái, ma đình phóng chủng, lợi thiên hạ, vi chi. (Mặc-tử thực hành chủ nghĩa Kiêm ái, dầu mòn nát tấm thân từ đỉnh đầu cho đến gót chân mà có ích lợi cho thiên hạ, ông cũng làm). (Chú thích của dịch giả)

(2) Trang-tử, Thiên hạ : Mặc-Địch, Cầm-hoạt-Ly chi ý tắc thị, kỳ hành tắc phi dã, tương sử hậu thế chi Mặc-giả, tất tự khổ dĩ phi vô bạc, hình vô mao, tương tấn nhi dĩ kỳ ; loạn chi thượng dã, trị chi hạ dã. Tuy nhiên, Mặc-tử chọn thiên hạ chi hảo dã ; tương cầu chi bất đắc dã, tuy khô cảo bất xả dã, tài sĩ dã phú ? (Ý của Mặc-tử, của Cầm-hoạt-Ly là đúng, nhưng đem thực hành thì sai, khiến những kẻ theo Mặc-học đời sau phải lao khổ, bấp chần ổng chần không còn lông dài lông ngắn, và tranh nhau mà làm như thế mãi ; cái tội làm loạn thiên hạ thì nhiều mà cái công trị thiên hạ thì ít. Tuy vậy, Mặc-tử thật là một người tốt trong thiên hạ : lo cứu thiên hạ chưa được thì khô héo tận thân cũng không thôi. Ấy chẳng phải là một kẻ sĩ có tài sao ?).

(Chú thích của dịch giả)

nó chứng tỏ ông không bao giờ do dự cứu giúp người đời, đến nỗi chân ông mòn nát, thân ông mệt nhọc. Đây chúng ta chỉ cần nêu lên rằng sự thực hành kiêm ái đã khiến Mặc-tử hy sinh hoàn toàn thân mình. Chúng ta thấy trong một chương của tiểu sử ông nói rằng một người bạn già một hôm gặp ông đi đường, nói với ông :

« Ngày nay, trong thiên hạ không ai làm nghĩa, chỉ một mình ông khổ thân làm việc nghĩa, chỉ bằng ông nên thôi đi. »

Mặc-Tử trả lời : « Nay có người có mười đứa con, nhưng chỉ có một đứa cây ruộng, còn các đứa kia đều ăn không ngồi rồi. Như vậy, đứa cây ruộng phải làm việc khó nhọc hơn nữa. Vì sao ? Vì có nhiều miệng phải nuôi hơn nhiều tay làm việc. Ngày nay, không ai làm việc nghĩa ; vậy ông phải khuyến khích tôi chứ sao lại can ngăn tôi. » (3) Do đây ta không lạ gì khi thấy Mặc-Tử so sánh hạng người thông minh thuở ấy với những kẻ làm con bất hiếu, vì không biết ý chí của Trời, họ xa lẽ kiêm ái là lẽ mà Trời muốn được thực hiện khắp mọi nơi để làm lợi cho mọi người.

(Còn tiếp)

PHAN-KHOANG và
HOANG-MINH-TUYNH (dịch)

(3) Qui nghĩa : Mặc-tử tự Lỗ tức Tề, quá cố nhơn, vị từ Mặc-tử viết : « Kim thiên hạ mạc vi nghĩa, tử độc tự khổ nhi vi nghĩa, tử bất nhược dĩ ». Tử Mặc-tử viết : « Kim hữu nhơn ư thủ, hữu tử thập nhơn, nhất nhơn canh nhi cứu nhơn xử, tắc canh giả bất khả dĩ bất ích cấp hí. Hà cố ? tắc thực giả chúng nhi canh giả quả dã. Kim thiên hạ mạc vi nghĩa, tắc tử như khuyến ngã giả dã, hà cố chi ngã. (Mặc-tử từ Lỗ sang Tề, gặp một người quen, nói với Mặc rằng : « Nay trong thiên hạ không ai làm việc nghĩa, một mình ông chịu khổ làm việc nghĩa, chỉ bằng ông thôi đi ». Mặc-tử đáp : « Nay có một người có mười đứa con, một đứa cây còn chín đứa ở không, thì đứa cây không thể không làm việc gấp thêm. Vì sao ? Vì người ăn thì nhiều mà người cấy thì ít. Nay thiên hạ chẳng ai làm việc nghĩa, ông khuyên thêm tôi mới phải, sao lại can ngăn tôi ? » (Chú thích của dịch giả)

BẢN QUẢ VỀ VẤN ĐỀ

«Thụ thai theo ý muốn» ● NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

- Theo lý thuyết của Ogino-Knaus thì chỉ có thể có con trong 2 giờ sau khi rụng trứng.
- Vậy nếu chưa muốn có con, phải làm cách nào để tránh được ngày giờ rụng trứng đó?
- Nhưng lại còn trường hợp trứng con «bình tĩnh»?



(Tiếp theo số 58)

ĐẦU TIÊN, một người đàn bà hành kinh đều đặn 28 hôm một lần, người đàn bà «lý tưởng» ấy, chưa bao giờ có ở trên thế gian này. Và cũng vì lẽ ấy, các bà các cô, đại đa số đều mắc chứng bệnh thông thường là kinh nguyệt không đều! Khi thì sớm, khi thì muộn, chênh lệch nhau đến 2, 3 ngày là thường. Những bà nào mà sự chênh lệch quá 5 ngày thì dĩ nhiên là không nên áp dụng thuyết Ogino một cách quá máy móc và phải nên thận trọng hơn, — như tôi sẽ nói ở đoạn dưới.

Thật vậy, từ lý thuyết đến sự áp dụng vào thực tế, ta phải biết suy xét mà gia giảm thời kỳ «kiêng khem» thì mới đạt được mục đích mong ước. Muốn cho rõ, tôi lại lấy thí dụ Bà X nói trên, hành kinh 28 hôm một lần. Nếu ta cứ tạm cho ngày mồng 1 tháng 7 là ngày bà ta bắt đầu thấy kinh, thì thời kỳ rụng trứng của Bà X tất nhiên phải vào ngày 14 tháng 7. Và nếu Bà X có mục đích muốn không con, thì bà ta phải tránh những ngày nào?

1^o) Đầu tiên không thể giao hợp ngay ngày 14 được vì ngày ấy là ngày rụng trứng.

2^o) Hai nữa là bà ta lại còn phải kiêng cả 2 ngày trước ngày rụng trứng, tức là ngày 12 và 13 tháng 5, lý do là vì tinh trùng có thể sống được 2 hôm trong dạ con, và nếu giao hợp chẳng hạn vào ngày 12, thì tinh trùng còn thừa sức sống đến hôm 14 để gặp trứng con vừa lọt lòng khỏi túi trứng.

3^o) Không những thế mà thôi, vì không ai dám chắc ngày 14 sẽ bắt buộc là ngày rụng trứng, và rất có thể hành kinh của Bà X kỳ này, chậm 3 ngày hay sớm 3 ngày, nghĩa là trứng con có thể rụng hoặc vào ngày 11, hoặc vào ngày 17 cũng không chừng. Vì thế muốn chắc chắn, Bà X lại phải tránh mọi sự «yêu đương» từ ngày mồng 9 (bao giờ cũng phải nhớ tinh trùng sống 2 hôm, vì thế phải kiêng ngay từ ngày mồng 9) cho đến ngày 17.

Nói tóm lại, với một người hành kinh 28 hôm, và sớm chậm chênh lệch nhau

hôm, theo đúng lý thuyết Ogino, và áp dụng một cách chu đáo, Bà X đã phải kiêng từ ngày mồng 9 đến ngày 17, vị chi là 9 hôm tất cả.

Nay ta lại lấy thí dụ Bà Y cứ 22 ngày lại « thấy » một lần. Nếu muốn không chữa, ta sẽ thấy rằng số ngày kiêng lại cũng khác. Nếu Bà Y cứ 22 ngày thấy kinh một lần và dù hành kinh sớm chậm độ 2 ngày trở lại, ta có thể đoán kỳ rụng trứng vào khoảng ngày 11 tháng 7. Bà ấy phải kiêng những ngày : — 11, ngày rụng trứng.

— 9, 10, 12 và 13, là những ngày mà trứng có thể rụng được vì hành kinh sớm chậm là 2 hôm.

— ngày 7 và 8 là ngày tinh trùng còn có thể sống được. Tất cả vị chi là 7 hôm, Bà Y bắt buộc phải giữ gìn, không được « nhẹ dạ quá tin ! ».

Nếu ta lại xét đến trường hợp Bà Z, cứ 32 ngày mới thấy một lần và hành kinh sớm chậm có thể lên tới 5 hôm, ta sẽ thấy số ngày Bà Z phải kiêng còn tăng hơn nhiều nữa. Thật vậy, Bà Z phải kiêng :

— ngày 16 tháng 7 là ngày rụng trứng.

— Nhưng vì kinh có thể ra sớm 5 hôm, hoặc chậm 5 hôm, nên vì thế trứng có thể rụng hoặc vào ngày 11, hoặc vào ngày 21.

— Thêm vào đây lại phải tính cả 2 hôm trước nữa vì có tinh trùng có thể sống được.

Cho nên rút cục, Bà Z, muốn không chữa, đã bắt buộc phải « nhịn » từ ngày mồng 9 đến ngày 21, nghĩa là 13 hôm tất cả.

Xem thế đủ biết, nếu ta biết cách áp dụng thuyết Ogino, thì thuyết này ít

khi sai lầm. Và muốn làm như thế, điều cần nhất là ta phải biết rõ hành kinh. Vậy những ông nào đã có nhiều con, mà bây giờ muốn thôi, thì phải thận trọng biên rõ ngày thấy kinh của « phu nhân » và như thế ít ra là trong vòng 1 năm để biết rõ :

1.— Hành kinh đại khái của vợ mình là bao nhiêu ngày một lần.

2.— Sự sớm chậm của nguyệt kinh là mấy ngày (2 hôm, 3 hôm, 5 hôm...)

Việc này rất cần, vì nếu chỉ nhớ « mang máng » và « hình như » hay « độ chừng » thì sự chênh mảng ấy sẽ đưa hai ông bà đến những kết quả không ngờ và sẽ đổ oan cho thuyết Ogino là không đúng. Sở dĩ phải ghi rõ ngày kinh và sự sớm chậm ra sao, là để ta biết trung bình kinh bao nhiêu ngày mới ra một lần và để xem sự sớm chậm đến mấy ngày là nhiều nhất ? Ta nên nhớ là nguyệt kinh ít khi đều lắm và dễ bị mọi sự bất thường trong đời sống hàng ngày ảnh hưởng đến. Tỉ dụ, một bà ở Sài Gòn đi Nha-trang nghỉ mát 1 tuần, thế cũng đủ làm cho lệch ngày thấy kinh. Hoặc giả bà ta vừa bị bệnh cúm (grippe) khỏi, thì kinh của bà ta cũng có thể bị chậm hẳn lại. Ngay đến những sự rất thông thường như cãi cọ nhau trong gia đình, những cảm xúc mạnh, cũng có thể làm cho kinh sớm hơn vài ngày.

Để kết luận, ta có thể nói rằng nếu ai cũng biết áp dụng một cách hợp lý thuyết Ogino, thì thuyết này rất đúng. Và muốn áp dụng đúng thì cần phải biết rõ chu kỳ của nguyệt kinh (cycle menstruel). Chu kỳ của nguyệt kinh tức là thời gian tính từ ngày bắt đầu thấy kinh lần trước,

cho đến ngày có kinh lần sau. Một chu kỳ kinh đều (28 ngày một lần chẳng hạn.) sẽ như sau :

Thí dụ :

Thấy kinh		Chu kinh :	
Ngày	1 tháng giêng		
— Lại thấy ngày 29	— —	28 ngày.	
— Lại thấy ngày 26	— Hai	28 ngày.	
— Lại thấy ngày 26	— Ba	28 ngày.	
— Lại thấy ngày 23	— Tư	28 ngày.	

Nhưng phần đông không đều, thì chu kỳ kinh hay thay đổi, sớm có thể là 26 ngày chẳng hạn, muộn có thể là 32 ngày, và không ai có thể đoán trước được.

Thí dụ một chu kỳ kinh không đều :

Thấy kinh		Chu kinh	
Ngày	1 tháng giêng		
Rồi lại đến	27 — —	26 ngày.	
— — —	28 — Hai	32 ngày.	
— — —	30 — Ba	30 —	
— — —	26 — Tư	26 —	
— — —	25 — Năm	29 —	

Muốn không chữa thì tất nhiên phải nói rộng ngày kiêng nhiều hơn, như tôi đã nói trong trường hợp Bà Z chẳng hạn.

Ông Ogino đã khám phá ra thuyết này từ năm 1927-28. Từ dạo ấy đến nay,

không biết bao nhiêu là tư nhân cùng các bệnh viện đã áp dụng thuyết của ông và đại đa số thấy đều có kết quả tốt đẹp. Nếu sai, phần nhiều là do sự không khéo áp dụng, hoặc vụng tính mà thôi. Thằng hoặc cũng có một vài trường hợp đã sảy ra vẫn có con, tuy giao hợp trong những ngày đã tính trước cần thận là không thể nào có được. Trong những trường hợp này, các nhà y học cho rằng, trong lúc hai người yêu nhau, sự hoan lạc lên đến cùng cực đã « đánh thức » một quả trứng con đang « yên giấc » trong túi trứng, làm cho nó « bừng tỉnh », và trong khi toàn cơ thể bị kích động, đã phát [sinh ra một phản ứng làm cho trứng con ấy lọt khỏi túi trứng để gặp tinh trùng. Kết quả dĩ nhiên là đã « mỹ mãn » một cách không ngờ ! Nhưng đó cũng vẫn chỉ là một cách đề giải thích trường hợp khó khăn này, và cũng đề cho chúng ta biết rằng con tạo « đành hanh » vẫn còn có thể cho ta nhiều vỏ chua cay, và tuy khoa học đã tiến tới một bước khả quan hiện thời, con người vẫn chưa khám phá hết được những khả năng bí ẩn của tinh thần.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

I. — BẢNG ĐỐI CHIẾU DANH TỪ ANH, PHÁP. VIỆT

- | | |
|---|--|
| 1 — <i>Cycle menstruel.</i> (menstrual cycle), Chu kỳ nguyệt kinh. | 5 — <i>Grippe</i> , Bệnh cúm. |
| 2 — <i>Fécondation</i> , (fecundation), Thụ dục, thụ thai, thụ tinh, nhâm thần. | 6 — <i>Hormone</i> , Oóc-môn. — Kích tố. |
| 3 — <i>Follicule de De Graaf</i> , (De Graaf's Follicle), Túi trứng, noãn bào. | 7 — <i>Hyaluronidase</i> , I-a-luy-rô-ni-da-zơ. — ; Thấu minh chất toan môi. |
| 4 — <i>Folliculine</i> , ¹ (folliculin.), Phô-li-cuy-lin, — Noãn bào tố. | 8 — <i>Hypophyse</i> , (hypophysis.), Thùy thè, - Hạ thùy thè, - Hạch I-pô-phi. |
| | 9 — <i>Menstrues</i> , (menses, menstruas), Kinh nguyệt, — nguyệt kinh, — Thấy kinh, thấy tháng, thấy tội. |

- | | |
|--|--|
| 10 — <i>Oeuf</i> , (ovum) Trứng, - noãn. | 17 — <i>Règles</i> , Kinh nguyệt. (như chữ Menstrues.) |
| 11 — <i>Oeuf fécondé</i> , (fertilized egg, spermatoovum), Trứng thụ tinh, - Trứng nhận tinh, thụ tinh noãn. | 18 — <i>Spermatoovum</i> , Trứng thụ tinh, - Thụ tinh noãn. |
| 12 — <i>Ovaire</i> (ovary), Buồng trứng, Noãn sào. | 19 — <i>Spermatozoïde</i> , Tinh trùng, Động tinh tử. |
| 13 — <i>Oviduct</i> , Ống dẫn trứng. | 20 — <i>Sperme</i> (sperma, sperm). Tinh khí, Tinh dịch. |
| 14 — <i>Ovulation</i> , Rụng trứng; Bài noãn. | 21 — <i>Trompe de Fallope</i> (Fallopian tube, Oviduct) ống dẫn trứng, - Thâu noãn quản. |
| 15 — <i>Ovule</i> , (ovulum), Trứng con, Tiểu noãn, | 22 — <i>Utérus</i> , Dạ con, - Tử cung. |
| 16 — <i>Pouvoir fécondant</i> , Năng lực sinh thai. | |

2.— BẢNG ĐỐI CHIẾU DANH TỪ VIỆT - PHÁP

- | | |
|---|--|
| 1 — <i>Bài noãn</i> , — <i>Ovulation</i> . | 19 — <i>Rụng trứng</i> , — <i>Ovulation</i> . |
| 2 — <i>Buồng trứng</i> , <i>Ovaire</i> . — <i>Ovary</i> . | 20 — <i>Thâu noãn quản</i> , — <i>Trompe de Fallope</i> . |
| 3 — <i>Chu - kỳ nguyệt - kinh</i> , — <i>Cycle menstruel</i> , — <i>menstrual cycle</i> . | 21 — <i>Thấu minh chất toan môit</i> , — <i>Hyaluronidase</i> . |
| 4 — <i>Cúm</i> , <i>Grippe</i> . | 22 — <i>Thấy kinh, thấy tháng</i> , — <i>Règles, Menstrues</i> . |
| 5 — <i>Dạ con</i> , <i>Utérus</i> , | 23 — <i>Thụ dục, thụ thai, thụ tinh</i> , — <i>Fécondation</i> . |
| 6 — <i>Du động tinh tử</i> , <i>Spermatozoïde</i> . | 24 — <i>Thụ tinh noãn</i> , — <i>Oeuf fécondé</i> . |
| 7 — <i>Hạ thùy thê</i> , <i>Hypophyse</i> . | 25 — <i>Thùy thê</i> , — <i>Hypophyse</i> . |
| 8 — <i>Kích tố</i> , — <i>Hormone</i> . | 26 — <i>Tiểu noãn</i> , — <i>Ovule</i> . |
| 9 — <i>Kinh nguyệt</i> , — như chữ <i>Nguyệt kinh</i> . | 27 — <i>Tinh dịch, tinh khí</i> , — <i>Sperme</i> . |
| 10 — <i>Năng lực sinh thai</i> , — <i>Pouvoir fécondant</i> . | 28 — <i>Tinh trùng</i> , — <i>Spermatozoïde</i> . |
| 11 — <i>Noãn</i> , — <i>Oeuf</i> . | 29 — <i>Trứng</i> , — <i>Oeuf</i> . |
| 12 — <i>Noãn bào</i> , <i>Follicule de De Graaf</i> . | 30 — <i>Trứng con</i> , — <i>Ovule</i> . |
| 13 — <i>Noãn bào tố</i> , — <i>Folliculine</i> . | 31 — <i>Trứng rụng</i> , — <i>Ovulation</i> . |
| 14 — <i>Noãn sào</i> , — <i>Ovaire</i> . | 32 — <i>Túi trứng</i> , — <i>Follicule de De Graaf</i> . |
| 15 — <i>Nguyệt kinh</i> , — <i>Menstrues, Règles</i> , -- | 38 — <i>Tử cung</i> , — <i>Utérus</i> . |
| 16 — <i>Nhâm thần</i> , — <i>Fécondation</i> . | |
| 17 — <i>Oóc-môn</i> , — <i>Hormone</i> . | |
| 18 — <i>Ống dẫn trứng</i> , — <i>Trompe de Fallope</i> . | |



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 — Bản tuyên ngôn của Đức Giáo-Tông PIE XII, ngày 21 tháng 10 năm 1951, trước các cô đỡ người Ý « cho phép người ta có thể không có con vì những trở ngại về phương diện sức khoẻ, tài chính hay xã hội. »
- 2 — *Belonoschkin*, — Fertility and Sterility, — New York 1954.
- 3 — *Bergler et Kroger*, — L'erreur de Kinsey, — Paris, Edition P. Horay, 1954.
- 4 — *British Medical Journal*, — Fétichisme et Désintoxication, — 13 Octobre 1956.
- 5 — *Helene Deutsch*, — (Psychology of Women, New York 1955.
- 6 — *Kishimoto*, Rapport au V^e Congrès sur la Planification des Naissances. Tokio.
- 7 — *Knaus*, — Fécondation périodique et procréation volontaire (Expansion scientifique Française, 1956.)
- 8 — *Mann (T)*, — Biologie du sperme ; Presses Universitaires, 1955. Blackwell, 1954.
- 9 — *Palazzoli*, — Les déficiences génitales de l'Homme ; Masson, 1951.
- 10 — *Rambaur*, — Le drame humain de l'Insémination artificielle ; Flammarion, 1952
- 11 — *Stone*, — L'éducation du couple ; Denoel, 1954.
- 12 — *Taylor*, Une interprétation sexuelle de l'histoire ; Corrèa, 1954.
- 13 — *Vanderveldt et Odénwald*, — Psychiatrie et Catholicisme ; Mame, 1954.
- 14 — *Zondck*, — Fertility and Sterility ; Mai, 1954,

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

- ★ Am hiểu nghề nghiệp, đó là điều hay và đủ cho một người thợ thủ công nghiệp làm việc một mình ; song đối với người lãnh đạo có nhiệm vụ chỉ huy kẻ khác, sự biết người cũng cần như sự hiểu việc.
- ★ Tìm được công việc thích hợp cho mỗi người không phải là dễ. Kinh nghiệm cho ta thấy sự thay đổi công việc của một người thợ, bề ngoài có vẻ như ít quan hệ, nhưng thường đủ để biến một người thợ khéo thành một người thợ vụng.
- ★ Có kẻ đối với người chỉ huy này thì tài giỏi mà đối với người chỉ huy khác thì tầm thường, đó chỉ là tại người trên khéo dùng, người dưới không biết dùng mà thôi.

Y - PHỤC

VÀ

THỜI-TRANG



ĐOÀN-THÊM



QUI còn nhớ, cách đây chừng 25 năm, hễ gọi đến vấn đề phục sức và thời trang, thì không khác nào kêu gọi « chiến tranh lạnh » giữa người già và người trẻ trong gia đình.

Rất nhiều lần, Qui và các cô, các em gái, bị Cụ Cử ông mắng nhiếc vì tội « tập thói xa hoa và đua đòi lỗ lã » ; chính cụ bà cũng bị cự vì quá nuông chiều đề Qui và phụ nữ trong nhà may áo quần luôn và theo đúng lối mới.

Cụ Cử bực nhất là hôm ông Ba Thu, một người dễ tính, dám trêu Cụ bằng chữ sách Luận-Ngữ : theo ông Ba, thì trách con em làm chi, phục sức cần được chú trọng, vì ngay Khổng-Phu-Tử còn phải đề ý kén mẫu, chọn vải, lựa kích thước và thay đổi luôn cách mặc (1).

Cụ đã trách ông Ba là nổi giáo cho giặc và xược cả thánh hiền. Nhưng về sau, theo lời khuyên can của nhiều bạn hữu, Cụ cũng đành thở dài đề hậu sinh

theo phong trào mới, đề lạng lẽ nhìn những gót giầy cao lên 5,6,7 phân, những quần lụa thay đen đổi trắng, những vai long đình (épaules carrées) mỗi ngày càng ngênh ngang, những ống bó vẽ như của hề Charlot rộng xoè ra như chân voi (pattes d'éléphants). Thói quen theo thời trang đã ăn nhập vào phong tục.

(1) (Luận ngữ - thiên Hương Đàng) Tạm dịch : Đức Khổng-Tử chẳng dùng màu xanh da trời, màu xanh chim én ; ngày thường, chẳng dùng màu hường màu tía. Mùa nực mặc áo đơn mỏng ở ngoài, áo lót mỏng ở trong ; mùa lạnh, áo dài đen ở trong, áo cừu lông dê non ở ngoài, hoặc áo dài trắng ở ngoài, áo lông con lộc ở trong ; hoặc áo dài vàng ở ngoài, áo lông con hổ ở trong. Áo cừu, thường dài, nhưng tay áo bên mặt vẫn hơn bên trái một chút ; ở nhà, hay mặc áo lông con hổ ; lúc chẳng có tang, hay đeo vào dây lưng những vật dụng lặt vặt. Áo xiêm đề đi châu, thì dài rộng, đồ thường thì ngài thâu bớt lại. Ngài không mặc áo lông dê đen và đội mũ đen mà đi phúng điếu : kỳ trai giới, mặc áo sạch bằng vải ; đi ngủ, mặc áo khoác một thân.

Đã gặp nhiều khó khăn trong sự đòi hỏi, Qui, cũng như bao nhiêu chúng bạn, đã coi sự phục sức là một vấn đề đáng được chú ý và thời trang đáp lại một nhu cầu cải tiến tự nhiên của nhân loại. Cho nên Qui rất rộng rãi đối với con và các cháu, đến nỗi nhiều khi cô chiêu có chiếc áo mới, soi gương ngắm nghĩa chán rồi, còn tha thướt ra trước mặt Ba. Ba trông hộ con xem cái vai này có chật quá không? Dù mặc bận, Qui cũng cố ngược mặt nhìn và tặc lưỡi khen một câu, vì nếu sắc màu kích thước có thể mang lại cho tuổi trẻ một chút hạnh phúc nhất thời mà nay Qui không còn thấy nữa, thì sao nỗ lực khắc? Ba đã vui mừng vì thấy con xinh xắn ngày thơ ấu, sao Ba chẳng mong cho con nhờ vật tư mảnh lụa mà tăng vẻ thẩm tươi?

Nhưng liệu đây! Má lại sắp kêu rằng Ba là tông phạm của tội làm đom quá trốn! Cũng như ông Ba Thư đã nhắc cho cụ Cử đoạn sách Luận ngữ, Qui đã đưa cho vợ coi một bài của Đức Giáo Hoàng Pie XII về thời trang để nhận rõ một đường lối bao dung: tấm thân con người là một kỳ công của đấng tạo hóa, thì chau chuốt để tăng vẻ đẹp và tôn nhân phẩm (1).

Và lại, tuy cụ Cử nhà đã hay chê trách, nhưng đâu đến nỗi cấm duyên bà, mà bây giờ bà .. còn đẹp... sao vội cấm duyên con?

(1) La Mode — Huấn-từ ngày 8-11-57 cho Tổng-Liên-Đoàn các tiệm may lớn. «... L'art de s'habiller dont le but est certes, bien que partiellement, de faire ressortir modérément la beauté du corps humain, chef d'oeuvre de la création divine... L'Eglise ne blâme ni ne condamne la mode quand elle est destinée à parer et à orner comme il convient le corps; ...»

— Nào tôi có cấm nó ăn mặc đâu? Nhưng chính ông treo gương xấu cho các con: quần áo còn dùng được, đã đòi tiền may thêm kiểu mới hơn, vải mới hơn, màu mới hơn! Ông phải kìm hãm bớt nó lại, kéo mang tiếng cho mình và hại cả đến sự kiểm soát cho con gái. Con Mỹ đương lớn mau, người đã chóng nở nang, thì cũng phải kín đáo, giữ gìn ý tứ. Tôi đã rẽ đường ngôi lệch, nhưng xưa kia tôi không vất vả cái đuôi ngựa như nó! Tôi đã may áo kiểu 1938, nhưng tôi không mặc mỏng manh để gần phô cả tấm thân! Mốt gì thì mốt, cũng cần cho vừa phải, thích hợp chứ!

Nói một cách khác, vợ Qui cũng như hầu hết bà con chúng bạn đã từ lâu chấp nhận về nguyên tắc, thời trang và sự cạnh tân y phục, duy chỉ còn đòi hỏi điều kiện thấy là cần mà chưa định được rõ: chớ quá đà, phải thích hợp; song như thế nào, và làm thế nào, thì chưa biết hoặc chưa nói ra được.

Nếu có những ông phó may nổi danh như Christian Dior, hay những cơ quan nghiên cứu như của Pháp (1) thì Qui đã đi vấn kế rồi. Nhưng hiện nay, thì đành phải tìm tòi lấy, ngắm nghĩa, suy nghĩ, may ra đi tới một giải pháp nào chăng?



Đã 25 năm nay Qui bận đồ tây, nhưng phải thú thực rằng nay bị kích thích mới

(1) Trung - Tâm Kỹ-Thuật Y - Phục (Centre d'Études Techniques des Industries de l'habillement) — Trường Cao-Đẳng Kỹ-Nghệ Y-Phục (École Supérieure des Industries du Vêtement) Trung-Tâm tăng tiến năng kỹ nghệ may mặc cho nam giới (Centre de productivité des Industries du Vêtement masculin.)

chịu xét kỹ xem mình thay đổi theo Âu Mỹ thì lợi hại nên chăng ở những chỗ nào. Cho nên, Qui phải nhận định lại những khuynh hướng hiện nay ở nước ngoài, và thấy đại khái như sau :

— Thành phần của mỗi y phục, dù nam hay nữ, không tăng giảm mấy, trong vài chục năm vừa qua : áo khoác, áo mặc ngoài, quần hay xiêm, đồ lót mình v.v... Đại khái có khuynh hướng giản dị hóa cho nhẹ nhàng thoải mái hơn, về hình dáng cũng như về trọng lượng len dạ vải lụa, chớ không nặng nề, lù xù nở phồng như ở thế kỷ 19 hay trước nữa.

Ngoài ra, số loại áo quần cũng tăng cùng với công dụng, tùy theo các hoạt động doanh nghiệp, mà nghề thì mỗi ngày chia ra nhiều ngành hơn, theo đà chuyên môn hóa không ngừng : không những việc nào áo ấy, trong một xí nghiệp lớn, mỗi ngành một kiểu, người đốc công mặc khác người thợ tập việc, và thợ coi lò đúc mặc khác thợ sơn.

Hơn nữa, đối với một người, từ cấp trung lưu trở lên, mức sống càng cao, thì lúc nào áo ấy : áo bận trong nhà, áo đi chơi núi, áo thể thao, áo tắm biển, áo dạ hội, áo du lịch phương xa, áo ngủ, áo làm việc : hai thứ sau cùng, thì giới lao động ở thành thị hay ở thôn quê cũng đã có dùng từ lâu.

— Thời xưa, mỗi triều vua chỉ có một vài mốt mới. Nhưng từ 1858, khi một người Pháp ở Ba-lê là C.F. Worth mở tiệm tân trang lịch sự (haute couture) thì nhiều tiệm khác thi nhau mở theo ở khắp Âu Mỹ ; và thời trang không những thay đổi hàng năm, còn tùy mùa, và mỗi mùa,

thường thấy tung ra bốn năm sáu kiểu (collection, création) (1).

— Dĩ nhiên thời trang có mục đích mỹ thuật, hướng vào phái đẹp nhiều nhất, và cổ chiều lòng phụ nữ là giới được coi như rất ưa mới lạ. Một nhà chuyên môn may mặc đã tuyên bố : « tôi chỉ là kẻ tiên đoán được ý muốn chưa nói ra của các bà « các cô đề đáp lại trước khi đòi hỏi » (2)

Song sở thích của phụ nữ phương Tây thì vô cùng vô hạn, hiện nay cách phục sức biểu lộ ý nguyện giải phóng cá nhân và phô trương sắc đẹp thân thể càng nhiều càng hay.

— Tuy nhiên, phái nam cũng bị lôi cuốn, vì muốn chiều lòng phái nữ, hoặc ưa mỹ-thuật, hoặc thấy tiện lợi hơn. Rồi, với sự tiến bộ về kinh tế, sự bình đẳng theo chế độ dân chủ, sự quảng cáo rầm rộ bằng báo chí, điện ảnh, phát thanh, truyền hình... nhiều tầng lớp khác trong xã hội cũng ùa theo và ganh đua với hạng quý phái trưởng giả. Hơn nữa, nhu cầu của mọi người đều được thỏa mãn, vì sự chế tạo vải lụa và y phục rất nhanh chóng và rất nhiều, nhờ có cơ giới tinh xảo. Cho nên nhiều một hàng năm có thể phổ biến cho đa số dân chúng, dù là áo do tay thợ may cắt xén, hoặc được sản xuất từ xưởng máy tối tân.

(1) Riêng ở Paris, chừng 12.000 kiểu mẫu (theo Christian Dior — Dictateur de la Mode. Reader's Digest, juin 1957).

(2) « Je suis simplement le premier à deviner le secret désir des femmes, et « je me contente d'y répondre par anticipation » (theo P. Caldaguès thuật lại trong La Civilisation Quotidienne. Encyclopédie Française, tome XIV.)

Trào lưu kẻ trên đã lan tràn như thế nào tới Việt-Nam, và có nên mong muốn hay đề mặc thời trang thay đổi theo những khuynh hướng đã nhận thấy ?

Tuy không tiến mạnh và nhanh như ở Âu-Mỹ, trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, y phục của người Việt-Nam đã khác xưa khá nhiều, nhất là ở thành thị. Hầu hết đàn ông con trai bận, hoặc muốn bận âu phục, nên số, loại, và kiểu mẫu áo quần cũng theo sát hay phỏng theo các mốt xuất phát từ Âu Mỹ, từ Ba-lê. Phụ nữ, tuy còn ít người mặc đầm, đã chấp nhận sử dụng rất nhiều đồ phụ thuộc phương Tây, như áo lót, áo khoác, vi da, giầy, bút tất, găng, v. v... Những áo dệt, áo đan, áo chên, quần dài, quần cộc, may sẵn, đã được nhập cảng rất nhiều và bán về cả thôn quê ; giới lao động ở thành phố, khi trở về làng xã, cũng đã khiến cho bà con sau lũy tre xanh thấy những tiện lợi của nhiều đồ phục sức mới và rẻ tiền (áo sơ mi cộc tay, may ô, quần cộc, dép da hay cao xu v. v...)

Phục sức, cũng như mọi nhu cầu căn bản, sao tránh khỏi luật tiến hóa chung ? Song Qui nghĩ cần phân biệt từng khuynh hướng, chớ lẽ nào nhắm mắt theo đà và đường lối của nước ngoài ?



Trước hết, tốc độ thay đổi hàng năm vượt quá mức gia tăng lợi tức và khả năng tài chánh của một dân tộc chưa giàu, lại trái ngược với cả sự tiến bộ kỹ thuật của ngành dệt. Vải dacron hiện nay dai và đẹp hơn tussor ngày trước, nhưng nếu vì thời trang mà bỏ đi một bộ đồ còn có thể bận hai năm nữa, thì dệt cho bền bị làm gì ? Dù thực trạng đó không phải là

một sự lầm lẫn của Âu Mỹ, thì cũng là một sự phí của, đối với người Á-Đông.

Và giá thử có thừa phương tiện, chúng ta, nhất là phụ nữ, cũng còn phải dung hòa tính ưa chuộng mỹ thuật tân kỳ với sự tiết kiệm và giản dị là những đức tính căn bản của giống nòi, và tối cần cho những gia đình Việt-Nam hầu hết đông con. Qui đã hiểu vì sao khi mới lấy nhau, vợ rất tha thiết với thời trang, và ngày nay đã tỏ ra dè dặt. Vợ Qui muốn có nhiều tiền hơn là nhiều ví da, và đã nhịn đóng thêm đôi giầy và may thêm chiếc áo dài để thay cho các con những áo đi mưa đã ngắn quá rồi.

Ngoài ra, nếu cũng nên chiều ý đòi thay là một khát vọng tự nhiên và một động lực cải tiến, thì cũng không thể cố tình dò dẫm đình mò để đặt kiêu lạ với dụng ý ve vãn ước mơ thầm kín của những tâm hồn lãng mạn. Thời trang của phụ nữ Âu Mỹ càng ngày càng đi tới chỗ phô bày trắng trợn mâu thuẫn với công dụng y phục : quần áo để che thân hay là để cho lộ liễu hơn ? Họ đua ganh « tự triển lãm » trên màn bạc, sân khấu, ở tiệm nhảy, tiệm ăn, thậm chí đến nhiều bà hoàng bà chúa, dưới ánh đèn dạ hội chốn cung đình, hoặc trên màn ảnh báo chí, cũng khiến cho thiên hạ ao ước rằng : giá thử kín đáo, thì tuy nhan sắc bớt phần lộ liễu, vẻ trang nhã sẽ xứng hợp hơn với phẩm cách lá ngọc cành vàng.

Dù sao, miễn là tránh được những sự bất lợi và bất nhã kể trên, thời trang cần được dung thứ, và sự cải tiến y phục nên được khuyến khích để đạt mục tiêu mặc tiện hơn, rẻ hơn và đẹp hơn.





Đối với nam giới, Qui thấy vấn đề có phần tương đối giản dị. Âu phục rất gọn gàng, và đã được quốc tế hóa, thì ta cứ mặc. Song cần gì theo sát hẳn thời trang hàng năm ? và dẫu phải lạc hậu hai ba năm đối với người Âu-Mỹ, cũng chẳng vì thế mà tấm tức thấy mình kém cỏi. Qui đã có lần nói chuyện với người bạn Huê-Kỳ: mức sinh hoạt của các ông cao hơn của người Á-đông gấp mười lần, ông có thể thay xe hơi hàng năm, thì hàng năm đổi một quần áo

cũng phải ; người Á-đông còn phải nhờ các ông viện trợ, thì đua với các ông tức là đánh đu với tinh.

Song nếu đã bận âu phục, thì nên theo đúng lẽ lối người phương Tây, mặc cho đủ bộ, hay là có thể thay đổi đi tùy ý mình, hoặc chỉ lấy những phần nào xét ra tiện cho mình thôi ? Qui tự hỏi như vậy, vì thấy nhiều người Ấn-độ bán vải, bận áo veston mà vẫn mặc quần mềm theo lối của họ, sơ mi lại bỏ ngoài quần ; người Thổ-nhĩ-kỳ và Hồi-quốc, tuy âu trang đầy đủ hơn người Ấn, vẫn giữ cái mũ Fez úp trên đầu ; người Mên, Lào : áo tây, quần bản xù ; nhiều người Việt-Nam, nhất là trước hồi Đại-chiến, bận đồ ta, nhưng mang mũ và giày tây. Theo Qui, nếu đứng về phương diện tiện lợi mà xét, thì cũng có thể « bản xứ hóa » đồ Âu, song nếu muốn cho nghiêm trang chừng chạc, ở những trường hợp lễ nghi khánh tiết, thì không nên sáo trộn Âu Á, trừ phi đối với những đồ lật vạt không bị đề ý lắm, như đôi giày, chiếc khăn tay (mùi xoa). Hay đúng hơn, bận quốc phục mà dùng thêm đồ phụ thuộc Âu-Tây thì còn trông được, nhưng giá thử mang Âu-phục mà đi giày ta hoặc đội khăn xếp, thì trông mắt biết bao !

Vì tình trạng phức tạp kể trên, đã có một số bạn nêu lên câu hỏi : nên bảo tồn quốc phục hay không ? nếu có, thì có thể thay đổi kiểu không ?

Y phục không những có tánh cách cần thiết, còn có ý nghĩa tượng trưng cho đặc tính văn minh dân tộc : người các nước chung quanh ta còn hãnh diện dùng đồ của họ tuy nhiều ít tùy nơi. Phi và Ấn

bận quốc phục ngày lễ ; Miến mặc hàng ngày, ngay trong các công sở ; Nhật bận âu trang khi ra ngoài, nhưng về nhà, thì lại dùng ki-mô-nô.

Đã đành rằng khi làm những việc cần nhiều hoạt động thân thể, quốc phục có thể vướng víu. Nhưng chắc đâu đã bất tiện hơn đồ tây ở mọi trường hợp ? Âu trang đủ bộ, còn phiền phức hơn đồ ta : ta không đeo cà-vạt và không cần lăm đến bút tất ; mặc đủ bộ ta, mất ít thời giờ hơn là đủ bộ tây, vải nhẹ, và dù sao cũng rẻ tiền hơn. Âu phục chỉ gọn mắt hơn và khiến cho thân hình có vẻ cứng cáp trẻ trung hơn, nhưng đấy không phải là vấn đề tiện lợi nữa, mà lại là vấn đề mỹ quan.

Một số người đã e ngại rằng quần áo ta lụng thụng xúng xính khó coi. Song những ngực độn bằng vải cho phồng, những vai lên ken cho ngang phè, những ống quần chân voi, trước hồi Đại chiến này, cũng đẹp đẽ gì hơn ? Thực ra, khó lòng tìm thấy trên thế giới nhiều kiểu nào giản dị và chắc chắn hơn của ta. Miến là dùng có màu loè loẹt, và cắt xén khéo tay, thì nam phục ta đáng được giữ nguyên, chớ không rên vội vàng sửa đổi như hồi 1930-32, nghĩa là may thất chến, vì đàn ông nào cần phô tẩm lưng ong ?

Về phương diện lễ nghi, công dụng và ý nghĩa của quốc phục không thể phủ nhận. Ngày thành hôn, ngày quốc khánh v. v... người nước nào quanh ta cũng thường dùng quần áo cổ truyền của họ. (1) Bởi

(1) Năm 1933, khi phải dự lễ cưới vua ở Huế, một ông dân biểu Bắc-Kỳ đã hỏi một cụ Thượng : nên mặc đồ tây hay đồ ta ? Được trả lời tức khắc : khi giỗ cụ nhà ông, thì ông có mặc smoking không ?

quên tính cách tượng trưng cao quý về quốc hồn quốc túy của áo dài khăn thâm, nên Qui và nhiều bạn đã thấy ngỡ ngàng đôi khi phải bận. Vì xu thời và hướng về Âu Mỹ quá, các em gái Qui mới khúc khích cười và chê Qui « Lý Toét » : nhưng khi thấy ảnh Nehru áo đen mũ trắng, hoặc U-Nu mũ ni che tai và xiêm lụa lòa xòa, thì mới khỏi ngờ Qui lạc hậu.



Về y phục phụ nữ, Qui cũng đã tra cứu. Nhưng thôi ! Tội gì mà phát biểu ý kiến đề các bà các cô quen thuộc lời thôi... Vì nếu đồng ý, thì rồi ra hễ mua năm thước nylon, lại trưng cầu ngụ ý : cố vấn không công ; — nếu lỡ chê bai mếch lòng, thì sự phản ứng có thể mãnh liệt : lố bịch, gàn ương, soi mói... tiếng chì tiếng bấc văng bèn tai. Nên thượng sách là cung cấp tài liệu, sưu tầm đỡ, chớ không nghiên cứu hộ, giúp cho tự tìm giải pháp chớ hoài công phụ phe phầy quạt quân sư !

Vì thế Qui chỉ nêu vấn đề, cho mượn sách báo (1) đề bà Thụy, cô Lan, cháu Ngọc, em Lê chuyên tay cùng vợ Qui đọc và cùng nhau bàn bạc. Sau đó chừng ba tháng, Qui đã phỏng vấn về kết quả sự cứu xét thảo luận, và đại khái được những ý kiến như sau :

Nếu cần tránh sự phô trương hay kỳ dị quá trớn như của đàn bà Âu Mỹ, thì cũng có thể và cũng nên thay đổi một phần nào, về các phương diện tiện lợi hay mỹ thuật.

(1) Như : Histoire du Costume — (Hachette).

Histoire du Costume Féminin Mondial de 5318 avant J. C. à nos jours (P. Louis de Giasseri) và những tạp chí về La Mode.

1) Số loại đồ phụ thuộc, mỗi ngày một tăng, giày dép, ví da v.v... thì hàng trăm kiểu. Nhưng sao chỉ có một kiểu áo dài ? Chẳng lẽ phần chánh phải hy sinh cho phần phụ, và gót chân cần hơn cả tấm thân ? Rất nhiều hình thức hoạt động xã hội của phụ nữ trong thời buổi mới, với nhu cầu phục sức thích hợp, há lại không đáng chú trọng bằng đời sống trong nhà ? Nhưng dù đi chợ, đi chơi, đi học, đi làm việc bàn giấy, bán hàng, dự tiệc, du lịch nơi xa v.v... cũng chỉ có quần rộng tha thướt và áo dài tay dài bó chặt. Mỗi dân tộc ở thời nào cũng có rất nhiều kiểu áo phụ nữ, không những ở Âu Mỹ là nơi y phục thiên hình vạn sắc, La-Mã, Hy-Lạp, Ai-Cập thời cổ, Ấn-Độ, Nhật-Bản... ngày nay, có từ 10 đến 5,6 chục kiểu khác nhau.

2) Quần áo của phụ nữ Việt-Nam rất đẹp : mềm mại, nhẹ nhàng, làm nổi vẻ kiêu diễm của thân mình. Người ngoại quốc đều thán phục, và mới đầu năm nay, tại Đẩu Xảo Tân-Gia-Ba, đã ca ngợi nhiệt liệt. Nhưng nếu đáng mừng, thì cũng không nên quá chú quan, vì ngoại nhân chỉ đứng về phương diện mỹ thuật và hay thiên về tánh cách mới lạ của viễn phương khác Âu Mỹ (exotisme). Họ chưa lưu ý về sự tiện hay bất tiện, đề xét cho đầy đủ.

Đã thực đẹp chưa ? Đẹp lắm, so với áo xúng xính thời xưa (tư thân, năm thân, tràng vạt...), — với áo Tàu cũn cốn và xẻ rạch bên đùi ; — với áo cánh mặc ngoài cộc lốc của Miến-điện ; - với shari dày bằng cái mền khoác chiu lên thân các bà Ấn-độ, Hồi-quốc ; — với Kimônô lòa xòa, thên thang, nặng nề, sặc sỡ của Nhật-Bản ; - với xiêm y lưng bùng, bông trên

xoè dưới theo lối Tây-ban-nha đòi cò, mà đàn bà Phi-luật-tân còn mặc tới ngày nay.

Nhưng còn có thể đẹp hơn. Tại sao bắt chước Hồng-kông hay Đài-bắc, để cò áo cứng nhắc và mỗi ngày một cao lên ? Năm 1955, nhắc từ 2 lên 3 phân, rồi nay 6, 7, 8, 9, 10 phân, đến nỗi bức bối và khó lòng quay đầu cúi mặt. Dẫu chẳng nên hở ngực hở lưng (décolleté) theo Âu Mỹ, hoặc hở cả bụng như Ấn-độ, cũng hà tất dẫu kín cả cò như Thống-Chế Ney hay Davout thời Nã-Phá-Luân đệ nhất ? Cò trắng ngần như cuống huệ nõn, chỉ có vẻ đẹp thanh tao, và từ mấy ngàn năm trước, tiền nhân ta cũng có bao giờ bắt bịt đi ?

3) Nóng bức quanh năm, mới sáng dậy nhiều khi 25, 30 độ, nhưng sao cứ phải đề tay dài và bó sát ? Tuy đẹp, nhưng chỉ nên dùng khi dự lễ, yến tiệc, hội hè. Còn khi bận rộn công việc, khi thung thăng hóng mát ở bờ biển, có khi huỳnh huých phóng scooter, sao không may tay ngắn và rộng hơn ? Cánh tay có chi là thô tục mà phải che đậy ? Thầy Mạnh-Tử trách vợ hở tay là vô lễ, nhưng chính Mạnh-Mẫu cũng không biểu đồng tình. Tại sao ta chỉ có một kiểu tay khi Ấn-độ có 11, Ba-tư 22, Ai-cập 17, Tàu 22 ? Vô lý nữa, vì ống quần thì nhiều khi rộng 35, 40, 45 phân ?

4) Nhiều thứ thô sơ hay giản dị nhưng cần thiết, vẫn còn thiếu, khi những thứ diêm dúa đã nhiều : áo lót thêu thùa thì có, khăn phủ ngoài (tablier) để đỡ do bàn áo quần, khi làm việc bếp núc, thì rất ít khi thấy dùng. Khăn quàng (châle) mỏng manh để phát phơ trang diêm thì hay mua, nhưng nắng chang chang cũng thường để đầu không cho dễ nóng nức, đội nón dứa thì cồng kềnh, hay bị gió lật,

mang dù thì mặc một tay, đi xe máy không tiện. *Đã uốn tóc theo lối Âu Mỹ, thì sao không thề may mũ chít khăn che mưa, che nắng?* Thờ-nhĩ-kỳ có 14 thứ, Ấn-độ 13, Nhật 8, Tàu 22, mà nhiều kiểu gọn gàng xinh xắn bọc quanh mớ tóc trông như đài hoa nâng đỡ cánh hoa.



Những nhận xét và thắc mắc của một số phụ nữ quen thuộc, dĩ nhiên chưa thề coi là của phần đông các bà các cô Việt-Nam; song, dù hợp hay không với ý kiến đa số phái đẹp, cũng tỏ rõ một nguyện vọng thay đổi: đối với Qui, mọi ước mong cải tiến đều đang được xét. Và chẳng, Qui chẳng có cách chi khác để thăm dò dư luận chung, một việc rất cần ích mà các nhà chuyên môn may cắt, các họa sĩ và các nhà dệt, nên hiệp lực xúc tiến như ở nước ngoài.

Vì đời sống của chúng ta càng ngày càng phải theo nhịp chung của thế giới tự do, nghĩa là cố gắng cho con người này nở về mọi phương diện. Nhưng nếu ở phạm vi dân sinh cần có sự dễ dàng cởi mở, chớ không nên thắt buộc, thì sự thụ động buông thả cho các trào lưu Tây phương lôi cuốn, có thề đưa tới những cảnh đua đòi khiến nhiều người khó chịu. Bởi thiếu những thời trang thích hợp, được các nhà chuyên môn đề nghị, trách chi ông này hài hước bằng vạt áo the chùm ống quần tây, hay cô nọ ra đại lộ mặc gấn như ở chốn khuê phòng? Không tìm tòi cứu xét giúp, mà chỉ chê bai chế giễu, thì khác nào như thiếu từ tâm?

Vấn đề thời trang đáng được chú trọng

không những vì ảnh hưởng đối với tính tình phong tục, còn có những trạng thái công ích trong một xã hội muốn nâng đỡ cần lao. Một thành kiến của khá nhiều người, là hể nói tới phục sức và thời trang là gạt ngay đi vì liên tưởng tới sự hoang phí; cũng có lý, nếu chỉ nghĩ tới một thiểu số hăng sản muốn ăn chơi theo đà thay đổi của Âu-Mỹ. Nhưng hà tất phải theo đúng nhịp của ngoại quốc? Và chính vì không y phục xứng với túi tiền, hợp với công việc, mà có hàng triệu ống quần, đáng lẽ chỉ 25 hay 30 phân rộng là đủ, lại soạc ra 45 hay 50 phân cho tốn vải quá chừng, vương vίου, dễ lấm láp, dễ rách và càng tốn.

Vật liệu xây dựng và kiểu nhà rẻ tiền, thì đã có người nghiên cứu; thực phẩm cho công nhân đồn điền, hay ngay cho phạm nhân ở lao thất, cũng đã được phân tích cân nhắc cho đủ chất bổ và tránh bệnh tật. Thế thì vải gì, bền nhất rẻ nhất, với kiểu gì tiện nhất, cho người thợ nhà máy, người nông phu, người bán hàng rong, người làm việc bếp núc, cho nam nữ học sinh v. v... lại không được ai lưu tâm tìm kiếm mách bảo giúp?

Sự sáng tạo kiểu mẫu y phục chưa được giới trí thức và nghệ thuật tôn trọng như hội họa, kiến trúc, điêu khắc... Nhưng thực ra, nó cũng đòi hỏi ở những người như J. Fath hay C. Dior những kiến thức và năng lực rất cao: sự hiểu biết nhu cầu xã hội, trình độ sinh hoạt, tâm lý quần chúng, dân tộc tính, và nhất là con mắt thẩm mỹ nếu không phải là một họa sĩ nhiều sáng kiến. Một nhà chuyên môn về thời trang đã dám nói: « Tôi là một nghệ sĩ, tôi có màu sắc của danh họa

« Delacroix, và tôi cấu tạo. Một bộ y phục
« là một tác phẩm mỹ thuật ». (1)

Sau hết, và rút kinh nghiệm của nước ngoài, thì thấy nhờ có thời trang mà nghề may cùng những nghề liên hệ như dệt, nhuộm v.v... mới phát triển mau chóng. Nếu bao giờ cũng chỉ có một kiểu áo, tất nhiên rất nhiều người may lấy được, không cần đến tiệm may. Nước Pháp tiến mạnh nhất về thời trang, nên các ngành cung ứng nhu cầu phục sức cũng mở mang rất nhiều. Hiện nay, có chừng 12.000 xí nghiệp, chuyên may cắt hoặc chế tạo các vật dụng cần thiết như cravat, khuy v.v... với trị giá sản xuất 300 tỷ quan, năm 1954 (2).



Một bạn đã bảo Qui :

— Ở xã hội mình, khổ lòng tung ra một mớ. Họa sĩ Cát-Tường hồi 1935-36 đã thử, nhưng có mấy ai theo ? Mình thiếu các nơi hội họp ăn chơi như các « salons » của hạng tưông giả Pháp, để dễ cổ động. Lại cũng không có những phụ nữ chịu mặc thử áo mớ để quảng cáo hộ (mannequins). Tôi e thiếu điều kiện thuận lợi.

— Họa sĩ Cát-Tường, thực ra cũng đã thành công một phần nào ; đã có nhiều người may áo cò viền, vai bằng v.v... Chẳng may mớ mớ chưa kịp phổ biến rộng rãi thì gặp Đại chiến thứ II thời

kỳ khan hiếm vải lụa, rồi đến thời kỳ loạn lạc kéo dài hơn 10 năm, thì ai nghĩ đến thời trang ? Và lại, không thể căn cứ vào một tỉ dụ mà kết luận một cách bi quan.

Ta không có những sa-lông như của giới thương lưu ngoại quốc. Nhưng ta khởi các đoàn thể phụ nữ tân tiến, có trường đua ngựa, có nơi nghỉ mát... Khi đã có nhiều nữ tài tử sân khấu và màn bạc, có nữ chiêu đãi viên thì cũng chẳng khó gì kiếm quảng cáo viên cho y phục. Và lại, những điều kiện anh kể, chỉ cần cho quần áo phụ nữ mà thôi. Đối với các bà các cô, cũng như các giới khác, vẫn có thể quảng cáo rộng rãi bằng tranh ảnh, phim chiếu bóng. Rất nhiều bà theo kiểu vẽ trên báo chí ngoại quốc mà may cắt được cho các con hoặc áo mặc nhà cho mình. Các thợ may của ta đều trông mẫu ở các báo Adams mà cắt xén rất khéo.

— Nhưng có nên tung ra mớ hàng năm không ?

— Mớ hàng năm, thì cũng chỉ có một thiếu số theo được mà thôi. Muốn được nhiều người hoan nghênh, ta có thể đưa ra mớ hai năm một, ba năm một. Tây có mớ 1959, ta có quyền đặt ra mớ 1959-1960 : phải để thời giờ cho quần áo cũ đi, hòng đi đã chừ, rồi không khéo Âu Mỹ phải theo ta vì ta hợp lý hơn !

Tóm lại, vì công ích, vì mỹ thuật, vì sự phát đạt của nghề may, vấn đề cải tiến y phục và thời trang rất nên được giải quyết, và có thể giải quyết một cách hoàn hảo, nhờ sự hợp tác mật thiết của kim chỉ y công và sắc hình họa sĩ.

Đ. T.

(1) « Je suis un artiste, j'ai la couleur de Delacroix, et je compose. Une toilette vaut un tableau » (của Paul Poiret, theo lời thuật lại của A. Blum trong cuốn « Histoire du Costume — : Encyclopédie par l'image »).

(2) Jean Monsempès — Les industries de l'habillement (La Civilisation Quotidienne).

HÁT TUỒNG

★

TRẦN-VĂN-KHÊ ★



HÁT tuồng cũng gọi là *hát bội* và *hát bộ*.

Theo Đoàn-Nông thì chữ hát tuồng có lẽ do chữ « *Tàng qui* » một lễ vui chơi giữa vua tôi nước Liêu về thế kỷ thứ X (1). Chữ *hát bội* do chữ « *hát bộ* » mà ra (2). Hát bộ là vừa hát vừa bước. Hát tuồng, hát bội, hay hát bộ là một lối múa hát mà người Trung-Hoa truyền sang. Có lẽ do một đạo sĩ đời Tống sang nước ta dưới triều Lý (thế kỷ thứ XII) dạy người Việt múa hát (3).

Theo một số tài liệu thì khi Toa-Đô tướng nhà Nguyên thua quân Trần-Hưng-

(1) Đoàn-Nông (*Sự tích và nghệ thuật hát bội* tr. 10)

(2) —nt— tr. 9

(3) —nt— tr. 12

Có bài của Vũ-Ngọc-Phan đăng trong tạp chí Pháp-Việt (*Revue franco Annamite*), ngày 1-4-1933.

Phạm-Đình-Hồ. — *Vũ-trung tùy bút* tờ 72a
Bản dịch của Đông-Châu đăng trong Nam Phong, tháng 9-1927, trang 366.

Đào-Duy-Anh. *Việt-Nam văn hóa sử cương*
tr. 296

Đạo, người Việt có bắt được một kịch sĩ Trung-hoa tên Lý-Nguyên-Cát. Đền ơn tha chết, Lý-Nguyên-Cát dạy người Việt múa hát (4). Dưới triều nhà Trần, một gánh hát người Việt diễn tuồng theo sự chỉ dạy của Lý-Nguyên-Cát và rất được triều đình tán thưởng. Đặc biệt nhất là vở tuồng Tây-Vương-Mẫu.

Thành ra hát bộ hát tuồng có ở nước ta chắc chắn từ đời Trần (thế kỷ thứ XIII, XIV) hay sớm nhất dưới đời Lý (thế kỷ thứ XII). Lối hát đó do người Trung-hoa truyền dạy. Nhưng trong nước ta luôn luôn loạn lạc, các trò vui chơi không được thịnh hành. Không có những hi viện đặc biệt dành riêng cho các phường hát như ở các nước Âu-Châu. Bên Trung-hoa, nghệ thuật sân khấu có lẽ đã phát triển từ đời nhà Châu (1122-256 trước

(4) Đoàn-Nông. *Sự tích và nghệ thuật hát bội*
tr. 13

Đào-Duy-Anh *Việt-Nam văn hóa sử cương*
tr. 296.

HÁT TUỒNG

Tây-lịch) (1) Người Nhật cũng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-Hoa, nhưng các lối hát tuồng Nhật đã có một cá tánh và truyền thống từ thời Trung cổ và người ta đã cất các hí viện tại nước Nhật từ năm 1684 (2). Trong nước ta, rạp hát đầu tiên cất lên dưới thời vua Gia-Long (1802-1820) tức vào đầu thế kỷ thứ XIX, Trong các cung điện dựng lên tại Huế theo kiểu cung điện Bắc-Kinh, có một tòa nhà tên là *Duyệt-thị-đường* là nơi diễn tuồng cho vua và các quan xem. (3)

Nhưng trước khi có hí viện, lối hát tuồng đã có một truyền thống và nhờ chúa Nguyễn ưa chuộng nên rất thịnh hành trong Nam (4)

Sau này dưới thời Minh-Mạng (1820-1840) có kép hát Trung-Hoa tên là *Cang cung-hầu* dạy đào kép Việt đóng tuồng. Dưới đời *Tự-Đức* (1847-1883) có đặt phòng hiệu thơ đề các danh nho họa thơ cùng soạn tuồng hát với vua (5). Vua *Thành-Thất* (tức vị năm 1889) thích xem hát và tự mình đóng trò (6). *Khải-Định* ban xiêm giáp rực rỡ cho con hát và bắt phải luyện tập hẳn hoi

(1) Đoàn-Nông.— *Sự tích và nghệ thuật hát bộ*, Tr. 22.

(2) G. Knosp *Le théâtre en Indochine (Hát tuồng tại Đông-dương)* Revue Anthropos 1908, trang 280.

(3) M. Lelièvre.— *Le théâtre annamite (Hát tuồng Việt-Nam)* Revue France Asie. Tháng 12-1931, trang 288.

(4) Đào-Duy-Anh.— *Việt-Nam văn hóa sử cương*, Tr. 296.

(5) Đoàn-Nông.— *Sự tích và nghệ thuật hát bộ*, Tr. 26.

(6) “ “ “ , Tr. 27.

Chúng tôi không đề cập tới gốc tích của hát tuồng và cách tổ chức các gánh hát. Muốn biết rõ về các khoản ấy, chúng tôi xin bạn đọc tìm những sách chúng tôi kê trong bản kê các sách tham khảo. Chúng tôi chỉ xem qua vài đặc tính của hát tuồng và những điệu hát điệu nói lối trong các tuồng hát bộ.



Vài đặc tính của lối hát tuồng.



1.) *Ảnh-hưởng của lối hát tuồng Trung-Hoa rất rõ rệt cốt tuồng lấy trong sử Trung - Hoa. Cách dặm mặt (hóa trang), bố cảnh hay các điệu múa y hệt như trong hát tuồng Trung-*

Hoa, cho đến mấy câu nói lối tuồng hay hát khách cũng viết bằng chữ Hán. Ngày xưa, hầu hết vở tuồng đều viết bằng chữ Hán. Sau này có thêm những câu hát Nam bằng tiếng Việt và những câu nói lối theo văn xuôi.

Nội dung của các vở tuồng thì không ngoài luân lý Khổng-giáo : Trước hết phải *trung* với vua. Cha trung giết con nịnh là thường. Trong tuồng *Tam Nữ đồ vương*, Tà-Ngọc-Lân ôm con là Tà-Kim-Hùng lặn vào lửa mà chết ; Bạch-đầu-ông cũng giết con là Bạch-tật-Lê bằng cách ấy trong tuồng *Vạn Bửu* (1). Trung cho đến chết

(1) Đoàn-nông.— *Sự tích và nghệ thuật hát bộ* tr. 36

rồi như Khương-Linh-Tá mà còn hiện hồn đưa Đồng-Kim-Lân qua đèo trong tuồng San-Hậu.

Trung với quân vương và hiếu với phụ mẫu. Dầu là con nuôi của quan tư đồ mà vì muốn cho nghĩa phụ tròn trung, Điều-Thuyền vì hiếu mà phải hy sinh chữ tiết gá mình cho Lữ-Bố và Đồng-Trác bỏ câu « trịnh nữ bất sự nhị phu ».

Tuồng hát nêu lên những gương trung hiếu, tiết nghĩa nhưng bao giờ chánh nhất cũng là chữ trung. Thành ra bố cuộc không chỉ ngoài việc quân nịnh định tiếm ngôi nhưng bị bên trung trừ diệt. Vua gặp hoạn nạn nhưng rồi cũng trở về ngôi báu.

2) Sự tượng trưng là căn bản của hát bộ.

Tượng trưng trong cách bố cảnh : vài cái ghế và một cái bàn là cung điện. Cột vào ghế một cái lá là cung điện trở nên rừng xanh. Hai cái ghế chông lên là núi non hiem trở. Một cây chèo là cả một chiếc thuyền một roi ngựa là cả con tuấn mã. Miếng vải có vẽ bánh xe là xa giá nhà vua.

Tượng trưng trong cách vẽ mặt :

Người trung mặt đỏ râu năm chòm, kẻ nịnh mặt mốc mặt xám hay mặt đen và râu rìa. Tướng Phiên thì mặt rần rện râu quai nón. Yêu thì mắt lục lạc, tóc màu râu bắp. (Ngoài ra có những cách vẽ mặt đặc

biệt cho vai Quan-Công : mặt đỏ, râu dài, Bao-Công : có mặt trắng trên trán. Tề-Thiên Đại-Thánh : mặt khi v. v...)

Tượng trưng trong xiêm áo :

Nịnh bao giờ cũng đội máo vuông, tướng Phiên phải có lông trĩ, lông công còn kép núi thì chít khăn đen.

Tượng trưng trong bộ điệu :

Xây mặt vén râu làm bộ uống rồi đồ cặn rượu phía sau lưng là đang uống rượu. Đưa cánh mặt ngang mày rồi kéo nhẹ từ trái qua phải là khóc. Ngồi xuống ôm bụng, lúc đứng lên có ôm thêm « ông làng » (ông tồ hát bội) là « nở nhụy khai hoa ». Thấy cách quạt, nghe tiếng cười cũng biết ai trung, ai nịnh.

Tượng trưng trong câu hát :

Tướng đang bị thua mà hát câu khách tử tức là sắp chết. Nghe nhịp cắc rụp cắc biết là thầy rùa tướng núi sắp ra.

Vì thế mà nếu không thấu được ý nghĩa của sự tượng trưng đó, nếu không biết chút ít Hán văn, thì đi xem hát tuồng mất thú vị nhiều.

Muốn thưởng thức một vở tuồng cho tận cùng, người đi xem hát cần phải biết qua các điệu hát và nói lối.

(còn tiếp)

TRẦN-VĂN-KHÊ

★ Bất luận người nào, không ít thì nhiều, đều ý thức được nhân phẩm của họ và muốn nhân phẩm của họ được mọi người nhìn nhận. Bị coi như một con số hay như một bánh xe trong một bộ máy, họ thường có tự ty mặc cảm và tìm cách báo thù bằng dửng dưng, oán ghét hoặc khinh miệt.



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON - Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées



**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ

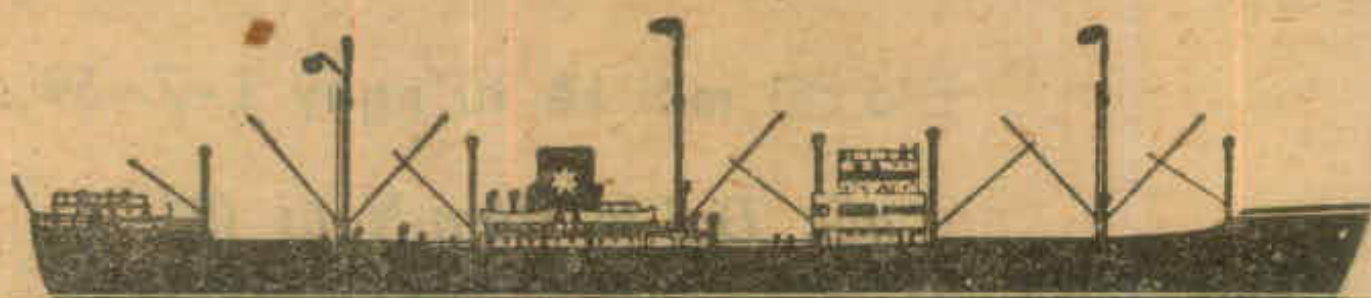
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-ANH-LINH



CHÚNG ta có thể nói, ở Âu-châu, thế kỷ thứ XX là thế kỷ trẻ em, cũng như thế kỷ thứ XIX là thế kỷ giải phóng giới cần lao và phụ nữ. Vì thế, sách vở nghiên cứu về nhi

đồng giáo dục ở nước ngoài rất nhiều, nhưng ở nước nhà thì thật là hiếm. Nên « Thời mới dạy con theo lối mới » của Nguyễn-Hiến-Lê hy vọng sẽ bù đắp một thiếu sót.



Căn cứ vào những sách tham khảo và những sách chính tác giả đã viết, chúng ta nhận thấy ông Hiến-Lê là một vị giáo sư biết rõ hai văn hóa Âu-Á, và khi đọc bài tựa của « Thời mới dạy con theo lối mới », tôi nghĩ sẽ học được nhiều « lối mới » nhất là những cố gắng của tác giả trong việc dung hòa một phần nào hai phương pháp giáo dục Đông Tây. Quả như tác giả nói : « Người Phương-

Tên sách : Thời mới, dạy con theo lối Mới.

Tác giả : Nguyễn-Hiến-Lê

Nhà xuất bản : Nguyễn-Hiến-Lê

dày 182 trang : giá 45\$.



Tây đã thí nghiệm và thấy kết quả đó ; thử xem ở nước mình đúng hay không » ? (trang 8).

Là một nhà Khổng-học, dĩ nhiên ông Hiến-Lê không thể không đề cập đến Nho giáo : nhưng ngoài một vài mẫu truyện hay về bà mẹ Tăng-Sâm (trang 81), về lời khuyên của Nho giáo : « khi muốn phạt mà còn nghi ngờ, thì nên tha (trg. 133), » về hạng « Tề nhân » trong Sách Mạnh-Tử (trg. 134), về gương Mạnh-Mẫu (trg 157), và về quan niệm của nhà Nho về « thai giáo » (trg. 169), tác giả đề cập đến những khám phá mới mẻ về trẻ em. « Phương pháp giáo dục cổ điển của Á-dông cũng như Âu-Tây là phương pháp độc đoán... Tôi không phủ nhận thiện chí của người xưa, nhưng cái lối uốn nắn trẻ theo mẫu mực mà người lớn đã định trước, không gây được hạnh phúc cho nhân loại... » trg. 7.

— Câu cuối của tác giả làm cho chúng ta phân vân tự hỏi không hiểu nhân loại ngày nay với những xâu xé, bất công, với những hứa hẹn hào huyền, với những đe dọa chiến tranh toàn diện... đã sung

ĐIỀM SÁCH

sương hơn tồ tiên chúng ta về mặt nào?... Mặt khác, thể hệ chúng ta cũng đã được ông cha ta giáo huấn theo lối « độc đoán », đã chắc kém thua gì thể hệ ngày nay mà chính chúng ta đang ra tay đào luyện?... Có cảm tưởng tự do, độc lập, kinh tế có phần dồi dào hơn thật, nhưng vị tất đã hạnh phúc hơn? Và, hạnh phúc là gì? Có phải nó chỉ lệ thuộc vào một vài yếu tố vật chất?

Tác giả quyển « Nho giáo, một triết lý chính trị », ông Hiến-Lê, ở đây cũng đồng một chủ trương: « Gia đình là một tiêu tồ chính trị, thì cá nhân tức là một cán bộ chính trị có nhiệm vụ giữ trật tự xã hội, cho nên Chu-Tử mới nói: Cha con yêu nhau, gốc là việc công. Dưới một chế độ như vậy, cá nhân tất phải chịu uốn nắn, nhồi nặn theo một kiểu mẫu đã định sẵn, không thể được tự do phát triển. Đã đành, nhà cầm quyền hồi xưa cũng lo cho hạnh phúc cá nhân, nhưng cho rằng hạnh phúc đó nằm trong hạnh phúc của quốc gia, và cá nhân phải hy sinh hạnh phúc của mình cho hạnh phúc của đoàn thể. Nền giáo dục đó là nền giáo dục một chiều, giáo dục con người vì gia đình, vì xã hội, chứ không phải vì con người... » (trg 18).

— Thiết tưởng, tác giả cần định nghĩa chính trị là gì? Nếu chính trị là « việc công », là ích chung, thì mọi người phải làm: học thuyết cũng như giáo dục, nếu không đưa chúng ta đến được chỗ đó là một học thuyết, giáo dục trống rỗng.

Dĩ nhiên, dưới thời phong kiến, con người hay bị áp bức, nhưng đã nói đến nhân-vị, tất phải nói đến hai yếu tố căn bản của nó: con người vừa là trung tâm điềm, vừa là ly tâm điềm; một mặt phải

phát triển khả năng, tăng cường đức tính mình, một mặt phải quy về nhân-vị khác, quy về gia đình, đoàn thể xã hội, quốc gia, quốc tế... Nói cho đúng, muốn tăng cường nhân-vị mình, phải hướng ngoại, phải xuất thân niềm nở đón tiếp tha nhân, phải dẫn mình vào xã hội, vũ trụ, và nếu cần, phải sẵn sàng bỏ mình vì đoàn thể, cũng như phải hy sinh vì tồ quốc. Muốn sống, cây phải có rễ và cành lá: rễ phải đâm sâu và cành lá phải lan tràn, vươn cao: hai cuộc vận hành như trái ngược, nhưng đó chỉ là yêu sách của sinh hoạt. Đắp cao, thì phải đào sâu. Muốn đem thân kiến thiết cuộc đời, muốn cứu vãn thế tục, cần có một nhân vị hùng tráng. Cây khi nào đâm rễ, khi nào mọc lá? Cùng một lúc, vì đâm rễ cho nên mọc lá, vì mọc lá cho nên đâm rễ.

Như vậy, nhân vị mỗi người có hai đặc điềm hầu như tương phản: nhân vị vừa chỉ bản ngã, vừa chỉ phần tử của một đoàn thể, vừa trung tâm điềm, vừa ly tâm điềm. Thân cây là nơi mà các chất lấy ở trời và hút ở đất tụ lại và luôn luôn vận chuyển để nuôi sống: vậy là trung tâm điềm hay ly tâm điềm? Là cả hai, như quả tim vừa tập trung vừa dẫn máu đi khắp thân thể.

Đại để, Á Đông quá nhấn mạnh vào điềm ly tâm, vào đoàn thể, và đặt nhẹ vấn đề bản ngã: gia đình là trọng, cá nhân là thường. Và kết quả là con người dễ đâm ra thụ động, ỷ lại, sợ trách nhiệm, Tây-phương quá đề cao điềm trung tâm và khinh rẻ đoàn thể: cá nhân là trên hết và kết quả là tự do phóng túng, tự do tung hoành, bất chấp uy quyền.

Chính vì chưa nhận rõ những điểm trên mà lời chỉ trích của ông Nguyễn-Hiến-Lê về nho giáo hơi quá đáng : « Giáo dục con người vì con người » chưa chắc đã là đúng ! Cũng quá đáng, lời khen Hiến chương của hội Vạn-quốc Tân giáo dục năm 1942 : « Cá tính của trẻ em là thiêng liêng ; nhu cầu của trẻ phải là nền tảng của chế độ giáo dục » (trang 19). « Quan niệm đó, tôi đã trình bày kỹ trong cuốn « Thế hệ ngày mai, ở đây xin miễn xét lại. » (trang 19)

— Ta cần xét lại, vì nếu đó là chủ đích của Hiến chương, thì thật đáng trách hơn là đáng khen. hội Vạn-quốc Tân giáo dục xuất hiện năm 1921 và vẫn cố tìm một con đường khả dĩ lôi cuốn được hết mọi nước. Ngay năm 1921, Hiến chương đề xướng : « Mỗi tuổi có một đặc tính riêng ; nên kỷ luật cá nhân hay đoàn thể, phải đề trẻ em tự tổ chức lấy ; giáo viên chỉ cộng tác vào thôi ; những kỷ luật đó phải làm cho trẻ tự nhận thấy có trách nhiệm trong đời sống tư cũng như giữa xã hội... »

Năm 1932, lời tuyên cáo chung của Hội cũng lưu tâm đến hai điểm trong nền giáo dục : « Giáo dục phải giúp trẻ em tự biết thích hợp với yêu sách của đời sống giữa xã hội, nghĩa là giáo dục phải hủy bỏ kỷ luật áp chế và những hình phạt làm cho trẻ sợ hãi, đề dạy cho trẻ ngày một thêm óc sáng kiến và nhận biết trách nhiệm mình. Giáo dục phải đề ý đến việc cộng tác giữa mọi phần tử trong nhà trường, nghĩa là phải hướng dẫn thầy lẫn trò đến chỗ hiểu biết giá trị của nhau, hiểu biết cần có tinh thần độc lập. Giáo dục phải giúp trẻ em quý trọng những tinh hoa của đất nước và hoan hỉ đón nhận những cái hay của nước ngoài đã gây dựng cho văn hóa

toàn nhân loại. Đề bảo tồn văn hóa đời nay, công dân của thế giới cũng cần như công dân chính đáng của một nước.

Năm 1942, đề tránh lời chỉ trích của các nước công giáo, Hiến chương có thêm «... Phải đề cho mỗi trẻ, bất luận nam nữ, chủng tộc, xứ sở, tôn giáo hay địa vị xã hội, có dịp tiếp xúc với những nguồn suối văn hóa nước mình. Phải đề cho mỗi trẻ có đủ thời giờ cần thiết để học tập ở trường. Phải liệu cho mỗi trẻ được huấn luyện về tôn giáo. »

Tựu trung, các nhà giáo dục ngấm ngấm vẫn đề ý đến nhân cách trẻ và đoàn thể xã hội. Thiếu một trong hai, nhân vị trẻ sẽ bị tổn thương. Nên tác giả, ở điểm này, một phần nào đã ngộ nhận.



Không phải vì đề tránh tự ti mặc cảm về Á-đông mà chúng ta lại có thái độ trái ngược tức là phủ nhận những khám phá của Tây-phương về khoa Nhi-đồng Tâm-Lý, dù khoa này mới xuất hiện với những định luật cần được xem có hợp với trẻ em nước nhà không.

Ngày nay, các nhà tân giáo dục Âu-châu đều theo phương pháp « thuận phát » (développementalisme) nghĩa là « tùy theo luật phát triển về sinh lý và tâm lý của trẻ » (trg 7). Mỗi tuổi có những đặc tính, khả năng riêng biệt ; chẳng hạn không nên tập cho trẻ đi. Đến khi các tế bào thần kinh liên kết với nhau bằng chất myéline, trẻ sẽ biết đi (trắc nghiệm Babinsky). « Tám tuổi mới biết học tính và hiểu được ba lần bốn là mười hai (tôi nói những trẻ thông minh trung bình), lần lần biết lý luận một cách cụ thể ; mười một, mười hai tuổi mới bắt

đầu quan niệm được những cái trừu tượng, mới hiểu thế nào là lòng nhân từ, công bằng...; nếu ta bắt chúng mới 9 tuổi đã phải hiểu một bài toán về tỷ lệ ngược hoặc phân biệt « nhân » với « nghĩa » thì chính ta ngu độn chứ không phải là trẻ ngu độn (trg 20).

— Vâng, đó là đối với trẻ thông minh trung bình; nhưng gia đình nào lại không nuôi cái mộng sản xuất những trẻ anh tài xuất chúng, như Pascal khi còn bé đã tự tìm được những định luật chính của hình học phẳng! Vì thế mà phải đặt ra những trắc nghiệm đo lường trí tuệ trẻ em.

Tác giả cho rằng « gần đây ông Arnold Gesell sau nhiều năm nghiên cứu với bạn bè đã tìm được ít nhiều luật phát triển của trẻ. » (trg. VII)

— Mở đường cho phong trào tân giáo dục là hai vị Bác sĩ Pháp Binet và Simon với trắc nghiệm « Binet Simon » (1908) để đo lường cuộc bành trướng tinh thần trẻ.

Ở trang 19, tác giả lại phê bình Khổng-Tử: « Khổng-Tử, một trong những nhà mô phạm và nhà tâm lý sâu sắc nhất cổ kim, đã có lần thất vọng phải nhận rằng không thể sửa đổi tính tình hạng hạ ngu được, vì họ mê muội, không thấy điều phải, hoặc thấy mà không làm. Quan niệm đó hơi bi quan; Theo tôi, hạng đó vẫn có thể giáo hóa được, nhưng tới một mức nào thôi, và phải tốn rất nhiều công phu. »

— Không hiểu hạng « hạ ngu » của Khổng-Tử là hạng nào rõ rệt, nhưng một điều chắc chắn là những trắc nghiệm Binet-Simon, Stanford Revision của Terman (1916), hay Terman-Merrill (1937) để đo « thương trí » (tức tuổi trí chia

với tuổi thực : Quotient intellectuel hay

$$Q. I. = \frac{\text{âge mental}}{\text{âge réel}}$$

đều công nhận có hạng không thể dạy dỗ được; tức là khi trẻ lớn dần lên mà thương trí của nó không hơn 2 tuổi; nôm na ra nghĩa là 20, 30 tuổi đầu, mà trí khôn là trí khôn trẻ lên 2!

Hầu hết các nhà giáo dục đều theo định nghĩa của Binet :

« Hạng ngu (idiots) là hạng không nói được và trí tuệ không hơn trình độ trẻ lên 2. »

« Hạng đần độn (imbéciles) là hạng không thể giao thiệp với đồng loại bằng giấy tờ, không thể hiểu điều mình đọc hay diễn tả cách rõ ràng; là hạng người không quá trình độ trẻ lên 7. »

« Hạng nhược trí (débiles mentaux) là hạng không thể theo chương trình học tập cách đều đặn và không quá trình độ trẻ lên 9, 10. »

Thực tế hơn, Terman - Merrill cho điểm: nếu thương trí (Q.I.) trung bình là 100, thì :

hạng ngu chỉ có 20 đến 25 ;
hạng đần độn 25 đến 50 ;
hạng nhược trí 50 đến 70 ;
trong khi hạng thượng trí chiếm 120 đến 140 điểm và hạng anh tài xuất chúng, « Genius » từ 140 trở đi!

Hai hạng dưới cùng thường phải giam nhốt lại và hạng nhược trí phải có những trường riêng với những giáo sư chuyên môn mới hòng huấn luyện được đôi chút. Nên « Hạ ngu bất di » của Khổng-tử có thể thuộc hai hạng chót.

Đúng như tác giả nói, « trẻ không chỉ sống bằng sữa mà còn sống bằng tình yêu (trg 23-30), vì thế bầu không khí trong gia đình là cần nhất (trg 71-76) và trước khi dạy con, phải có trường huấn luyện cha mẹ (trg 169-172), để cha mẹ hiểu rõ đức tính và tập quán con mình (những tật của trẻ) (trang 79-167).

Bàn về kỷ luật, tác giả đã khéo vạch một con đường trung hòa ; « trong sự giáo dục, các tâm lý gia ngày nay đều khuyên ta trung dung, vừa tôn trọng tự do của trẻ, vừa tập cho trẻ tự chủ. Nghiêm khắc quá như hồi xưa, thì trẻ hóa sợ sệt, mất cả chí khí, mà phóng nhiệm quá như tại nhiều trường bên Mỹ hiện nay, thì học sinh thành chúa tể trong lớp, không chịu gắng sức, chỉ tìm mọi cách để trốn, phí » (trg 41). Lý do là trẻ có những tật xấu : « Khi Bác sĩ Gilbert Robin bảo : « Trẻ không có tật xấu, tại người ta đã vụng dạy chúng hoặc tại chúng đau, » thì tôi ngờ rằng tác giả đã lạc quan quá, đã chủ trương thuyết « tính thiện » của Rousseau và quên mất những ảnh hưởng nhiều khi tai hại của di truyền » (trg 84).

Một điều mà tác giả nhắc đi nhắc lại và làm cho ta ngạc nhiên là : « Trẻ khoảng 6 tuổi, đương ngoan ngoãn đột nhiên trải qua một thời kỳ rất bướng bỉnh, ta bảo cái gì, chúng cũng cãi, nhất định không nghe... » (trg 44). « Sáu tuổi, trẻ dữ tợn nhất, trong hành động cũng như trong ngôn ngữ... Tuổi đó là tuổi khó chịu, làm nhiều bà mẹ thất vọng bực mình nhất ». (trang 120)

— Trong cuộc phát triển về tính tình, trẻ trải qua nhiều cơn biến động để đi đến tự lập, đại để khi lên 3, lên 6,7, lên 13, 14. Và cơn biến động mãnh liệt nhất là

lên 3 và lên 13. Lên 3, trẻ nhận thấy không còn lệ thuộc vào tha nhân nữa, trẻ đòi quyền tự trị ; không muốn chịu phục ai, trẻ biểu tình để thử thực lực mình : tuổi này mà cha mẹ tìm cách cấm đoán, bắt vâng lời triệt để, trẻ sẽ mất nhân cách và trở nên nhu nhược ; nhưng để trẻ quá tự do, trẻ sẽ trở nên bất trị : tất cả cái khó khăn trong việc giáo dục bấy giờ là điều hòa uy quyền và nhân cách chớm nở của trẻ. Nhân cách đây chỉ là một nét phác họa sơ khai, chưa có gì chắc chắn : là một *nhân cách tự phát*, nên có vẻ hung tợn, hơn cả tuổi dậy thì. Tác giả, trang 123, cũng viết : « Hầu hết những trẻ từ một đến 3 tuổi đều có lần nổi cơn giận dữ. Lúc đó chúng đã biết chúng muốn gì và đòi biểu lộ cá nhân của chúng, cho nên hễ trái ý chúng thì chúng làm trận ; nhưng mới đầu chưa dám xung đột với người lớn, chỉ lăn xuống đất, đập chân, đập tay thôi ». Biến động này khác với biến động thứ 2, vì lên 6, 7, trẻ mất thăng bằng về trí tuệ và luân lý ; cũng khác với biến động thứ 3, với tuổi dậy thì. Lên 3, trẻ tác tạo một thể quân bình chưa có ; đến tuổi dậy thì, trẻ tái tạo một thể quân bình đã mất. Lên 3, trẻ tác tạo nhân cách theo tình *tự phát*, nên trẻ vui vẻ hồn nhiên, vì cuộc chiến thắng của trẻ là một khám phá luôn luôn đổi thay ; tuổi dậy thì là một tấn bi kịch : trẻ phải chiến đấu với trong lẫn ngoài và thường bị tổn thương.

Chính vì thế mà tuổi lên 3 là tuổi đầy tình cảm, một điểm mà tác giả lẽ ra phải nói ở chương : trẻ ghen tị. Freud nhận thấy lên 3, tình dục phát triển mạnh và nhiều mặc cảm xuất hiện : trẻ cho mình là hèn kém (tự ti mặc cảm) hay trái lại, khinh bỉ trẻ khác (tự tôn mặc cảm) ; trẻ ghen em muốn đem giết đi (cain mặc cảm) ; trẻ nam

hích mẹ, trẻ nữ thích cha (mẫu dục mặc cảm, complexe d'Edipe) ; hay thiếu hoạn mặc cảm (complexe de coëtration) v...v...

Tác giả không nói đến các mặc cảm đó, nhưng phần đông những thí dụ trưng ra trong sách lại quá nhấn mạnh về khoa tâm phân, là những trường hợp đặc biệt làm cho độc giả phụ huynh hoang mang : « Đêm đó, em lén mở cửa đi, ra bờ sông, gieo mình xuống nước, sau khi để lại cho cha mẹ hàng chữ này... » (trang 29)

Hay « Thừa Ba, xin Ba đừng buồn vì cái chết của con. Con tự tử vì con muốn chết ». (trang 29)

Khi tập sự ở nhà thương, dưới sự hướng dẫn của Bác sĩ Heuyer, Lebovici, chúng tôi có xem xét tâm bệnh, trí khôn trẻ, cho trẻ vẽ chơi tự do, âu yếm hỏi han thăm dò và tìm được nhiều căn do thầm kín của tiềm thức. Nhưng đây chỉ là những trường hợp đặc biệt, những « cas cliniques », không nên quá phổ biến, vì rồi đây ai cũng cho con mình mắc những bệnh thần kinh quái gở, cần chạy đến khoa tâm phân, đúng như lời các bác sĩ bảo : người khỏe là người ốm mà không biết mình ốm. . . .

Thiết tưởng tác giả đã tham khảo những sách mới đây và những sách đó tuyên truyền cho một khoa vừa chớm nở cần được cõ võ. Nên khi tác giả yêu cầu « đọc rất nhiều sách về tâm lý của trẻ » (trg VII, trg 178), tôi sợ rằng độc giả sẽ không hiểu đâu là chân lý vì thực ra chưa có sự thống nhất tư tưởng giữa các nhà nghiên cứu trẻ em.

Ở chương IX (trg 149-156), tác giả khuyên « đừng quá chú ý đến những điểm ông thầy cho mà vội trách trẻ làm biếng. »

Và để minh chứng điều đó, tác giả cho biết những thí nghiệm của Giáo sư Mialaret : « Kết quả cuộc thí nghiệm đó cho ta thấy học sinh bị bao nhiêu nỗi bất công và cứ xét học bạ của nhà trường mà rầy chúng, thì thực oan cho chúng ». Đồng thời tác giả kê cả một bảng ghi điểm rất tỷ mỉ của 23 Giáo sư chấm 14 bài toán. Sự chênh lệch quá rõ rệt-

Về cách cho điểm theo lối cũ, các nhà giáo dục ở Mỹ, Bỉ, Pháp đã phê bình nặng lời. So sánh các điểm của 5 giáo sư trong một cuộc thi viết ở Paris, thì :

27% học sinh được vào vấn đáp với sự đồng ý của mọi giáo sư ;

54% may rủi mà đỗ, tùy cách ghi điểm của mỗi giáo sư.

19% bị đánh hỏng.

Mặc khác, muốn biết chân giá trị của một bài thi nào, trung bình phải có 13 người chấm !

Tệ hơn nữa là một người không biết chấm thi cho điểm không kém gì những nhà chấm thi chuyên môn !

Những kết luận đó không khỏi làm cho chúng ta phân vân. Có lẽ vì thế mà nay các trường Âu-mỹ muốn bãi bỏ thi cử để thay thế bằng trắc nghiệm thử trí khôn, khả năng, tính tình (tests).

— Những cách lý luận của các nhà tân giáo dục cũng như ông Nguyễn-Hiến-Lê tưởng hơi quá đáng. Quá đáng ở chỗ quá tin tưởng vào con số. Ngày nay chính khoa học cũng không còn chủ trương thuyết định số luận tuyệt đối (déterminisme absolu) mà phải nhờ đến thống kê. Nhờ đến thống kê, tức là cho rằng vạn sự đều tương đối : chỉ độ 75% là đúng.

Thử bảo 100 người đo rất kỹ lưỡng một thanh gỗ dài đúng 1 thước, ta sẽ thấy nhiều chênh lệch. Huống gì ^{ch}chấm một bài toán, một bài Việt, vì sẽ liên hệ đến sự kiện tâm lý: điều này quá di nhiên, và không cần tốn công minh chứng như người ta đã làm. Nhưng chúng ta phải công nhận: nếu chỉ một giáo sư chấm 50 bài toán, thì đại khái những điểm cho chắc là đúng. Nếu không, cách tuyển lựa những anh tài thừa xưa và nay đều là vu vơ hết sao ?

✱

Trước khi kết thúc, chúng tôi muốn nói thêm hai điều. Ở trang 69, tác giả viết: « Sau cùng, còn một lời khuyên nữa mà tôi dụng tâm để lại cuối chương này. Nó rất vắn tắt. Xin bạn đọc đi đọc lại bài: « Làm cha nên nhớ » trong cuốn *Đắc nhân Tâm...* »

— Nhiều lần tác giả giới thiệu sách mình sắp hay đã xuất bản: *Thế hệ ngày mai* (trg. 15); *Tìm hiểu con chúng ta* (trg. 22, 43); *Luyện tinh thần* (trg. 78). Cách giới thiệu như vậy có thể làm cho độc giả khó chịu, không hiểu đoạn đó nói gì... Và chẳng, nó có tính cách tuyên truyền hơi quá rõ rệt.

Điều thứ hai là ở trang 81 «... Từ tư có công với đạo Khổng, cũng như

thánh Pierre có công với đạo Da-Tô, mà ông còn hơn thánh Pierre ở tư cách cho nên được hậu thế khen là học cao mà chắc chắn, làm được nhiều điều thánh hiền cho là khó. ».

Chúng tôi không hiểu sao ông Hiến-Lê lại đem so sánh một cách đột ngột hai vị đó và cũng không hiểu ông Hiến-Lê đã biết về « Thánh Pierre » thế nào ? Ai không rõ Thánh Pierre là Tông đồ thứ nhất, Chúa Kitô đã đích thân chọn lựa và phong làm Giáo hoàng tiên khởi, thay mặt Ngài ở thế gian: « *Tu es Petrus...*, *Con là Đá, ta xây Giáo hội ta trên đá này...* » Ông cùng với Thánh Paul là hai bậc đại thánh cột trụ muôn đời của Giáo hội, chẳng những của Giáo hội công giáo, mà của cả toàn thể Kitô giáo nữa.

Với lòng thành thực và tinh thần xây dựng chúng tôi đã góp ít nhiều nhận xét về tập sách này vì cảm thấy tác giả là người đã có công nhiều trong việc đào luyện thế hệ tương lai của nước nhà.

Ngoài một vài điểm mà chúng tôi, đã nêu lên để thêm thiện ý của chúng tôi, sách « Thời mới dạy con theo lối mới », với những bổ khuyết đó, là một sách có giá trị.

Mong nó sẽ là sách đầu giường của tất cả các gia đình Việt-Nam hiện tại.

NGUYỄN-ANH-LINH

✱ Người điều khiển phải biết người để có thể ra lệnh cho thích hợp với khả năng của mỗi người, để cho người xứng đáng được có sáng kiến, người kém cỏi được có cảm giác nâng đỡ tích cực; phải đi từ mãnh liệt, cương quyết đến ôn nhu, tế nhị, và trở ngược lại. Nhiều người điều khiển vụng về đến nỗi ra lệnh cho người mà người chỉ những muốn làm trái lệnh cho bỏ ghét.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T.: 23529



HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh

SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :

NGUYEN-HUU-THAT

TRẢ LỜI CUỘC

PHÔNG-VẤN

VĂN-NGHỆ CỦA BÁCH-KHOA

★ I.— THIẾU - SƠN

Tên thật : Lê-Sĩ-Quý, sanh năm 1908 ở Hàt-dương. Làm sò Bru-độn, viết văn, viết báo ; hiện chỉ sống về ngòi bút.

Chuyên viết về phê bình văn học, nhưng cũng viết truyện ngắn, truyện dài, truyện vui.

Từng cộng tác với các báo : Nam-phong (1927), Phụ nữ tân văn (1931), Đại-Việt (1943), Nam-kỳ tuần báo (1943), Justice, (1945-49) ; chủ nhiệm tờ Công-lý (1948) ; tổng thư ký đảng Xã-hội ở Việt-Nam (S.F.I.O).

Tác phẩm : Phê bình và cáo luận (Phan-Khôi đề tựa, Nam-Kỳ xuất bản, Hà Nội, 1933).— Người bạn gái (tiểu thuyết ; Đời mới, Hà Nội, 1942).— Đời sống tình thần (tiểu luận ; Đời mới, Hà Nội, 1943).— Câu chuyện văn học (Cộng lực, Hà Nội, 1945).— Giữa hai cuộc Cách mạng (1947). Tập hồi ký « Mặt đời người » đang đăng ở tạp chí « Phổ thông » rất được văn, học, báo giới chú ý.

Từ 15 năm nay, thời cuộc đã kéo tôi ra khỏi « Tháp Ngà Văn nghệ » để cho tôi phải đi trên những quãng đường đầy gió bụi và chông gai. Những biến cố của đất nước đã làm mất sự yên tĩnh của tâm hồn và khiến lòng tôi hững hờ với đời sống văn học.

Tôi đương tính tu bỏ lại cái Tháp Ngà với những vật liệu còn sót lại trong đồng sách cũ và những mảnh hồn xưa, thì nhận được bức thư phỏng vấn của tạp chí « Bách-Khoa » do anh Nguyễn-Ngu-Í đem tới.

Bốn câu hỏi rất giản dị mà đã làm tôi lúng túng mất mấy ngày.

Tôi quên rất nhiều những sách tôi đã đọc và nhiều khi quên luôn cả những văn tôi đã viết. Nếu tôi còn được minh mẫn và sành sỏi như hồi xưa thì nội một ký ức không cũng đủ giúp tôi trả lời mấy câu hỏi.

Nay tôi không thể đọc lại những gì tôi đã đọc trước kia để so sánh và cân nhắc xem truyện nào tôi cho là hay nhất trong văn học Việt-Nam và trong văn học Quốc-tế.

Không so sánh được thì cũng không định được giá trị hơn, kém, dầu chỉ là định theo chủ quan của mình.

Vậy tôi chỉ có thể nói về những truyện ngắn nào mà tôi ưa thích nhất lúc này xuyên qua những sách mà tôi mới đọc hoặc đọc lại và còn nhớ được chút đỉnh trong khoảng đời mưa gió của tôi.



Trả lời câu I và II. — Trong văn khố Việt-Nam, tôi thích nhất một truyện rất cũ và một truyện rất mới. Tôi thích Truyện « *Trầu, Cau* » nói về sự tích hai anh em cùng thương yêu một người con gái, nhưng rồi cả ba đều lần lượt quyền sinh đẻ hi sinh cho hạnh phúc của nhau và giữ trọn tình, trọn nghĩa với nhau. Tấm nhiệt tình và đức hi sinh của họ đã biến xương cốt và máu huyết của họ thành một cây trầu, một cây cau và một tảng đá. Đá nung thành vôi quết vô trầu, cau làm thành miếng trầu mà hình như chỉ có dân tộc Việt-Nam tìm ra, ưa thích và coi như một quốc sản của mình. Lấy miếng trầu làm đầu câu chuyện, nhưng nhai miếng trầu phải thật dẻo mới ngon. Nước trầu đỏ như máu, phải chăng là những dòng máu của ba người đã hòa hợp lại để biểu dương những tình thâm, nghĩa thiết của muôn đời, những căn bản đạo đức của dân tộc ?

Một truyện cổ tích có một giá trị luân lý và tượng trưng cho dạ sắt son, cho tình huynh đệ, cho sự hi sinh tới chết, cho tình còn sống mãi với thời gian một máu mủ truyện cổ tích như thế tự nó đã có một giá trị đặc biệt. Huống chi tục ăn trầu lại đặc biệt Việt-Nam, càng làm cho nhiều người nhớ tới sự tích của miếng trầu và tức là nhớ tới căn bản đạo đức của dân tộc. Lấy miếng trầu làm đầu câu chuyện mà trước khi bắt đầu đã nghiền ngẫm tất cả những

cái gì sâu đậm nhất, thiết tha nhất, cao cả nhất trong đạo nghĩa làm người, thì há không phải là một hành động đẹp đẽ, hay sao ?

Tôi thấy « *Sự tích Trầu Cau* » (1) vừa có giá trị dân tộc vừa có giá trị nhân bản, có tính cách phổ biến sâu rộng trong dân gian đến đời cho tới nay người ta vẫn chưa giám bỏ khoản trầu cau trong các lễ vật cưới hỏi.

Người ta có thể quên « sự tích Trầu cau » mà người ta vẫn bồm bẻm nhai trầu. Cũng có người không thích nhai trầu nữa mà vẫn thích nghe lại « Sự tích Trầu Cau ». Cũng có người không biết ăn trầu nhưng chỉ thấy người ta nhai mà nhớ lại sự tích ấy, vẫn thấy hay và thú vị. Đó là trường hợp của tôi khi nhắc tới « Sự tích Trầu Cau. »

Nhưng tôi chưa thỏa mãn nếu tôi không được lựa thêm một truyện nữa trong số những truyện ngắn hiện đại của Việt-Nam.

(1) Khi nói đến truyện ngắn, chúng ta nghĩ đến phần sang tác và tác giả của nó. Truyện cổ tích, ở đây, lại là một công trình khuyết danh, tập thể, mà tác giả « Phê bình và cáo luận » lại nhắc đến « Sự tích... », thì e có phần ép ường chút nào chăng ? Đã có những ý kiến không nhìn nhận những « Truyện cổ nước Nam » của Nguyễn-Văn-Ngọc là truyện ngắn vì ông này chỉ trưng thành ghi lại mà thôi, không như Khái-Hung (Cây tre trăm đốt), Phạm-Duy-Khiêm (Légendes des terres sereines) tô điểm thêm, sắp đặt lại, hay Vũ-Khắc-Khoan trong tập « Thần Tháp Rùa », Doãn-Quốc-Sỹ với « Sợ lừa », « Hồ Thủy-dương » chỉ mượn khung cảnh xưa, nhân vật cổ, mà lồng ý mới, tình nay, hoặc hoàn toàn sáng tác, đuổi theo một mục đích chánh trị, triết lí...

(Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)

Tôi muốn nói đến truyện « Những người không lồ » (2) của Trần-Duy. Ta đừng nghĩ rằng đây là một bài văn tố cộng, nghĩ như thế sẽ làm giảm giá trị, của một sáng tác văn nghệ, hạ thấp nó xuống thành một tác phẩm tuyên truyền. Tác giả đã tham gia kháng chiến với cả một tấm lòng, đã sống những giờ phút say sưa và đương sống một khúc đời chán nản. Ông say sưa trong cuộc kháng chiến chống xâm lăng. Nhưng ông đã chán nản vì phải sống chung với những người không tình cảm mà, khô thay ! Những người đó đã từng là những chiến hữu của ông. Ông viết « Những người không lồ », nói tới những người của Trời sai xuống để bạt núi, khai sông, tiêu diệt ma vương hồ báo đang đem lại an ninh và hạnh phúc cho loài người. Những người không lồ này mình cao trăm trượng, tay chun to lớn, sức lực vô địch nhưng lại có những bọng không tim vì lúc được nặn ra chỉ cốt to lớn nên xài hết cả nguyên liệu để nặn tim.

Vì thiếu tim nên họ không nghe được « tiếng khóc và tiếng cười : họ nhờ cày « vạt chết ma vương hồ báo, nhưng trong « khi đánh vung vãi sương tay, loài người « cũng chết lây. Xác hoa bướm nằm cạnh « xác ma vương hồ báo và xác người. »

Vì thế mà tiếng cười im bật, tiếng khóc trời lên làm kinh động tới Ngọc-Hoàng và làm cho Táo-quân bị nhiều lần triệu thỉnh để báo cáo tình hình ở hạ giới.

(2) Vốn đăng trong « Glai phẩm mùa thu, tập II, Hà Nội, 1956 », nhà Minh-Đức xuất bản. Có đăng lại trong « Tâm trạng giới văn nghệ ở miền Bắc » của Mạc-Đình, Sài Gòn, 1957, và trong « Trăm hoa đua nở trên đất Bắc », do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản, Sài Gòn, 1959 (Lời chú của Nguyễn-Ngũ-Í)

Sau nhiều lần kiểm thảo ở Thiên đình Táo-quân đưa đề nghị :

« Nếu có những người không lồ đủ tim
« và đủ óc thì đó là điều hay, bằng không
« thì nặn những người nhà trời chỉ bằng
« con người hạ giới thôi mà quả tim thật
« to. Bàn tay tuy có nhỏ, sức khỏe tuy
« có ngắn, nhưng nếu nó có tim nó sẽ
« sống cùng điệu với loài người, nghe
« được tiếng thở dài và thấy được cái
« mỉm cười của họ, lúc bấy giờ bàn tay
« nó sẽ không bóp chết loài người cùng ma
« quỷ, sức khỏe nó sẽ không đè chết loài
« người cùng với hồ báo, núi cây, bước
« chun nó sẽ không dày xéo lên con người
« cùng với tình yêu và hoa bướm... »

Đề nghị đó được Ngọc-Hoàng gật gù chấp thuận và được hạ giới hoan hỉ chờ mong... Nhưng chờ mong đến ngày nào mới có tim đầy đủ cho những kẻ thiếu tim ? Tác giả đặt vấn đề chờ mong để tỏ ra nhân nhượng, nhưng ông đã đạt được mục đích là tố cáo những kẻ không tim là chống lại những cái gì máy móc, những cái gì vũ phu, những cái gì phản nhân vị và thiếu nhân bản. Ngoài ngọn bút tài hoa và óc sáng tạo phong phú, Trần-Duy còn giữ được truyền thống bất khuất của con nhà cầm viết và tất cả cái bản sắc của những văn nghệ sĩ tha thiết với tự do, có đầu óc tự chủ, luôn luôn chống công thức và sống mạnh với trái tim.



Trả lời câu III và IV. — Qua địa hạt quốc tế, tôi bớt lúng túng hơn, mặc dầu vườn hoa văn học thế giới rộng rãi và phong phú hơn nhiều. Tôi đọc sách Pháp và sách ngoại quốc dịch ra tiếng Pháp nhiều hơn sách quốc văn nên tôi

còn nhớ được bộn bàng những danh sơn kiệt tác quốc tế. Vậy mà sau khi đã so sánh và lựa chọn tôi thấy hết thấy những cái tôi đã đọc đều thua « Đông-Châu liệt-quốc » của Trung-hoa. « Đông-Châu liệt-quốc » không phải là truyện ngắn và cũng không phải là truyện dài. Nó không phải là lịch sử tiểu thuyết như « Tam-quốc » hay « Thủy-hử ». Nó chưa hẳn là sử ký nhưng gần với sử ký nhiều hơn. Nó không phải là một truyện có đầu, có đuôi, nhưng nó là những mẩu truyện, đầu Ngô, mình Sở, rồi nùi và hỗn loạn. Đọc nó như đọc tiểu thuyết thì chán lắm. Nhưng đọc nó như đọc từng mẩu truyện để tìm ra những điển hình về con người thì hay vô cùng vô tận, trong văn học quốc tế tôi chưa thấy có sách nào hay như thế. Bỏ những chỗ rườm rà vô vị, tôi thấy *Đông-Châu liệt-quốc* quả là một xấp truyện ngắn cực tả được thiên hình vạn trạng cái bản sắc con người nói chung, và con người Trung-hoa nói riêng.

Đơn cử một truyện Lữ-Bất-Vi (3),

(3) Chúng tôi không đồng ý với ông Thiếu-Sơn: chúng tôi nghĩ một truyện ngắn tự nó đầy đủ ý nghĩa và đứng một mình. Những « mẩu truyện » trong « Đông-Châu liệt quốc » dù sao cũng là một phần của toàn bộ cuốn truyện này, chúng ăn dính với nhau không ít thì nhiều. Chúng có thể có những tính cách của truyện ngắn mà không phải là truyện ngắn. Còn nhớ lắm bạn văn từng tỏ ý khó chịu sau khi đọc các « truyện ngắn » của Nhật-Linh đăng trong « Văn-hóa Ngày nay »: « Bán vịt trời, Một buổi sáng, Đi mua tôm, Lòng mẹ, Cứng rợ, Búng ruồi, Bao giờ em về »... vì họ cảm thấy đó là những đoạn trích ở các tiểu thuyết « Nhà mẹ Lê, Cậu Ấm »... trong bộ trường giang tiểu thuyết « Xóm cầu Mới ». Họ đã khó chịu vì có cảm giác « bị » chủ nhà lấy một món ăn trong một cỗ bàn thịnh soạn để mà đãi họ gọi là...

(Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)

người lái buôn nước Triệu. Anh ta gặp được người con tin của nước Tần bị giam lỏng ở Triệu là Vương-Tôn Dị-Nhân, con của Thái-tử An-Quốc-Quân. Anh ta điều tra kỹ lưỡng và thấy rằng có thể dùng người này làm món hàng đắt giá. Anh ta về hỏi người cha : « Cây ruộng lợi gấp mấy ? » Người cha nói : « Lợi gấp mười. » Anh lại hỏi : « Buôn ngọc lợi gấp mấy ? » Người cha nói : « Lợi gấp trăm » Anh hỏi nữa : « Nếu giúp lập một người lên làm vua, thống trị sơn hà, được lời gấp mấy ? » Người cha cười nói : « Lấy đâu có được người làm vua mà lập, nếu có thì lợi đến gấp nghìn, gấp muôn, biết thế nào mà tính được ? »

Thế rồi anh tính. Anh lo lót với ông quan coi Dị-Nhân để làm quen. Anh qua tới nước Tần lo lót với người ái thiếp của Thái-tử An-Quốc-Quân nhận Dị-Nhân làm con để rồi sẽ nhờ thế lực của bà mà Dị-Nhân được lựa chọn làm người kế nghiệp trong đám trên 20 người con của Thái-tử. Rồi anh còn biểu luôn một ái thiếp của anh cho Vương-Tôn Dị-Nhân. Khi anh biết rằng nàng đã có thai hai tháng và giao ước với nàng nếu khối thịt trong bụng sinh ra là con trai thì nó tức sẽ là thái tử và hai người sẽ là cha mẹ vua Tần, tha hồ hưởng vinh hoa phú quý.

Thế rồi Lữ-Bất-Vi giúp cho Dị-Nhân về nước, được mẹ nuôi chăm sóc, được cha ruột tung tiu rồi phong cho làm Thái-tử sau khi chính An-Quốc-Quân đã nối nghiệp vua Tần.

Nhưng Lữ-Bất-Vi chờ lâu không được nên đã âm mưu bỏ thuốc độc cho vua mới để Dị-Nhân mau lên làm vua và phong cho

hắn làm thừa tướng, phong cho con hắn làm Thái tử. Thái tử này sẽ là Tần-Thủy-Hoàng của Trung-quốc.

Cái óc đầu cơ như óc của Lữ-Bất-Vi thật là sâu sắc nước đời vô tiền, tuyệt hậu. Những gương trung, trinh, tiết, liệt, những truyện dâm loạn đời phong, những đạo vương, bá, những phép tu, tề, những quyết liên hoành và hợp tung, tóm lại tất cả những đòi hỏi của dục vọng, những vi ân của đạo tâm, những cá tánh của con người, những khôn ngoan của trí tuệ, tất cả đều có những điển hình phong phú trong bộ « Đông Châu Liệt-Quốc ». Ở đây ta thấy có những cái lạc hậu không chỗ nói, nhưng cũng có những tư tưởng tiến bộ và những tình cảm sâu rộng phi thường. Nếu sách này không được công nhận là một xấp truyện ngắn theo quan điểm của tôi thì ít nào nó cũng là một cái kho chứa đựng đề tài cho những truyện ngắn xuất sắc của Đông, Tây Kim, Cồ. Vàng ngọc mới ở mỏ đào lên, dầu chưa dẻo gọt, cũng vẫn là vàng ngọc. Tôi thấy cái mỏ này phong phú nên tôi say sưa ngắm mãi không thôi.

Huống chi vàng ngọc mà tôi nói đây lại là tất cả những cái gì kết hợp lại thành bản sắc của con người, có những cái đặc biệt Trung-hoa, đặc biệt Á-Đông, nhưng cũng có những cái phổ biến cho hết thảy loài người, những cái mà bây giờ ta gọi là

nhân bản, là nhân văn, nghĩa là cái kho tàng của văn hóa Nhân Loại.

Điều đáng chú ý là ở thời đại Đông-Châu con người rất phóng túng, rất tự do, rất khẳng khái. Phóng túng đề buông lung theo thị dục, nhưng cũng phóng túng đề thoát vòng trần lụy. Tự do làm những chuyện động trời, nhưng cũng tự do phát biểu ý kiến đề binh vực lẽ phải. Còn nếu cần phải khẳng khái thì đứng trước cái chết họ cũng cứ khẳng khái như thường. Tôi không nhớ là ông Thái-sử nước nào đã biên rõ ngày giờ và tên tuổi kẻ thoán nghịch giết vua để cướp lấy ngai vàng. Tên này bắt ông sửa lại. Ông không chịu sửa rồi ông bị nó chặt đầu. Rồi 2, 3 người phụ tá cho ông cũng đều làm như ông và cũng chết như ông. Kết quả là kẻ thoán nghịch độc tài phải quăng gươm, thờ dài, đành nhượng bộ trước những tình thần bất khuất, coi chân lý nặng hơn sanh mạng của mình (4).

Nhà văn nghệ dầu không được sống trong hoàn cảnh như thế cũng vẫn ưa thích nó. Kẻ hậu sanh dầu không đủ khí phách như người xưa nhưng vẫn ưa thích cái khí phách của người xưa. Vì vậy mà tôi lựa những « truyện ngắn » của « Đông-Châu liệt-quốc ».

THIẾU-SƠN

(4) Xin xem phần « Lời người phụ trách cuộc phỏng vấn » ở phần cuối.

(Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)

★ Lý tưởng của người lãnh đạo là đặt người cho thật đúng chỗ : *the right man in the right place*. Một người bị đặt trước một công việc không phải của họ thường tỏ ra ngượng nghịu, vụng về ; một người được đặt vào đúng chỗ của họ thường vẫn tỏ ra thông minh, mẫn cán.

★ Không ép việc người ta không làm được, không bách việc người ta không sở thích (Văn-Trung-Tử).

Sanh năm 1913 ở Hải-dương. Bắt đầu viết văn từ năm 17 tuổi ; truyện và kịch được đăng lần đầu trên tờ « An-nam tạp chí » của Tân-Đồ.

Nhà báo, nhà văn, hơi thiên về khía cạnh đời. Trợ bút các báo : Trung-Bắc tân văn (của Nguyễn-Văn-Vinh), Chiếu bóng, Công dân, Ích hữu, Đồng minh (của Nguyễn-Hải-Thần), Vui sống, Hòa bình.— Thư ký tòa soạn các báo : Rạng đông, Tương lai, Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Truyền bá, Lửa sống.— Chủ bút các báo : Trung-Bắc chủ nhật, Tiểu thuyết thứ bảy (tạp chí, ra hằng tháng), Trung-Việt tân văn (của quân đội Lu-Hán).— Chủ nhiệm tờ Vết đực.— Đặc phái viên « Sài-gòn mới » và « Phục hưng » ở Hà-nội.

Hiện trợ bút nhật báo « Dân chúng ».

Tác phẩm : Lo vận.— Một mình trong đêm tối.— Ba chuyện mỡ bụng.— Truyện hai người.— Tội ác và hối hận.— Bèo nước.— Cai.— Đề cho chàng khỏi khổ.— Khảo về tiểu thuyết.— Miếng ngon Hà-nội.— Tinh hoa cò học Âu-Á.

Những sách về y học, phụ nữ, kí nhiều biệt hiệu khác nhau.



Sài-gòn, ngày 12-3-1959.

Thưa anh,

Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn anh đã nghĩ đến tôi. Trong trường văn, tôi rất tiếc chưa có dịp nào được hợp tác với anh ; nay anh có lòng yêu hỏi tôi, tôi xin thừa dịp này để nói một vài ý kiến của tôi về truyện, theo thư anh hỏi.

Đã đành là nếu muốn cho đầy đủ, thì phải viết thành bài. Tôi e không có thời giờ ; vậy tuy đây là một bức thư, anh cũng cứ coi như là biểu thị được một phần nào ý kiến của tôi về cuộc phỏng vấn văn nghệ mà anh phụ trách.

I.— Những truyện tôi đọc của các nhà văn Việt, có bài dở và có bài hay. Bao tôi lựa lấy bài hay nhất, mà lại từ xưa đến nay, thì thực xin chịu, vì nhiều lẽ :

a) không nhớ xuề ;

b) mỗi truyện hay một cách, không thể so sánh được, có truyện hay về phương diện xã hội, có truyện hay vì văn, có truyện hay vì tình, có truyện hay vì « nó không có gì cả ». Thành ra bảo lựa lấy một truyện hay nhất, hay ưa thích nhất, tôi không thể nào lựa được ;

c) có những truyện như của Phạm-Duy-Tồn, cách đây 30 năm, tôi đọc thực hay, hay truyện của Nam-Cao, Tô-Hoài, v.v... đọc 15 năm trước thú lắm, nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi không thích nữa — có lẽ vì mình tiến bộ chăng ? Thành thử ra, thích mà cũng không thể bảo truyện nào mình ưa nhất.

Vì những lí do trên, xin miễn trả lời câu hỏi II.

III. — Đối với truyện của ngoại quốc, cũng thế. Cách đây 18, 20 năm, tôi ưa đọc những truyện ngắn dịch của Anh, Hung-gia-lợi, nhưng bây giờ cũng thấy kém hay rồi. Tôi không biết truyện nào hay hơn hay kém; chỉ biết truyện này khá, truyện kia dở mà thôi.



Đây là nói về truyện ngắn.

Còn về truyện dài, truyện bằng thơ, thì tôi có một ý kiến nhất định. Tôi chưa đọc một cuốn tiểu thuyết nào hay như Kiều. Có lẽ nói về tiểu thuyết dài (bằng thơ), đó là truyện tôi ưa thích nhất.

Bao giờ ý kiến của tôi về truyện Kiều cũng chỉ có một :

truyện Kiều hay hoàn toàn.



Vấn tất mấy lời, xin anh xét cho, và gởi lời kính chúc [...]

Nay kính,

VŨ-BANG

(Nghĩ rằng « làm rộn » thêm nhà văn tình « Khảo về tiểu thuyết » và trước hạ tên mình vào làng văn trên 20 năm về trước với quyển « Lọ văn » (1932), để được biết rõ ràng hơn về tên những truyện mà tác giả « Một mình trong đêm tối » ưa thích — dù chỉ ưa thích một thời — là điều không thể tránh được; nếu chúng tôi lại có thư đi, và lại được thư về.)

Những truyện ngắn tôi thích.

Như tôi đã viết trong thư trước, có nhiều truyện tôi đọc lúc trước rất thích mà bây giờ không thích nữa, có lẽ là vì tư tưởng của tôi thay đổi. Cái hay đối với tôi hôm nay chưa chắc đã là cái hay của ngày mai.

Tôi chỉ nhớ rằng có một thời tôi thích truyện « Sống chết mặc bay ! » (1) của Phạm-Duy-Tốn, các bản dịch trong tùng thư « Âu — Tây tư tưởng » của Nguyễn-Văn-Vĩnh.

Về sau, tôi làm « Tiểu thuyết thứ bảy, » tiếp xúc với nhiều nhà văn có tài, tôi thích truyện « Cười với trăng » của Nam-Cao, « Cái nhọt » của Từ-Thạch, và một truyện (tôi quên tên) của Tô-Hoài, trong đó nói về một cuộc cãi nhau giữa đôi vợ chồng quê vì mấy xu dầu lửa (2). Tôi cũng thích truyện « Tóc chị Hoài » (3) của Nguyễn-Tuân.

Về sách ngoại quốc, lúc đi học, tôi ưa đọc truyện của *Guy de Maupassant*. Tác phẩm của nhà văn này hầu hết đều làm cho tôi thích thú. Sau này, tôi thích truyện *Barabao* của nhà văn Pháp *Lucien Jean*, một truyện ngắn của Hung-gia-lợi (tôi quên mất tên) và truyện của *Vicky Baum* (Áo). Tôi đọc hết tác phẩm của bà này (trừ một hai cuốn mới nhất). Tôi cũng rất thích đọc *Dostoiewsky* (cuốn thích nhất là *L'éternel mari* (4)). Truyện ngắn của *Vicky Baum*, tôi thích *L'aiguille rouge* (5). Truyện ngắn của *Dostoiewsky*, tôi thích *Les nuits blanches* (6). Tôi cũng thích đọc *Stéphan*

(1) Đăng ở « Nam-phong », số 18, tháng 12 năm 1918, sau Dương-Quảng-Hàm trích đăng vào « Quốc văn trích điểm » (Tất cả lời chú trong bài này là của Nguyễn-Ngu-lí).

(2) Tên truyện này là « Buổi chiều ở trong nhà », đăng trong tập truyện « Nhà nghèo », do Lại-Phú-Dẫn xuất bản, Hà Nội, 1952.

(3) « Tóc chị Hoài » do nhà Lượm-lúa-vàng xuất bản, Hà Nội, 1942, theo chúng tôi là một thiên tùy bút chứ chẳng phải một truyện ngắn.

(4) Người chồng vĩnh viễn.

(5) Cây kim đỏ.

(6) Những đêm thức trắng.

Zweig. Tôi thích truyện « *Vingt quatre heures de la vie d'une femme* (7), *Le joueur d'échecs* (?) (8) và *Le bouquiniste* (hình như truyện này không in thành

sách (9). Tôi đọc ở trong *Les œuvres littéraires* do Huyền-Hà cho tôi mượn.)

VŨ-BÀNG

LỜI NGƯỜI PHỤ-TRÁCH CUỘC PHÒNG-VẤN

Chúng tôi thấy cần chép lại hai đoạn này trích bộ Đông-Châu liệt-quốc để bạn đọc hiểu rõ thêm ý-kiến của nhà phê-bình Thiệu-Sơn và cũng để những ai đang làm sử hoặc đang viết sử giờ đây, ngẫm-ngĩ. (Nguyễn-Ngu-Í)

I

« Triệu-Thuần vẫn lấy việc Đào-viên [tiếc là việc giết Tấn-Linh-Công ở Đào-viên] làm không bằng lòng. Một hôm sang chơi sừ quán, đòi lấy bản thảo của quan thái sừ là Đông-Hồ để xem chép việc Đào-viên ra làm sao. Đông-Hồ đem bản thảo ra đưa trình Triệu-Thuần. Triệu-Thuần mở ra xem, trông thấy trong bản thảo chép rõ :

« Mùa thu, tháng bảy, năm ất-sửu, Triệu-Thuần giết vua là Di-Cao ở chốn Đào-viên. »

« Triệu-Thuần giạt mình kinh sợ, nói :
— Quan thái sừ làm rồi ! Ta đã chạy ra Hà-đông, cách kinh thành hơn hai trăm dặm, ta có biết đâu đến việc giết vua, mà quan thái sừ lại đổ lỗi cho ta, chẳng cũng oan lắm ru !

« Đông-Hồ nói :

— Ngài làm quan tướng quốc, trốn đi chưa khỏi địa giới nước nhà mà có việc giết vua này ; khi ngài về lại không trị tội quân giặc, như thế mà bảo việc này không phải tự ngài làm chủ mưu, còn ai tin được.

« Triệu-Thuần nói :

— Bây giờ ta có thể chữa lại được không ?

Đông-Hồ nói :

— Đã gọi là tin sừ thì có thể nao phải chép như thế, bởi vậy đầu tôi có thể cắt

được, chứ bản thảo này không thể chữa lại được.

« Triệu-Thuần thờ dài mà than :

— Thế mới biết cái quyền chép sử, lại trọng hơn cái quyền làm tướng quốc. Tiếc thay, bấy giờ ta chưa ra khỏi địa giới, để đến nỗi chịu tiếng xấu muôn đời, hối sao cho kịp ! »

Trích Đông-Châu liệt-quốc
(Bản dịch của Nguyễn-Hoạt-Nam)



II

« Thôi-Chữ định thừa cơ để giết Tề-Trang-Công [...]

Thôi-Chữ lại bảo vợ là nàng Đường-Khương : « Ngày nay ta muốn trừ bỏ đứa

(7) Chúng tôi được biết : « Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong đời một người đàn bà », phóng tác của Tiêu-Liêu, nhà Thanh bình xuất bản, Hà-nội, 1952 (nếu chúng tôi không lầm, thì Tiêu-Liêu là một trong những biệt hiệu của Vũ-quân); Vô-Phiến vừa cho đăng một bản dịch tác phẩm này — mà chúng tôi cho là một tân truyện (nouvelle) chứ không phải là một truyện ngắn (conte) — với cái nhan : « Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà » trên tuần báo Rạng-đông ở Huế, từ số 1, ngày 16-8-1958.

(8) Người đánh cờ.

(9) Truyện này đã được Huyền-Hà dịch, nhan là « Người lái sách », và đăng trong tuyển tập « Hương xa », thuộc loại sách Gió bốn phương, do nhà Đời nay xuất bản, Hà-nội, 1943.

vô đạo hôn quân ấy đi [tiếp Tề-Trang-Công], nàng chịu theo kẻ ta thì ta không nói đến sự xấu của nàng, ngày sau lại lập con nàng làm địch tử. Nếu nàng không theo lời nói của ta, thì ta chém đầu mẹ con nàng trước.»

Nàng Đường-Khương nói: « Vợ thì phải theo chồng. Ngài bảo gì mà thiếp chẳng theo! »

Thôi-Chữ sai Đường-Võ-Cửu đem những thi thể bọn Châu-Sư và Tề-Trang-Công cùng chôn ở Bắc-quách. Giảm bớt lễ sớ, không cho dùng binh khí; bảo rằng sợ lại loạn ở dưới âm phủ! Thôi-Chữ sai thái-sử Bá chép vào sử là [Tề-Trang-Công] bị bệnh sốt rét mà chết. Thái-sử Bá không nghe, biên vào cái thẻ rằng:

« Ngày ất-hợi, tháng 5, mùa hạ, Thôi-Chữ giết vua là Quang [tên Tề-Trang-Công].

Thôi-Chữ trông thấy nổi giận, giết thái-sử Bá. Thái-sử Bá có ba người em là Trọng, Thúc, Quý.

Trọng lại chép như trước, Thôi-Chữ lại giết đi.

Thúc cũng chép như thế. Thôi-Chữ lại giết.

Quý lại chép.

Thôi-Chữ cầm lấy cái thẻ mà bảo Quý: « Ba anh em mày đều chết cả, còn mày không sợ chết à? Nếu mày chịu chép khác đi thì ta tha chết cho ».

Quý nói: « Có thể nào thì chép thế, là cái bần phạm của nhà làm sử, nếu trái bần phạm mà sống thì chẳng thà chết còn hơn. Ngày xưa, Triệu-Xuyên giết Tấn-Linh-Công, quan thái sử Đồng-Thừa lấy Triệu-Thuần là chính khanh mà không biết trị tội quân giặc, còn chép

rằng: « Triệu-Thuần giết vua là Di-Cao » mà Triệu-Thuần không lấy làm quái. Thế thì biết bần phạm nhà làm sử không thể bỏ được! Giả sử tôi không chép, thiên hạ cũng có người khác chép! Tôi không chép cũng không có thể che được sự xấu của quan tướng quốc, mà lại để cho thức giả người ta chê cười. Bởi vậy tôi liều chết mà chép, còn tùy ý quan tướng quốc! »

Thôi-Chữ thở dài mà than: « Ta sợ nước nhà nghiêng đổ, bất đắc dĩ mà phải làm việc này. Nhà người dẫu chép thẳng, thiên hạ tất cũng xét tấm lòng cho ta! »

Nói xong, liền ném cái thẻ đưa trả Quý. Quý cầm cái thẻ đi ra, sắp đến cửa sử quán, lại gặp Nam-Sử-Thị. Quý hỏi đi đâu. Nam-Sử-Thị nói: « Ta nghe nói anh em nhà người đều chết cả, sợ bỏ mất cái việc ngày ất-hợi, tháng 5, mùa hạ mới rồi, vậy nên ta cầm thẻ để đem chép. »

Quý đưa cái thẻ của mình chép cho xem. Nam-Sử-Thị mới về.

*Trích « Đông-Châu liệt quốc »
(bản dịch của Nguyễn-Hoài-Nam)*

✱

KỶ SAU: Bà Tùng-Long và Tam-Ích.

CÁO LỖI

- Bách-Khoa trân trọng cáo lỗi cùng độc giả, vì số trang kỳ này quá dư, chúng tôi đành để lại các bài:
- Trần-Huyền-Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử.
- Khói lửa kinh thành.
- Tôi đóng phim bên Anh,

Ngậm ngải tìm trầm

✧ VŪ-HÂN ✧

Bạc áo phong trần, nặng lòng ngậm ngải.
Đời trưa trưa mãi, mây khóa non trầm.
Trầm cao quý ngự nơi nao vùi vùi,
Cây chim rừng đưa lối đã bao năm.



Đã bao năm, gót lưu nhân mòn mỏi
Vượt sông hồ theo dõi nếp tình anh...
Trầm cao quý ngự nơi nào vùi vùi
Nỡ vô tình đem đọa một tài danh!



Này nắng đốt lòng, nhờ khe hoang dã,
Này mưa ướt dạ, nhờ quả tha phương;
Nâng giắc bướm có sương màn, chiếu lá,
Đúc có sầu nên khối ngọc truy hương.



Ôm khối ngọc giữa kỳ hoa dị thảo,
Giữa chim muông, nguyên trọn kiếp tìm trầm.
Trầm cao quý, uy linh thần Sáng tạo!
E nửa đường ngã gục mái hoa dâm!

BÁCH KHOA LIX

Một đêm kia núi trắng gào, lũ khách ;
Cả non ngàn quặn quại bóng hùm thiêng.
Lửa nanh vút bùng lên chừng xé rách
Phiến trắng tà, trút hết nỗi hờn điên,



Vùi uất hận ngàn cây khuya rún rầy,
Tủi thân tàn đeo nặng lột sơn khê.
Lệ thấm tâm can, nhiệt cuồng ngưng cháy,
Đôi dòng Ngân, người dẫn nhớ thương về...



Trời thôn xóm ví hoen màu dan díu,
Thêm cổ nhân khôn nhẽ nhạt hương thề ?
Dù năm tháng lở phai đào, úa liễu.
Ai nở nào quên hẳn chút tình quê...



Nhưng... lạnh buốt hơi may làng xóm cũ,
Ngõ thê nhi khép chặt đuôi người rừng.
Nói năng gì ? Nửa đời mang xác thú !
Trọn nửa đời sự nghiệp trắng phù vân.



Thét vỡ sương thu, nguyệt nhòa nước mắt,
Thối hết rồi ! biên giới rã nhân sinh.
Trăm mộng chơi vơi... niềm xưa đời sắc !
Ngải tiêu tan mà ngọc cũng không lành !



Ngọc vỡ, mộng tàn, bàng hoàng tình tú,
Hồn truy hương phơ phất núi sông khuya.
Vượt trùng dương, hồn cười hay sóng rú ?
Đài mây cao cánh xạ uốn xiêm nghê...

Một chiều nào vào độ nửa đời người

VŨ-HÂN

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

 CÓ BÁN KHẮP NƠI

Nhà văn quá cố PHONG-NGẠN
TRƯỚC KHI THÀNH MA ĐÃ VIẾT XONG
TẬP TRUYỆN MA BẤT HỦ

TÂN LIÊU-TRAI

40 truyện ma, rùng rợn như HOFFMANN, nên thơ như
BỒ-TÙNG-LINH và khoa-học như E. POE

Nhà BẾN-NGHÉ đã giữ lời hứa lãnh mệnh, xây dựng của ĐỒ ĐỌC, một
quyển tiểu-thuyết của BINH-NGUYỄN-LỘC, đã bán đến nghìn thứ 2
sau 1 tháng phát hành

Mọi sự giao dịch, xin do nơi : **CÔNG-TY PHẠM-THỊ-PHƯỚC**
53/14, Nguyễn-khắc-Nhu—Saigon

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn :-: Tél. 21.360



LỄ SÔNG

VỠ PHIÊN

TÔI nhớ chắc hôm đó chưa đến rằm tháng giêng, nhưng mà trăng đẹp lắm. Có lẽ vào khoảng mười hai mười ba tháng giêng âm lịch.

Tôi không thạo việc thi sĩ, nhưng lại có thể thông cảm ít nhiều về cái lòng mê trăng của các nhà thơ. Duy có điều sự ham thích của tôi có phần như còn mê muội, hồ đồ. Tôi không biết ngắm trăng, thưởng trăng, không bao giờ hiểu được rằng trăng có thể làm cho rượu uống ngon hơn, làm cho chữ dễ xếp thành văn hơn. Trái lại tôi tin rằng giả sử tôi có ý muốn xếp chữ thì những đêm trăng không lợi cho tôi chút nào, nó còn làm cho chữ nghĩa, ngôn ngữ thêm lộn xộn, thêm khó điều khiển. Bởi vì tác động của thứ ánh sáng mát mẻ đó đối với tôi không phải là đem lại một sự êm dịu. Không êm

dịu chút nào ! Thực là kỳ quái cái mát mẻ đó lại làm cho tôi cuống cuống, rối loạn lên, làm cho tôi nôn nao, rạo rục. Những đêm rằm ở quê, trông ra cái ánh sáng menh mông ngoài đồng, tôi nghe như có tiếng gọi chơi với, một tiếng gọi kêu mơ hồ nhưng gấp rút, khiến tôi nửa nghi hoặc nửa bồn chồn ngồi đứng không yên. Tôi không thể ở được trong nhà, chỉ muốn xông ngay ra ngoài trời. Nhưng một khi ra đến giữa khoảng đồng tràn ngập ánh sáng rồi thì vẫn lại thấy ngàn ngơ nghễnh ngãng như đã đáp lăm một tiếng gọi không có hướng xuất phát. Tôi đứng lại nghe ngóng, hấp tấp đi về ngã này, dừng lại, rồi vội vàng đi về ngã kia. Cứ thế cho đến khi chân mỏi rã rời, tôi vừa giẫm lên bờ cỏ ướt sương lặn về vừa tiếc rẻ.

Nhiều lần kiểm điểm tôi nhận rằng thái độ của tôi thực xa với thái độ của những

tao nhân mặc khách. Xúc động do ánh trăng gọi dậy trong tôi một bản tính tuồng như man rợ hoang dại. Tôi nghe thức dậy một sức sống không kỷ luật, đòi phát tiết bằng những hoạt động vu vơ không phương hướng, khiến tôi chạy loạn lơ ngơ dưới trăng. Tôi tự thấy như mình đang chắt chứa một nguồn sinh lực quá sức mạnh mẽ, luôn luôn thôi thúc, bắt tôi phải tham gia vào hết mọi hoạt động, không cho tôi được nằm xuống khi cuộc sống xung quanh còn thao thức. Mà những hoạt động trong một đêm trăng sao không bao giờ chịu dứt cả ! Những đêm trăng sáng như những cái ống trống hoác, thông từ ngày bên này suốt sang ngày bên kia, sự sinh hoạt không hề ngừng lại ở đâu cả. Nhiều lần tôi đã mỏi lắm rồi, quay về phòng, vừa đặt lưng nằm xuống thì liền nghe một tiếng hát hò cất cao lạnh lạnh từ đám tre, mía nào ở một xóm xa. Thế là tôi trần trọc không ngủ được, nằm nhớ lại hoặc một màu tàn thuốc mới vút còn cháy sáng, vừa bắt gặp trên một bụi cây bên lề đường, hoặc những tiếng roi tre của người đi đêm nào buồn tay vút nghe « trót trót » sau rào, như là nhớ những quyến rũ vô cùng hấp dẫn của cuộc đời vậy.

Sự thèm khát đó, cho đến khi đã lập gia đình, tôi vẫn còn được tự do thỏa mãn. Nhà tôi không có cái chứng mê cuồng ánh trăng, nhưng rất tán thành và khuyến khích bất cứ hành vi nào của tôi mà nàng xét là có liên quan xa xôi đến thi ca nghệ thuật. Những hành vi thái độ đó rủi thay lại rất hiếm. Thậm chí dù có thật nhiều cảm tình với tôi mà cuối cùng nàng cũng phải công nhận rằng tâm hồn tôi thực là thô lỗ và khô khan, rằng muốn tìm một điểm tao nhã nào trong tâm hồn tôi cũng

khó khăn tựa như tìm kiếm một sợi lông trên cái trứng vậy. Thế cho nên khi nhà tôi thấy tôi thích trăng thì nàng lấy làm ngạc nhiên và vui vẻ lắm. Còn tôi, tôi cứ yên lặng, không muốn lên tiếng cái chính để nàng biết rằng nàng lầm, rằng không có gì cách xa sự tao nhã bằng cái lối mê thích hoang dại của tôi. Không thể nào đem ví cái lối cuồng trăng đó với những cảm tưởng thanh tao của các nhà thơ. Tôi thích trăng bất quá chỉ có thể ví như thái độ của lũ thỏ mừng và giỡn trăng vậy thôi.

Do một sự nhận lầm, nhà tôi đã hãnh diện và khuyến khích tôi, nhưng mà hoàn cảnh sinh hoạt hồi đó mỗi ngày mỗi khó khăn cản trở, không cho tôi thỏa thích đi tung tăng theo ý. Đêm trăng tháng Giêng ấy đã khuya lắm, mà tôi còn ngồi trong nhà giúp nhà tôi trì kéo những tấm vải ta dài vô tận. Số là nhà tôi vừa dệt vải vừa mua góp những cây vải ta do các gia đình trong xóm dệt ra để đem đi chợ bán kiếm lời. Mỗi cây vải trước khi mang ra chợ, nhà tôi phải tháo dần từng đoạn ngắn, rồi hai vợ chồng mỗi người nắm một đầu vải, chuyển sức bình sinh kéo ra thật mạnh, rồi lại giặt bạch bạch đoạn vải. Những người không ở trong nghề quan sát cái cảnh tượng phu thê nhí nhảnh như thế trong đêm khuya tất có thể suy diễn được nhiều ý nghĩa. Đối với chúng tôi thì một sự kéo giặt rất thuận vợ thuận chồng như thế chỉ có một ý nghĩa đáng lưu tâm là ngày hôm sau chúng tôi sẽ thu thêm được mấy mươi đồng bạc ; bởi vì vải bị kéo như thế sẽ phải dãn ra, dài thêm ra mỗi cây ít nhất là vài tấc.

Nhà tôi liếc thấy nét mặt rầu rầu của tôi, nàng áy náy hối hận như cho rằng cái

tình thế sinh sống khó khăn vất vả là lỗi của nàng vậy. Nàng mỉm cười vu vơ như khuyến khích và xin lỗi tôi, rồi tìm kiếm một câu đề gợi chuyện cho vui. Tôi cũng hiểu cái ý ấy. Và tôi lại may mắn tìm ra câu nói trước :

— Anh nghe thoang thoang có mùi thơm. Em đề ý xem có phải là hương hoa lý của mình không ?

Nhà tôi trả lời ngay, chưa kịp nghĩ thử :

— Giàn lý mình đâu đã có hoa nở ? Mới Tết xong có mấy hôm ! Ban chiều em thấy chỉ có một ít bông búp.

Tôi bật cười hướng về phía sân trước hít không khí thử lại mấy lần, và chịu rằng không có một mùi hương gì rõ rệt. Nhà tôi cũng cười theo. Nhưng nàng lại chợt có ý hồi hận. Lần này là vì nàng chợt nhận ra cái hảo ý muốn gợi chuyện của tôi. Nàng tự cho rằng câu trả lời của nàng như thế làm tôi cụt hứng. Cho nên nhà tôi lại lên tiếng nói tiếp :

— Nhưng cây sấu đông ở rào trước kia thì đã trở hoa rồi, nhiều lắm.

Tôi nhanh nhẩu tán thành :

— Ừ, nhiều lắm, hoa tím tím đầy cành... Nhưng mà hoa sấu đông có mùi gì không nhỉ ?

Nhà tôi lắc đầu, chịu. Câu chuyện mở về hướng đó, do vài sự ngớ ngẩn, chẳng đi đến đâu. Sau một lúc im lặng, nhà tôi lại nêu lên một ý khác :

— Tháng ba thì mình đã có đứa con !

Tôi không dám thú thực rằng cảm tưởng của tôi rất nghèo nàn đối với vấn đề mà nàng cho là trọng đại đó. Tôi che dấu thái độ của mình bằng một câu ảm ớ :

— Ờ, tháng ba. Vậy thì chỉ còn hai tháng nữa ?

— Chớ sao. Anh đã chuẩn bị đặt cho nó cái tên gì chưa ?

— Chưa ! Sao em không nhắc anh với ?

Nhà tôi không quan tâm đến câu trách móc đầy lý sự vững chắc của tôi, nàng vui vẻ nói :

— Nếu nó là con trai thì anh bàn với thầy đặt tên, còn con gái thì để cho em...

Tôi vụt thấy rằng mình thực ngu dại : khi nhà tôi đã nhắc tôi chuẩn bị đặt tên con thì chính là nàng đang muốn đặt tên đó rồi, can gì tôi vội lo sợ về sự trẻ nai vô tâm của mình. Tôi sung sướng cười bảo :

— Ví dụ nó là con gái thì em định đặt tên gì ?

— Tên... Một cái tên hay lắm?... Nhưng khoan đã, anh cũng nghĩ thử một cái tên xem nào.

Thực là một phản công bất ngờ. Tôi lúng túng :

— Anh ấy à ? Anh muốn gọi nó là con...

— Con gì ?

— Con Chi !

— Hà ? Con Chi hà ? Hay quá. Đúng rồi. Em cũng nghĩ thế. Nhưng gì Chi mới được chớ. Con gái ai lại đặt tên gọn lòn cộc lốc vậy ?

Lần này tôi lại lộ quả tang cái chân tướng thô lỗ không có một chút tao nhã nào trong tâm hồn. Thiếu gì những chữ có thể đi đôi, với chữ Chi để làm thành một tiếng kép xứng đáng với một tên tuổi, như Kinh-Chi, Kim-Chi, Xuân-Chi, Đồng-

Chi, Đình-Chi, hoặc như Thượng-Chi chẳng hạn. Chỉ cần thêm một chút xíu nữa thì chữ chi, chữ bất, cũng thành những tách danh lỗi lạc. Tại sao tôi lại không nghĩ ra ? Tôi liền hân hoan đáp :

— Em có thích tên Xuân-Chi không ?

Nhà tôi trẻ môi :

— Xuân-Chi, nghe sao được ? Sao anh không đặt Lệ-Chi có phải hay hơn không ?

Tôi ngạc nhiên. Ờ ! Sao tôi lại không nghĩ ra Lệ-Chi, có phải hay hơn không ? Bất cứ danh từ nào mà được ghép với chữ Lệ thì cũng thành ra thanh tao nhất đời. Cái chân lý về chữ Lệ đã được nhà tôi vạch rõ bao nhiêu lần rồi mà tôi vẫn chưa thấu triệt. Còn nàng thì trái lại, mỗi lần trí óc phong phú của nàng sắp sửa chọn lựa thì bao nhiêu những danh từ du dương nhất chẳng hạn như Diễm, Diệu, Kiều, Thúy, Lệ... chúng cứ ùa tới, sung sướng hấp tấp ùa tới mà trình diện.

Vậy thì đứa con gái còn trong thai của chúng tôi đã có sẵn một cái tên đẹp để chờ đợi nó ở ngoài đời. Vì vậy mà nó vội vàng hơn hồ tuôn ra trước một tháng. Con bé đẻ non tháng ấy rồi cứ đau lên đau xuống mãi, tổn không biết bao nhiêu thuốc men. Nhưng mà đó là chuyện về sau, còn ngay lúc ấy thì tìm được cái tên con, tôi chỉ dành ra có một phút thương thức sự thành công rồi chuyển qua chuyện khác :

— Sắp xong rồi.

Nhà tôi mỉm cười không nói. Như thế tự nhiên lại xác nhận cảm tưởng của tôi là hiển nhiên. Tôi lắng nghe lại cái dư vang của ba tiếng tôi vừa thốt ra, và lấy làm ngạc nhiên. Thoạt tiên nó có cái giọng reo vui, thế mà sau khi tôi đề ý đến sự yên lặng xác nhận của nhà tôi thì ba tiếng

« Sắp xong rồi » lại như có giọng phân vân nghi vấn. Có gì đâu, công việc giặt vải bạch bạch sắp xong rồi, tôi sắp được đi dạo dưới trăng, chuyện giản dị rõ ràng như thế, có gì mà tôi phải nêu lên chờ một sự xác nhận mới vững lòng ?

Tôi mỉm cười về sự e ngại ngộ nghĩnh của mình ? Lần này đến lượt nhà tôi lên nhìn tôi, ngờ vực.

Giữa lúc tôi đang coi thường hết mọi tình cờ bất trắc và tin chắc ở cái thú mình sắp được hưởng như thế thì chúng tôi nghe tiếng guốc bác tôi từ ngoài cổng tiến vào. Tôi có thể nói ngay là tiếng guốc của bác tôi mà không cần nhìn ra cổng, là vì bình sinh bác tôi có một bước đi làm thất vọng mọi kẻ có manh tâm giả mạo. Bác tôi lúc nào cũng bước đi vội vã hấp tấp như là luôn luôn bị thúc đẩy bởi cái ý thức về tính cách ngắn ngủi của cuộc đời phù du. Và mỗi bước chân bác tôi cất lên là chiếc guốc lại hấp tấp chồm nhảy theo trong một đà hăng hái quá trớn, chạm ngay vào gót chân kêu một tiếng « chách ». Cứ thế bác tôi đi đến đâu những tiếng « chách chách » đuổi theo đến đó như cái âm ảnh về nhịp sống gấp rút của một thời đại nguyên tử vậy. Tôi sẽ sẵn sàng tranh biện với bất cứ ai để chứng minh rằng bác tôi là con người hợp thời nhất, xét về phương diện biết nhận chân giá trị của thời gian chớp nhoáng, nếu sau mỗi lần hấp tấp bước đi, bác tôi không hấp tấp bước trở lại.

Thực vậy, bác tôi thì vội vã, nhưng gần như bất cứ lần nào hoặc làm việc gì, hoặc nghĩ điều gì, cũng quên sót đi một đôi chỗ quan trọng để có dịp quay trở lại vài ba lần. Ví dụ khi bác tôi định đi dự một đám

giỗ chẳng hạn, người nhà có thể nghe tiếng guốc kêu « chách chách » thực nhanh thực gấp tiến ra ngoài đầu sân nhưng vẫn chưa có thể nghĩ là bác tôi đã ra đi. Bởi vì nhất khứ lại có phục phản ngay : bác tôi sờ lên cái túi, nắn nắn một chút rồi hoảng hốt trở vào nhà tìm gói thuốc bỏ quên. Lần sau tiếng guốc có thể kêu « chách chách » tiến ra đến tận ngoài cổng rồi lại « chách chách » đuổi theo bác tôi thực nhanh thực gấp trở vào nhà, để bác tôi kêu người nhà dặn dò thêm về chuyện vét giếng, chuyện cắt lúa v.v... Bác tôi càng lộ ý nóng nảy vội vàng thì sự quên sót lại càng nhiều. Có thể gọi sự trở ngại đáng ghét đó là sự trả thù của tạo hóa đối với bản tính mau mắn của bác tôi chẳng hạn. Bác tôi càng về già, sự trả thù đó càng tỏ ra cay nghiệt.

Hôm ấy, bước vào đến cửa sân thì bác tôi đã kêu tôi bằng một giọng gần như là mếu máo :

— Cháu ơi ! Cháu ơi ! Tiêu hết rồi !

— Cái gì tiêu hết vậy bác giáo ?

— Tiêu hết, nát hết cả ra rồi cháu ơi !

— Cái gì nát vậy ? Ủa, có cả bác gái nữa ! Cái gì ..

Bác trai tôi không cho tôi nói hết lời, vùng đưa cả hai bàn tay lên trời, nhắm mắt lại, lắc đầu lia lịa. Bác tôi gầy và cao nên khi vươn cả hai tay lên thì thân hình có dáng lỏng không thiếu nào lắm. Vợ chồng tôi nhìn bác, và đã lờ mờ có một ý niệm về sự tiêu nát rồi.

Bác tôi vùng ngồi xuống phàn, và vụt hỏi tôi bằng một giọng ráo hoảnh, tỉnh rụi :

— Tao đổ thẳng Hai biết kim khí... ừ đồ kim khí, đồ đồng chẳng hạn, với đôi mồi, hai thứ chôn xuống đất thứ nào mau mục nát hơn ?

Tôi lắc đầu chịu. Bác tôi không bằng lòng, ép tôi gặng mà trả lời « thử xem ». Tôi đoán liệu có lẽ là đôi mồi mau nát hơn. Bác tôi vùng bật ngửa người ra cười, tiếng cười quái dị, nghe « kít kít » mà không vui một chút nào. Bác tôi cứ cười « kít kít » như thế thật lâu, vừa cười vừa nhìn vào mặt tôi, chờ đợi. Khi nào thấy trên nét mặt tôi không có vẻ ngạc nhiên nữa mà lộ vẻ nóng nảy, thì bác tôi dứt ngay tiếng cười đó lại, và nói :

— Chết ! Chết ! Lắm rồi cháu ơi !

Rồi bác tôi quay lại chỉ vào bác gái :

— Cứ hỏi bác gái cháu thì biết. Đó. Hỏi xem thì biết !

Tôi vừa quay ngó về phía bác gái thì bác Giáo đã hoảng hốt vội vàng đón lại, tranh nói trước :

— Đồ đồng nát trước, nát nghiêng ra trước mới chết chứ.

Hồi năm bốn mươi sáu, giặc bỏ bom, bác sợ, đem chôn đi hai bộ đồ thờ và một cái hộp bằng đôi mồi. Năm bốn mươi tám, bác có đào lên một lần thăm chừng : đồ đồng ten hết, nhưng bác cầm coi thử hộp đôi mồi thì thấy vẫn còn chắc chắn. Bác cho là đồ đồng chỉ bị ten đi đi thôi, sau này mình lấy lá bừa ngâm chùi là đi ngay. Bác đem chôn lại. Vừa rồi nghe nói có nhiều người chôn đồ thờ bị mục, bác sinh nghi, lại đào thử lên xem thì, trời ơi ! mục nát hết, bao nhiêu đồ đồng nát tiêu hết cả...

Bác tôi há miệng ra, đau đớn thiếu não, không sao nói được nữa. Ánh trăng quét phớt một màu trắng trên trán, trên đường sống mũi ; lưỡng quyền và một bên má của bác tôi ; còn bóng tối đọng vũng ở hai lỗ con mắt rất sâu và ở cái miệng há lớn. Nhìn vào những lỗ bóng đen đang chằm

chăm hướng về phía mình, tôi bối rối không biết rồi tình trạng sẽ kết thúc ra sao, bác tôi sẽ thoát khỏi sự đau đớn đó bằng cách nào, và tôi có cần phụ lực, tỏ một thái độ nâng đỡ nào không? Trong hoàn cảnh thập phần nguy nan đó, bỗng chúng tôi nghe có một tiếng kêu gì từ phía bờ ao trước mặt nhà vọng vào một thứ tiếng khác thường, nửa như tiếng rên rỉ của một người đau vừa cất lên, nửa như tiếng con chim dữ dĩ gọi bạn. Tiếng đó vụt phát ra rõ ràng, rồi lại vụt tắt đi.

Bác tôi giật mình, nghe ngóng, rồi sấu hổ về sự xao lãng của mình, vội vã quay trở về sự đau đớn :

— Cháu có biết không? Hai bộ đồ thờ đó truyền đến bác là được bốn đời rồi. Có thể làm hồng một kỷ niệm trong dòng họ như thế được sao? Hả? Cháu phải biết hồi ông cố mất đi, dòng họ ta điêu tàn lắm, gặp năm đói kém, bà cố đã phải mang đồ thờ bán đi để nuôi sống gia đình. Vậy mà rồi khi gia thế vượng lại được, bà đã hết sức tìm cách chuộc lại bộ lư đèn cũ. Sau này hồi ông nội đi chơi xa, đã có lần bác ở nhà say mê cờ bạc đến nỗi lên đem đồ thờ đi cầm mà trả nợ. Nhưng bà nội cũng đã chuộc lại được. Của tiền nhân để lại đã bao nhiêu lần suýt mất đi mà rồi con cháu lại cố hết sức cứu giữ lại. Cháu cần phải biết tất cả những cái đó. Dòng họ nhà ta không như những dòng họ khác, cháu phải biết như thế. Thời bây giờ ở nhiều gia đình khác người ta trông thấy bao nhiêu là những đứa con cháu quên hết cội nguồn, không thêm biết gì đến cha ông. Cháu phải lấy làm hãnh diện về dòng họ ta...

Bác tôi căn dặn về điều ấy kỹ đến nỗi cả hai bác tôi và vợ chồng chúng tôi đều

sắp sửa phân vân, không biết là bác tôi hay chính tôi đã làm hỏng nát hai bộ đồ thờ. Chợt tiếng kêu ngoài rào lại nổi lên lần nữa, nghe rõ hơn. Lần này chính tôi nghe « hừ hừ... hừ hừ... » kéo dài một lúc khá lâu. Tôi nhận xét :

— Giống như tiếng người rên.

Tôi trao đoạn vải cuối cùng lại cho nhà tôi rồi ngáp ngừng muốn bỏ câu chuyện của ông bác ra ngoài xem có gì. Nhà tôi nhìn tôi bằng một cái nhìn ngăm nhiều ý nghĩa khuyến khích xúi dục. Nhưng lúc đó thì tiếng kêu lại vừa dứt. Bác tôi phất tay ra dấu yên lặng rồi mếu máo kể về lòng hiếu thảo rất đáng tôn kính của bà nội tôi. Nguyên là hồi trai trẻ bác tôi lang thang cờ bạc nhiều năm, ông nội tôi cũng không mấy quan tâm đến gia đình, một tay bà nội tôi sắp đặt công chuyện làm ăn, dạy dỗ các chú thiêm, chăm nom phụng dưỡng ông bà cố và nhất là chịu khó ra công sưu tầm để chuộc lại hết những món gia bảo mà bác tôi lấy trộm mang đi thế nợ. Ngày bà nội tôi mất, bác tôi nhân đi chơi xa bị bệnh, gọi về không kịp dự đám tang. Sau này về già bác tôi tìm ra thực nhiều cơ hội để nói về những đức tính cao quý người đời không bì kịp của bà tôi. Cách nói đó ngăm thay thế những lời sấm hối. Lần nào bác tôi cũng cảm động sụt sùi, và lần nào bác cũng rút ra được nhiều bài học về đức hạnh để quay lại giảng cho bác gái. Như thế công bác trai tôi có vẻ xứng đáng là một người chí hiếu, và có thêm nhiều uy tín đối với bác gái.

Lần này không đợi bác trai kịp quay lại giảng giải, lợi dụng một lúc bác ngừng câu nói đề nghị hơi, bác gái liền lên tiếng :

— Thăng Hai, cháu ra ngoài coi có cái gì vậy.

Bác trai toan lấy làm giận, thì nhà tôi lại vội vàng hưởng ứng :

— Phải đấy, cháu nghi như là có người nào... Anh bước ra coi.

Bác trai tôi ngáp ngừng, nhìn qua chúng tôi, rồi đột nhiên bỏ cơn giận và hưởng ứng nhiệt liệt :

— Cháu nên ra ngay để coi chứ... Ừ ! thôi, bác cũng về luôn. Phải rồi, nhân tiện bác cũng ra coi cái gì rồi về. Đi luôn nhân thế.

Khởi đầu là tiếng guốc « chách chách » của bác trai. Tiếp liền theo là bác gái. Bác gái vẫn vẹn chữ tòng một cách hết sức ngoan ngoãn như thế. Nửa đêm khuya khoắt người vợ già lụm cụp chạy theo người chồng già, tất tưởi vội vàng, đến nhà cháu mếu máo kể về vài mẩu chuyện hiểu hạnh, rồi lại tất tưởi ra về, — trong cái cảnh đó có chỗ ý nghĩa lý thú mà tôi định bụng về sau sẽ rút ra một bài học giảng lại cho nhà tôi. Bác gái tôi chiều chồng có phần như chiều đứa trẻ có nét ngang chướng, nhưng cũng lại có một phần sợ hãi khiếp phục nữa.

Bốn người chúng tôi sắp bước ra đến cổng thì tiếng « hừ hừ » vụt nổi lên thành linh ngang sát chân rào phía ngoài làm cho bác tôi giật mình đứng lại. Tiếng « hừ hừ... hừ hừ » cứ tiếp tục khoan thai đều đặn. Chúng tôi lắng nghe một chút, và cảm thấy yên dạ, tiến tới.

Quả nhiên ngay ngoài cổng nhà tôi có một người nằm rên. Tất cả bốn chúng tôi cúi xuống nhìn, và đều không nhận ra người đàn ông nằm đó là ai. Đây phải là một người lạ, ở rất xa, không phải ở trong vùng chúng tôi. Ông ta nằm gối đầu lên chân rào, ngửa mặt. Khuôn mặt ông ta to

lớn khác thường, và gầy trông đến dễ sợ. Trán ông ta thực cao : hai bên thì nhẵn bóng, ngay chính giữa có một đường tóc mọc dài xuống như một cái lưới bò lè liếm xuống mặt ông ta. Cái trán hói như thế trông chừng chặc, làm cho ông ta cũng có một điểm gần với những nhà thông thái. Nhưng trên khuôn mặt đó có nhiều khắp khềnh bất thường quá : mũi ông ta hết sức ngắn, hếch lên và bị khuyết hổng ở một phía, trên gò má và gần mép tai có những cục u bằng ngón tay cái nổi lên một cách vô duyên.

Ông ta rên hừ hừ, ngửa mặt nhìn chúng tôi không nói một lời. Hai con mắt ông ta yên lặng không nhấp nháy, như hai giọt nước sáng dưới ánh trăng. Nhìn kỹ, trong cặp mắt ông ta vừa có sự buồn bình bất cần, vừa có vẻ tuyệt vọng. Cố nhiên đó cũng là cặp mắt lò kờ của người ốm gần chết nữa.

Bác tôi cúi xuống hỏi :

— Ông ở đâu tới đây ?

Ông già đó yên lặng như không nghe thấy gì.

Bác tôi hỏi tiếp :

— Ông tới đây bao giờ ?

Ông ta lắc đầu. Bác tôi ngừng lên nói với chúng tôi như phân bua :

— Quái. Ông ấy tới đây lúc nào ? Vừa rồi bác vào nhà, đi ngang qua đây không trông thấy ?

Tôi cúi xuống nói sát vào tai ông ta :

— Bác ở đâu tới ? Định đi đâu ? Bác có nghe tiếng tôi nói không ?

Ông ta nhấp nháy hai mắt, gật đầu, nhưng vẫn không nói. Tôi nhìn kỹ lại thì môi ông ta khô quá và như kờ cứng đi,

Nhân ngày 17-6 giỗ Nguyễn-Thái-Học

ANH CHỊ

Tôi qua Nguyễn-Thái-Học
 Tôi lại đường Cô Giang
 Nhìn tên Anh, tên Chị
 Oai hùng và hiền ngang...



Cả đời Anh tranh đấu
 Suốt đời Chị hi sinh
 Cho Việt-nam yêu dấu
 Để giống nòi quang vinh...



Ngày mười bảy tháng sáu
 Anh vĩnh biệt chúng tôi
 Anh đi đến nợ nước
 Nụ cười giữ trên môi...



Đau thương hờn căm uất
 Chị về quê hũy mình
 Chuyện không thành hạm hực
 Cho vẹn toàn tiết trinh...



Nguy nga rùng Yên báy
 Cách mạng dầu không thành
 Tên Anh và tên Chị
 Đẹp huy hoàng sừ xanh...

17-6-1958

HUY-LỰC

không thể cử động được nữa. Răng của ông ta nửa đen như vàng nhem nhuốc và cũng khô quá, khô như những hạt dưa hầu vớt ngoài nắng lâu ngày.

Nhà tôi bảo : « Chắc ông ấy khát nước », rồi vào nhà bưng ra một chén nước, đồ từng hớp vào miệng người bệnh. Xem ông ta có tỏ một chút cảm giác khoan khoái.

Trong khi bác gái và nhà tôi lom khom nâng đầu ông già ấy để đồ nước, thì bác trai tôi xun xoe muốn tìm chỗ chen lách vào để tham dự công việc cứu trợ. Nhưng thực không sao tìm được một công việc cho người thứ ba. Tôi thất vọng chứng kiến cử chỉ loãng quãng vô bổ của bác tôi một lúc, rồi tưởng như chính cái tình trạng ấy phát sinh ra một hậu quả bất ngờ là đức bác ái chợt bừng dậy trong lòng bác tôi vô cùng mạnh mẽ. Bác hỏi hả la chúng tôi :

— Phải cứu người ta chứ. Nhanh lên, ta khiêng ông này vào nhà mới cứu chữa được. Phàm gặp người hoạn nạn...

Bác gái tôi ngoảnh mặt nhìn lại, ngờ ngác hoảng hốt. Bác gái đứng phất dậy, kéo tôi lùi ra xa, thăm thì bảo tôi hãy cố chống lại cái ý định khiêng ông già bệnh vào nhà. Rõ ràng là ông ta sắp chết đến nơi rồi, không ai biết tung tích thân nhân ông ta ở đâu, tự dưng mà rước cái án mạng vào nhà thì thực là điên cuồng.

Bác trai tôi liếc một con mắt nghi ngờ theo dõi chúng tôi, và lên tiếng xác nhận một lần nữa cái quyết định bướng bỉnh của mình « Phải khiêng vào nhà thì mới cứu chữa được ». Chúng tôi xúm nhau bàn giải, định rằng suốt đêm chúng tôi sẽ thay phiên nhau ra ngoài rào dề săn sóc ông già, và tôi lại nhận đi mời ngay

thầy thuốc đến. Cuối cùng bác tôi không phản đối nữa, và gọi bác gái đi về.

Khi tiếng guốc « chách chách » của bác tôi đã nhỏ dần gần mất thì chúng tôi lại vùng nghe tiếng bác trai lớn tiếng cầu nhàu giận dữ rầy bác gái, và rồi tiếng guốc « chách chách » lại vang ngược trở lại vội vàng.

Lần này bác trai đòi tự mình dìu ông già bệnh về nhà bác để săn sóc. Bác gái nhất định rằng nếu dìu ông ta về đến nhà thì ông ta tất chết, tốt nhất là cứ để ông ta được nằm cho yên thân. Lòng từ thiện của bác trai tôi bị động chạm mạnh, kháng cự rất dữ dội. Tôi liền chịu rằng có lẽ để bác dìu ông già bệnh về nhà cũng hay, và chưa chắc ông ta đã chết ngay đâu. Bác tôi lắng nghe tôi nói, chợt ngáp ngừng, nhìn ngay vào mắt tôi một cái nhìn dò xét. Tôi lại tiếp : « Nhưng trước khi đưa ông này về nhà cháu nghĩ nên trình với thôn trưởng, hay ít ra cũng cho bà con lân cận đây biết trước. Lỡ về sau ông ta có chết trong nhà mình cũng bớt rắc rối ». Bác tôi vùng hưởng ứng nhiệt liệt, có vẻ cho rằng việc trình thôn trưởng là cái việc bác ái đáng làm hơn tất cả mọi sự.

Tiếng guốc của bác tôi lần này thực mất hẳn. Tôi quay lại định bảo nhà tôi vào nấu một ít cháo để cho người bệnh thì ông già bỗng « hự » một tiếng lớn, giơ tay lên ngay mặt phác một cử chỉ vu vơ, rồi chồm vờn ngồi dậy. Tôi vội cúi xuống đỡ ông ta. Ông ta dựa lưng nghỉ yên trên tay tôi một lát rồi rần sức trườn tới. Tôi hỏi, ông ta không chịu nói rõ ý định, chỉ ra dấu như tôi giúp ông ta trườn tới. Ông ta lếch, rồi nghỉ, rồi lại lếch, đến sát bờ ao. Tôi nghi ngờ, nhìn thẳng vào mặt ông ta. Hai môi khô vằn hờ rộp, khô cứng, không mấp máy cử động gì, như đã chết rồi. Nhưng hai mắt ông ta lúc ấy linh động hơn, và chăm chú

nhìn vào mặt ao. Những cố gắng quả quyết và ánh mắt khác thường của ông lúc trườn gần đến bờ ao khiến tôi lo ngại.

Tôi gọi nhà tôi đến. Nhà tôi đoán là ông ta khát nước, mang nước đến. Ông ta ngừng lại, ngửa mồm hứng nước nhà tôi trút vào, có vẻ bằng lòng. Nhưng uống xong, ông ta lại trườn mạnh tới. Đến miệng ao, ông ta vùng mạnh một cái, muốn nhào tới. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi hoảng hốt ghì ông ta lại, và hai vợ chồng tôi khiêng ông ta trở lại chỗ cũ.

Bây giờ là ba giờ sáng. Sương trắng mù mù trên đồng ruộng. Trăng đã nghiêng nhiều về phía tây. Bóng hàng rào đổ một khoảng đen đậm xuống chỗ chúng tôi ngồi. Tôi nhìn ông già nằm thờ mệch nhọc. Nhà tôi yên lặng ngồi bên cạnh, buồn tay rút một trái cườm khảm bên rào, bóp mạnh vào giữa hai ngón tay cho nổ đánh bụp một tiếng nhỏ.

Sau khi ông già tỏ ý định xuống ao tự tử, tự nhiên chúng tôi quên đi một lúc những bận rộn săn sóc, những chuyện đồ cháo đồ nước cho ông ta, quên đi những nhu cầu vật chất của người bệnh. Chúng tôi thấy mình ở sát bên cạnh một cái gì bí hiểm, quan trọng hơn nhiều. Trong bầu không khí sững sờ, mỗi người tự dưng thấy khởi lên một vấn đề để tần mẩn suy nghĩ.

Xung quanh chúng tôi bóng cây mỗi lúc mỗi dài thêm, khoảng vườn sau đã chìm vào bóng tối. Cảnh tối lúc trăng tàn làm cho hồi hộp buồn bã hơn một cảnh tối lúc mặt trời lặn.

Con chó Vàng của chúng tôi từ trong sân chậm rãi đi ra, ghéch mồm nhìn tôi rồi nhìn nhà tôi, thờ ơ, đứng đưng, không một biểu lộ gì. Có tiếng con rắn hút một tiếng dài ; tiếng kêu thoảng cao như lo lừng ngang đầu.

(còn tiếp)

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE
« SAIGON — GARAGE »
Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

OLIVER (U. S. A.)

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

ĐI Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

EN JUILLET & AOUT 1959
SUR LES ECRANS SAIGONNAIS

LA CLE (The Key) Cinemascope	William Holden — Sophia Soren
LE TRAQUENARD DES SANS LOI (Utah Blaine) Technicolor	Susan Cummings — Angela Stevens
LA TERREUR DES SANS LOI (Masterson of Kansas) Technicolor	Nancy Gates — James Griffith
TRAQUE PAR LA LOI (The Law vs Billy The Kid) Technicolor	Scott Brady — Betta ST. John
L'ILE INTERDITE (Forbidden Island) Technicolor	Jon Hall
et bientôt	
LE 7^e VOYAGE DE SINBAD	

COLUMBIA FILMS OF VIETNAM, LTD
N^o 23, Rue GiaLong
Téléphone : 24.710
SAIGON

HÀNG TUẦN HÃY ĐỌC :

RẠNG - ĐÔNG

TUẦN-BÁO DUY-NHẤT CỦA MIỀN TRUNG

Chủ-Nhiệm kiêm Chủ-Bút : LÊ-HỮU-MỤC

Báo-quán : 20 Lý-Thường-Kiệt Huế

- Nhiều bài vở đặc sắc về những vấn đề văn học, nghệ thuật, xã hội và chánh trị của các Giáo-sư Nguyễn-Đảng-Thục, Nguyễn-Thiệu-Lâu, Đào-Đặng-Vỹ, Nguyễn-Xuân-Hiếu, Nguyễn-Đức-Hiền, Bằng-Phong, Võ-Long-Tê, Nguyễn-Duy-Diển.
- Những sáng tác mới nhất của Phan-Du, Hạnh-Lang, Đỗ-Tấn, Nguyễn-Nam-Châu, Bằng-Bá-Lân, Trương-Văn-Tân, Thanh-Tân, Lê-Huy-Oanh.
- Những bài khảo luận độc đáo về các nhà văn cách mạng của Anh-Minh và Huỳnh-Hữu-Hiền.
- Thi ca và Bình luận Thi ca của Hữu-Đỗ, Vương-Linh, Cao-Hoành-Nhân, Thanh-Thanh, Giang-Tuyền T.T.T., Hồ-Đình-Phương, Xuân-Như, Trần-Dạ-Từ, Nguyễn-Đức-Hiền, Linh-Doãn, Thanh-Thuyền.

Giá báo : 8 đồng mỗi số.

HỒNG NHAN

(THE DARLING)
P. CHEKHOV

★ KIM-LƯƠNG (dịch)



Anton P. Chekhov là một nhà văn trứ danh của nước Nga và của cả thế giới. Ông sinh năm 1860 và mất năm 1904. Ông viết nhiều tác phẩm, tả về tâm hồn của dân tộc Nga. Dưới đây là một truyện ngắn nổi tiếng của ông đã được dịch ra Anh ngữ.

Ô-LIÊN-CƠ, con gái của một viên chức hưu tên là Mĩ-Ni Cốp đang ngồi vờ vờ ở ngưỡng cửa sau nhà nàng. Trời nực lắm, ruồi nhặng vo ve khó chịu, người ta mong cho trời chóng tối. Những đám mây đen ùn ùn ở phương đông luôn luôn thổi tới những hơi nước mát mẻ.

Kiểu-Kim, người cùng ở một phòng trong nhà đó đứng ngoài sân nhìn lên trời. Anh ta là chủ gánh hát Ti-Vô-Ly một gánh hát công diễn giữa trời. Anh nói, giọng chán nản :

— Lại mưa ! mưa hoài ! mưa hoài ! Ngày nào cũng mưa ! Trời muốn hại ta. Ta đến nước thất cò mà chết cho xong.

Thật là tai hại. Ngày nào cũng lỗ lỗ nặng nề.

Anh ta vung vẩy tay nói tiếp với Ô-Liên-Cơ :

— Rõ ngán cho đời, cô Ô-Liên-Cơ ơi ! Thế này cũng tự làm cho một đấng nam nhi phải khóc lên rồi. Người ta làm việc, người ta cố gắng, cố gắng hết sức, người ta đẩy đọa thân người ta, đem mắt ngủ đề lo nghĩ cách nào cho mọi việc được mỹ mãn, mà kết quả ra sao ? Người ta đã cống hiến cho quần chúng những tuồng hay nhất những vở hết sức ly kỳ, những tài tử thương thặng. Nhưng quần chúng có thích vậy không ? Họ có biết thưởng thức cái đó không ? Quần chúng thì thô tục. Họ là những kẻ phàm tục. Họ thích trò xiếc, những trò láo lếu vô nghĩa. Và đây là thời tiết. Cô nhìn kia kìa ! Tối nào cũng mưa. Bắt đầu mưa từ mồng mười tháng năm, mưa suốt sáu tháng. Thật là gớm ghiếc. Tôi không được người khách nào, và tiền đâu trả tiền thuê rạp ? Tiền đâu để trả các diễn viên ?

Buổi chiều ngày hôm sau, mây lại mù mịt, Kiền-Kim cười phá lên như người mất trí và nói :

— Tôi cóc cần, ôi chà ! mặc trời muốn làm gì thì làm. Mặc ông ấy mưa cho ngập cả rạp hát, cho ngập cả tôi nữa đi. Thật à hiển nhiên rồi, không còn sự may mắn gì cho tôi ở đời này hay là ở kiếp sau nữa. Mặc cho các diễn viên kiện tôi và lời tôi ra tòa. Tòa án là cái gì ? Sao lại không phải là Tây-bá-lợi-á với những tội khờ sai, hay là đoạn đầu dài ? Ha, ha, ha !

Ngày thứ ba, trời vẫn vậy.

Nàng Ô-Liên-Cơ chăm chú yên lặng nghe Kiền-Kim nói. Có lúc lệ muốn trào lên

mắt nàng. Rồi thì sự đen đui của Kiền-Kim làm nàng xúc động. Nàng cảm thấy yêu chàng. Chàng người thấp, nhỏ nhắn, mặt vàng khè, tóc loăn xoăn trái hất ngược, giọng nói lạnh lách. Mỗi khi chàng nói thì nét mặt chàng dúm dỏ cả lại. Chưa bao giờ sự tuyệt vọng, cháng trườn lại in rõ trên nết mặt chàng đến vậy. Thế mà chàng còn gọi được ở lòng Ô-Liên-Cơ một nguồn xúc cảm sâu xa, thành thật.

Nàng thì lúc nào cũng phải yêu mến một người nào đó. Nàng không thể sống mà không yêu mến một người nào. Nàng đã mến người cha ốm yếu của nàng, ông già lúc nào cũng ở ngồi ghế bành trong gian phòng tối tăm mà thờ một cách nặng nề. Nàng đã mến bà cô nàng, bà này mỗi năm từ Biên-ca tới thăm cha con nàng một vài lần. Và trước đó, khi còn là một học sinh ở trường Trung học, nàng đã mến thầy giáo người Pháp của nàng. Nàng là một cô gái trầm lặng, hiền từ, đa cảm với một dáng điệu dịu dàng đáng yêu. Nàng gây được cảm tình rất dồi dào và nồng nhiệt. Khi nhìn đôi má phúng phính hồng hào của nàng, khi nhìn cái cổ trắng trẻo mịn màng có điểm nốt ruồi đen của nàng và khi nhìn nụ cười hồn nhiên thường nở trên miệng nàng, mỗi khi nàng nghe một truyện thích thú, người ta sẽ nói : « Nàng không xấu », và người ta sẽ phải mỉm cười theo. Khi đương nói dở câu truyện, các bà khách nhà nàng thường nắm lấy tay nàng và kêu lên : « Cô em yêu quý ! » một cách say sưa.

Căn nhà nàng ở từ khi mới đẻ, thuộc về của hương hỏa, ở mái ngoại ô thành phố, trên đường Díp-Sy, gần rạp hát Ti-vô-ly. Từ xế chiều cho tới đêm khuya, nàng nghe thấy tiếng âm nhạc ở rạp hát và tiếng nổ của pháo bông ; nàng tưởng

chừng như nghe thấy Kiều-Kim đang găm thét, vật lộn với số mạng, và chàng đương nắm được kẻ thù chính của chàng, là đám công chúng vô tình thờ ơ, bằng một cuộc tử chiến, lòng nàng se lại, nàng không thể ngủ được nữa, và gần sáng khi Kiều-Kim trở về, nàng lấy tay đập vào ván cửa sồ ; qua lán rèm che, chàng nhìn thấy mặt nàng, vai nàng và một nụ cười tươi tắn mà nàng tặng chàng.

Chàng ngỡ ý với nàng, và họ kết hôn với nhau. Mỗi khi ngắm nhìn cổ nàng và đôi vai đầy đặn khoẻ mạnh của nàng, chàng vỗ tay vào nhau và nói : « Cô em yêu quý ! »

Chàng sung sướng lắm. Nhưng trời vẫn mưa ngày họ thành hôn, và cái vẻ chán nản không bao giờ rời khỏi nét mặt chàng.

Họ rất tương đắc với nhau. Nàng ngồi ở phòng thu tiền, giữ trật tự trong rạp, biên sồ chi tiêu và trả lương lậu. Người ta thường nhìn cặp má đỏ hồng và nụ cười khả ái hồn nhiên của nàng như một vòng hào quang tỏa ra quanh mặt nàng ở trong phòng thu tiền, ở phía sau sân khấu, ở trong tiệm cà-phê. Nàng bắt đầu nói với bè bạn rằng nghệ thuật sân khấu là một cái gì lớn lao nhất, quan trọng nhất, thiết yếu nhất ở trên đời, rằng sân khấu là nơi độc nhất mà người ta tìm được thú vui chân thật và ở đó người ta được giáo hóa và trở nên nhân đạo. Nàng hỏi :

— Nhưng các bạn thử nghĩ rằng công chúng có thường thức sân khấu không ? Cái mà công chúng ham thích là trò xiếc. Hôm qua, Va-Ni-Ca và tôi cho công diễn vở Faust, mà hầu hết các ghế ngồi đều bỏ trống. Nếu chúng tôi trình diễn một trò vô nghĩa lý nào đó, thì tôi đoán chắc với các

bạn rằng rạp hát sẽ đầy lên người. Ngày mai, chúng tôi sẽ diễn vở Nhạc Sĩ dưới Âm Ty. Tới xem nhé. »

Nàng nhắc lại bất cứ điều gì mà Kiều-Kim nói về sân khấu và diễn viên. Như chàng thường nói, nàng nói tới sự khinh nhờn của công chúng, tới sự lạnh nhạt của họ đối với nghệ thuật, tới sự thô lỗ của họ. Nàng len cả vào việc nhắc vở hát, sửa chữa giọng điệu các diễn viên theo dõi nhịp lối các nhạc công ; mỗi khi có một bài phê bình bất lợi in trên báo địa phương là nàng phát khóc lên và tìm tới ông chủ nhiệm để phân trần với ông ta.

Các diễn viên đều quý nàng và gọi nàng là « Va-ni ca của tôi », hay « Cô em yêu quý ». Nàng thương họ lắm và cho họ giật tạm những món tiền nhỏ. Khi bị họ quít tiền, không bao giờ nàng phàn nàn với chồng cả ; quá lắm nàng chỉ ứa vài giọt nước mắt.

Về mùa đông cũng vậy, họ vẫn rất tương đắc êm đềm. Họ thuê một rạp hát ở thành phố suốt mùa đông và cho một gánh hát nhỏ người Nga, một bọn làm trò quý thuật và những diễn viên tài tử địa phương thuê lại từng thời kỳ ngắn một.

Ổ-Liên-Cơ lớn đẩy đà lên và lúc nào cũng tươi cười khoái trá, Kiều-Kim thì gầy còm vàng vọt đi và phàn nàn vì những lỗ lã lớn lao, dù rằng chàng đã cố gắng trong suốt mùa đông. Ban đêm chàng ho, nàng cho chàng uống nước trái dâu rừng và nước trái quất, lấy nước hoa xoa cho chàng và lấy mền ấm đắp cho chàng.

Nàng vuốt tóc chàng và nói bằng một giọng rất thành thực :

— Anh là « cục cưng » của em, anh là của quý của em.

Tối gần lễ Phục-sinh, chàng đi Mạc-tur-khoa để cùng gặp tất cả đoàn hát ; và khi vắng chàng thì Ô-Liên-Cơ không ngủ được. Cả đêm nàng ngồi bên cửa sổ ngắm sao trên trời. Nàng tự ví mình như lú gà mái cũng khó chịu và không ngủ được khi gà trống ra khỏi chuồng. Kiều-Kim phải ở lại Mạc-tur-khoa. Chàng biên thư là sẽ trở về vào tuần Phục-sinh, trong thư chàng bàn bạc, tính toán cả mọi việc thu xếp cho gánh hát Ti-Vô-Ly. Nhưng trước lễ Phục-sinh, về khuya một đêm, ngoài cửa có tiếng gõ chằng lành. Nghe như tiếng gõ vào một cái thùng « bùm, bùm, bùm » ! Người bếp đang ngái ngủ đi chân không giẫm trên những vũng nước chạy ra mở cổng. Có tiếng ồ ồ, trầm trầm của một người nói :

— Mở cổng cho tôi với ; tôi có điện tín cho cô đây.

Ô-Liên-Cơ trước đây đã nhận được điện tín của chồng ; nhưng lần này không biết thế nào mà nàng thấy sợ sợ. Tay run rẩy, nàng mở ra đọc :

« I-văng đã chết bất chợt hôm nay. Đợi ng. lệnh để làm đám ma vào ngày thứ ba ».

Đó là lời tờ điện tín được viết ra — « Đám ma » và một chữ vô nghĩa nữa « ng. ». Điện tín do ông bầu của đoàn hát ký tên. Ô-Liên-Cơ bật lên khóc nức nở !

— Người yêu quý nhất đời ơi, Va-Ni-Ca ơi ! Sao em lại gặp anh ? Sao em lại gặp anh ? Sao ta lại biết nhau và lại yêu nhau ? Bây giờ anh để Ô-Liên-Cơ

khốn khổ này lại cho ai, em Ô-Liên-Cơ bất hạnh vô phước này của anh, anh ơi ?

Kiều-Kim được an táng vào ngày thứ ba ở nghĩa địa Va-găng-lốp thuộc kinh thành Mạc-tur-khoa. Ngày thứ tư thì Ô-Liên-Cơ trở về nhà ; và khi nàng vừa vào tới trong nhà là nàng đã nằm lăn lên giường khóc than ầm ĩ cho tới ngoài phố và các sân nhà láng giềng cũng nghe thấy.

Những người láng giềng vừa làm dấu thánh giá vừa nói :

— Trời ơi, cô em yêu quý ! On-Ga, cô em yêu quý đau khổ biết là bao !

Ba tháng sau đó, Ô-Liên-Cơ đi từ buổi lễ trở lại nhà, lòng sầu đau đón đờm về tang tóc xót thương. Bên cạnh nàng là một gã đàn ông cũng đi lễ nhà thờ về, đó là anh chàng Va-Si-Lý, người quản đốc cho hiệu gỗ của lão Ba-Ba-Cay. Gã ta mang một cái mũ đan bằng cỏ, một cái áo trắng có sợi giây vàng, trông gã có vẻ là một lão điền chủ hơn là một anh nhà buôn.

Với một giọng chân thành, gã rủ rì nói :

— Cô On-Ga ạ, ở đời muôn sự đều do số mạng cả. Nếu một người thân cận của ta mà chết đi thì đó cũng là ý Trời, chúng ta phải nhớ điều đó và phải nhận chịu lấy một cách thuận theo thiên mệnh.

Gã đưa nàng tới cổng, chào nàng rồi bỏ đi. Sau buổi đó, cả ngày lúc nào nàng cũng nghe thấy giọng nói trầm trầm của gã ; và khi nhắm mắt lại là nàng thấy ngay chập chờn hình ảnh bộ râu đen sạm của gã. Nàng thấy mến gã lắm. Và dĩ nhiên là gã cũng đã bị cảm xúc vì nàng, bởi lẽ cách đó ít lâu, một mụ già hơi quen tới uống cà phê với nàng.

Mụ ta vừa ngồi xuống ghế là bắt đầu nói truyện ngay về Va-Sĩ-Lý — nào là gã ta tử tế, nào là gã ta lịch sự, đứng đắn, nào là phúc đức cho cô nào lấy được gã ta làm chồng. Cách đó ba ngày sau, Va-Sĩ-Lý đích thân tới thăm nàng. Gã chỉ ngồi lại độ mười phút, gã nói rất ít, thế mà Ổ-Liên-Cơ đâm mê gã, mê một cách cuồng nhiệt đến nỗi suốt đêm nàng không ngủ được và người cứ nóng ran lên như bị sốt vậy. Sớm ra, nàng cho tìm mụ già nọ. Chẳng bao lâu, Ổ-Liên-Cơ và Va-Sĩ-Lý hứa hôn với nhau, và hôn lễ cử hành ngay sau đó.

Va-Sĩ-Lý và Ổ-Liên-Cơ sống đẽ huề sung sướng. Thường lệ, gã ở lại xưởng gỗ cho tới bữa cơm trưa rồi mới đi về các việc giao dịch buôn bán. Khi gã đi vắng, Ổ-Liên-Cơ thay mặt gã ở bàn giấy cho mãi tới buổi tối, nàng trông nom việc sổ sách và sai khiến các công việc.

Nàng nói với khách hàng và người quen thuộc :

— Bây giờ hàng năm giá gỗ cao lên hai mươi phần trăm. Các ông cứ nghĩ mà xem, chúng tôi vẫn mua cây ở trong rừng của chúng tôi ở đây. Nay Va-Sĩ-Ca hàng năm phải đi tới Chính phủ Mo-Gi-Lép để mua cây. Thuế má mới gớm chớ !

Nàng lấy hai tay úp lên má mà kêu lên một cách sợ hãi :

— Thuế má chi mà gớm vậy !

Nàng tưởng như nàng đã quen với việc cây gỗ từ bao nhiêu đời rồi, cho đến nỗi việc gì trọng yếu, « khẩn cấp nhất ở đời đều là việc gỗ cả. Mỗi khi nàng nói các tiếng « cột », « ván », « kèo », « cây », thì trong giọng nói của nàng có một cái gì cảm động, thiêng liêng lắm. Đêm đêm, nàng

nằm mơ thấy rừng núi bao la những cây, những ván, những toa xe lửa dài lê thê chở đầy gỗ từ những nơi nào rất xa thành thị về. Nàng mơ thấy hàng đồng cây trường 36 thước, khoát 5 tấc dương ùn ùn kéo tới chồng chất lên nhau như muốn đè bẹp cả xưởng cây ; nàng mơ thấy các cột, kèo, đòn tay bằng cây dương va vào nhau, tiếng gỗ khô kêu lanh lảnh, nàng mơ thấy đồng gỗ đó đổ kền cả ra rồi lại dựng đứng lên, cây nọ trồng lên ngọn cây kia. Đương ngủ, Ổ-Liên-Cơ kêu to lên, Va-Sĩ-Lý trều mếu hỏi nàng :

— Làm sao đó, em Ổ-Liên-Cơ yêu quý của anh ? Làm dấu đọc kinh đi !

Bao nhiêu ý kiến của chồng đều cũng là ý của nàng. Nếu chàng thấy rằng phòng nóng lắm thì nàng cũng thấy như vậy. Nếu chàng thấy rằng công việc buôn bán đình trệ thì nàng cũng nghĩ rằng việc buôn bán đình trệ Va-Sĩ-Lý không ham các trò vui, ngày nghỉ thường ở nhà, nàng cũng bắt chước như vậy.

Các bạn nàng bảo nàng :

— Lúc nào chị cũng ở nhà hoặc ở văn phòng thôi. Sao chị không đi xem hát hay xem xiếc hử « cô em yêu quý » ?

Nàng rủ rỉ trả lời :

— Va-Sĩ-Lý và tôi không bao giờ đi xem hát cả. Chúng tôi bận công việc phải làm, thì giờ đâu làm việc vớ vẩn được. Người ta đi xem hát thì được bỏ ích gì cơ chứ ?

Những ngày thứ bảy, nàng cùng Va-Sĩ-Lý đi lễ buổi chiều, các ngày nghỉ, họ cùng đi lễ buổi sớm. Khi đi về nhà, họ cập kê bên nhau, nét mặt hớn hờ say sưa ;

ở họ tỏa ra một không khí thuận hòa, bộ quần áo lụa của nàng loạt soạt một cách hân hoan. Ở nhà, họ uống trà với bánh và nhiều thứ mứt kẹo, rồi cùng ăn chả thịt. Ngày nào cũng vậy, cứ trưa tới, từ trong sân tới ngoài ngõ sức nức mùi súp cải bắp, mùi thịt cừ quay, ngỗng quay, và có những ngày vui vẻ thì thấy mùi cá. Đi ngoài ngõ, người ta phát thềm lên được. Lúc nào ở văn phòng cái bếp lò cũng sôi sục, khách hàng tới đều được uống trà và bánh. Mỗi tuần một lần, hai vợ chồng cùng đi tắm và khi trở về sát cánh bên nhau mặt đỏ bừng.

Ô-Liên-Cơ nói với bạn bè :

— Nhờ trời, chúng tôi rất hợp với nhau, mong trời phù hộ cho ai nấy được sống thuận hòa như Va-Sĩ-Lý và tôi.

Khi Va-Sĩ-Lý tới đất Mô-Gi-Lép để mua cây, nàng nhớ chàng ghê gớm, khóc lóc cả đêm không ngủ. Người bác sĩ thú y của chánh phủ tên là Sít-Miéc-Nớp, một thanh niên cũng ở chung nhà với nàng thường tới thăm nàng vào những buổi chiều. Chàng kể truyện, hoặc là họ cùng đánh bài. Điều đó làm cho nàng khuây khỏa. Truyện lý thú nhất của chàng là câu truyện của chính đời chàng. Chàng đã có vợ và có một con ; nhưng chàng đã bỏ vợ vì cô ta lừa dối chàng, nay chàng ghét cô ta lắm, mỗi tháng chỉ gửi cho bốn mươi đồng để nuôi đứa con thôi. Ô-Liên-Cơ thờ dài, lắc đầu buồn hộ cho chàng.

Nhìn thấy chàng đi ra khỏi cửa thấp thoáng dưới ánh nển, nàng nói :

— Chúa sẽ phù hộ cho ông, cảm ơn ông đã tới giết thời giờ với tôi. Cầu Trời ban sức khỏe cho ông. Đức mẹ ở trên Thiên-Đàng.

Nàng nói rất rủ rì, rất đứng đắn, bắt chước chồng nàng. Viên Thú y sĩ đã khuất dạng sau cửa rồi mà nàng còn nói với theo :

— Ông La-Đi-Mi ơi, ông có rõ không ? Ông cần phải hòa thuận với vợ ông đi. Tha lỗi cho bà đó, tha thứ đi vì hạnh phúc của con ông. Đứa nhỏ hiểu biết tất cả đó, ông phải tin chắc vậy.

Khi Va-Sĩ-Lý trở về, nàng thì thầm kể lại chàng nghe truyện viên thú y sĩ và đời sống gia đình bất hạnh của chàng ta ; hai vợ chồng cùng thờ dài lắc đầu và nói về việc đứa trẻ chắc rất nhớ bố nó. Rồi thì vì một sự hội ý kỳ lạ, cả hai vợ chồng cùng ngừng lại trước ảnh thờ, quỳ xuống cầu khẩn Trời ban cho họ lũ con.

Cứ như vậy, gia đình Va-Sĩ-Lý sống một cách êm đềm, hòa hợp trù mển trong sáu năm trường. Nhưng một ngày đông nọ, sau khi uống một ly trà nóng, Va-Sĩ-Lý để đầu trần đi ra xường cây nên bị cảm lạnh và bị ốm. Chàng được những bác sĩ trừ danh điều trị nhưng bệnh cứ tăng, và chàng từ trần sau bốn tháng ốm bệnh. Nàng Ô-Liên-Cơ lại thành góa hóa.

Nàng khóc lóc sau đám tang :

— Anh ơi, anh bỏ em lại cho ai ? Khốn khổ thân em, thiếu anh thì bây giờ em sống thế nào được ? Ông bà từ tâm, nhân đức ơi, khổ thân tôi, không cha, không mẹ, thân cô, thế cô ở đời.

Nàng mặc đồ đen hoặc đồ tang đi lang thang, nàng không bao giờ đội mũ và đeo bao tay nữa. Nàng không ra khỏi nhà bao giờ, trừ khi đi lễ nhà thờ hoặc đi viếng mộ chồng. Nàng sống một đời gähn như kẻ tu hành.

Sáu tháng qua đi, nàng đã bỏ đồ tang và cho mở cửa. Thỉnh thoảng nàng đã đi

chợ buổi sớm với vú già. Còn như nàng sống thế nào và ở trong nhà ra sao thì người ta chỉ có thể đoán phỏng chừng thôi. Người ta có thể ước đoán được ở chỗ nhìn thấy nàng ngồi trong khu vườn nhỏ uống trà với viên thú y sĩ trong khi chàng ta đọc báo cho nàng nghe ; người ta cũng ước đoán được ở việc có lần gặp cô bạn quen tại nhà bưu điện, nàng nói với cô đó :

— Trong thành phố ta, không có một sự kiểm soát thú y cẩn thận, vì vậy lắm bệnh tật quá. Chị thường luôn luôn nghe thấy người ta mắc bệnh vì uống sữa và bị bệnh truyền nhiễm vì ngựa và bò. Sức khoẻ của gia súc quả nhiên cần được săn sóc cũng như sức khoẻ của người ta vậy.

Nàng lặp lại những lời của viên thú y và trong cả mọi việc, nàng đều theo in như ý kiến của chàng. Rõ ràng là nàng không thể sống lấy một năm mà không có sự vướng vắn nào ; và nàng lại tìm thấy hạnh phúc ở căn phòng phía cạnh nhà nàng. Đối với mọi người khác thì đó là một việc đáng tội, nhưng với Ô-Liên-Cơ thì không ai chê ghét nàng cả. Mọi sự trong đời nàng đều rất minh bạch. Không bao giờ nàng và viên thú y nói tới sự biến đổi trong việc giao dịch của họ. Thực ra họ cố gắng giấu giếm sự biến đổi đó, nhưng không giấu được, vì Ô-Liên-Cơ không giữ bí mật điều gì. Khi các bạn đồng nghiệp thú y tới thăm chàng, nàng rót trà, bưng cháo, nàng nói với họ về nạn dịch gia súc, về bệnh ở miệng và móng và về những lò sát sinh trong thành phố. Anh chàng thú y sĩ đâm ra lúng túng ngượng ngập, và sau khi bọn ra về, chàng túm lấy tay nàng mà hét lên một cách cáu kỉnh :

— Tôi đã chẳng bảo cô rằng chó nên

nói tới những việc mà cô không hiểu à ? Khi bọn bác sĩ chúng tôi bàn luận công việc, xin cô đừng nói leo vào. Thật là một điều khó chịu.

Nàng nhìn chàng kinh ngạc và sợ sệt rồi nói :

— Thế thì tôi được nói về truyện gì, hở La-Đi-Mi ?

Rồi nàng quàng tay qua cổ chàng, mắt long lanh những lệ, khẩn khoản xin chàng đừng giận nữa. Và cả hai người đều sung sướng.

Nhưng hạnh phúc của họ chẳng được bao lâu. Viên thú y sĩ cùng với đoàn đi không bao giờ trở lại nữa, khi họ bị chuyển tới một nơi nào xa lắm, xa gần bằng Tây-bá-lợi-á vậy. Ô-Liên-Cơ lại cô độc lạnh lùng.

Lúc này thì nàng hoàn toàn cô đơn. Cha nàng chết từ lâu rồi, cái ghế bành của ông vứt trong phòng tối bị bụi bậm phủ đầy và gãy một chân. Nàng gầy và xấu đi ; gặp nàng ở ngoài phố, người ta không nhìn nàng như xưa nữa, người ta cũng không mỉm cười với nàng nữa. Chắc hẳn rằng những năm tốt đẹp nhất của đời nàng đã qua rồi, qua không bao giờ trở lại, và một cuộc đời mới đầy bất chắc đương bắt đầu, cuộc đời mà nàng đành liều nhắm mắt đưa chân.

Chiều chiều, Ô-Liên-Cơ ngồi ở ngưỡng cửa nghe âm nhạc và pháo bông nổ ở rạp hát Ti-Vô-Ly, nhưng việc đó không thức tỉnh một ý niệm nào ở lòng nàng. Nàng uể oải nhìn vào trong sân, lòng thần thờ không tha thiết điều chi ; mỗi khi màn đêm buông xuống, nàng đi nằm và chỉ mơ thấy cái sân vắng vẻ, trống trơn. Nàng buộc lòng phải ăn uống để sống mà thôi.

Và điều đau khổ nhất là nàng không còn có một ý kiến nào cả. Nàng thấy và hiểu mọi việc quanh nàng, nhưng nàng không thể có một ý kiến gì về những việc đó. Nàng không còn biết truyện gì mà nói nữa. Mà thật là khổn khổ biết chừng bao khi người ta không có một ý kiến nào. Thí dụ khi người ta trông thấy cái chai, hay khi người ta thấy trời mưa, hay khi người ta trông thấy một bác nhà quê ngồi trên xe đi qua, nhưng người ta không thể nói được rằng cái chai, trận mưa và bác nhà quê để làm gì và tất cả những thứ đó có nghĩa gì, người ta không thể nói được, dù rằng có được các hàng ngàn bạc. Khi còn ở với Kiêu-Kim và Va Sĩ-Lý, cho tới thời sống với viên thú y sĩ Ô-Liên-Cơ đã hiểu rõ ràng mọi việc, nàng phát biểu ý kiến một cách dễ dàng, không coi là khó khăn cả. Nhưng bây giờ lòng nàng và đầu óc nàng cũng trống rỗng như cái sân nhà nàng vậy. Nàng cảm thấy đắng cay, xót xa như ngậm phải bồ hòn.

Thành phố cứ dần dà mở rộng mãi ra ở mọi phía chung quanh. Đường nhỏ Ghíp-si đã trở thành phố lớn, nơi của rạp hát Ti-Vô-Ly và xưởng gỗ xưa kia nay nhà cửa san sát và một dãy phố dọc ngang. Tháng ngày thắm thoát thoi đưa ! Căn nhà của Ô-Liên-Cơ thành ra tối tăm, mái nhà mốc meo và vẹo trể xuống. Cỏ gai mọc đầy sân. Ô-Liên-Cơ cũng già và xấu đi. Khi mùa hè tới, nàng hay ngồi trên bực cửa, lòng nàng trống trải, ảm đạm, đắng cay. Khi hơi gió xuân thoảng tới, hay khi hồi chuông giáo đường thoảng len trong gió là nàng cảm thấy đột nhiên một nguồn ký ức tràn trề, lòng nàng căng ra với một niềm nồng nhiệt thiết tha, lệ sầu cứ muốn

trào ra trên má. Nhưng việc đó chỉ xảy ra trong chốc lát thôi, rồi thì sự trống trải lại y nguyên, nàng có nghĩ rằng sống để làm chi ? Con mèo ác nhỏ Bi-Ka cọ vào nàng và kêu meo meo, nhưng sự vờn vuốt của con vật nhỏ đó chẳng làm cho nàng động lòng. Đó không phải là điều nàng mong muốn. Điều mong muốn của nàng là một mối tình thu hút được cả đời nàng, cả lý trí nàng, cả tâm hồn nàng, mối tình đó sẽ sinh cho nàng bao ý tưởng, sẽ cho nàng mục đích của sự sống, sẽ sưởi ấm dòng máu già cội của nàng. Thế cho nên nàng cúi kinh túm con mèo ở lòng quăng ra mà nói :

— Cút đi ! Mày làm gì ở đây ?

Và cứ như vậy, ngày lại qua ngày, năm lại theo năm, không có lấy một trò vui, không có lấy một ý kiến. Tha hồ cho vú già nói gì thì nói, nàng đều cho là phải cả.

Có một ngày oi ả về tháng bảy, trời chiều, khi đoàn mục súc trong thành phố đi chẵn về qua đó, sân nhà nàng bụi mù mịt, thì có tiếng gõ cồng. Ô-Liên-Cơ tự tay ra mở cồng, và nàng ngậy người ra khi thấy viên thú y La-Đi-Mi. Tóc chàng đã ngả màu, chàng mặc đồ thường. Bao nhiêu kỷ niệm xa xưa dồn dập tới lòng nàng, nàng không thể tự chủ được, bật khóc lên nước nở rồi gục đầu vào ngực chàng không nói năng gì cả. Nàng xúc cảm quá đến nỗi thần thờ không rõ cùng chàng đi vào trong nhà và uống trà lúc nào nữa.

Nàng run rẩy hân hoan sẽ nói :

— Anh yêu quý của em ơi ! Anh La-Đi-Mi, trời xui khiến anh từ đâu tới vậy ?

Chàng nói :

— Tôi muốn ở đây mãi mãi, Tôi đã từ chức, tới đây lập nghiệp như một người thường, và sống một cuộc đời yên phận. Hơn nữa, bây giờ là lúc tôi phải gởi thằng con nhỏ tới trường Trung học nay nó lớn rồi. Nay vợ chồng tôi đã hòa thuận với nhau.

Ổ-Liên-Cơ hỏi :

— Nay chị ấy đâu ?

— Ở ngoài khách sạn với thằng nhỏ. Tôi đương đi tìm một chỗ trọ.

— Quý hóa quá, may mắn quá, anh ở nhà em đi. Nhà em sao lại không ở được à ? Tại sao vậy ? Em không lấy tiền thuê của anh đâu ?

Ổ-Liên-Cơ bị xúc động mạnh quá, nàng lại kêu lên :

— Anh ở đây, một cái trái nhà này em ở đủ rồi. Trời ơi sung sướng quá !

Ngay ngày hôm sau, mái nhà được sơn lại, tường được quét trắng, Ổ-Liên-Cơ hai tay chống cạnh sườn đi lại ở trong sân để trông coi thợ làm. Mặt nàng tươi sáng lên với nụ cười già úa. Tất cả người nàng trẻ lại, tươi lên như là mới tỉnh dậy sau một giấc ngủ dài. Vợ và con viên thú y sĩ đã tới. Mẹ ta là một người đàn bà nhỏ nhắn, xuềnh xoàng, mặt khó đăm đăm. Thằng nhỏ Sá-Sa mới mười tuổi còn nhỏ bé, nó là một đứa bé bụ bẫm, mắt sáng xanh, má lúm đồng tiền. Nó vừa vào trong sân là đi đuổi con mèo nhỏ ngay, cả sân vang lên vì tiếng cười vui của nó.

Nó hỏi Ổ-Liên-Cơ :

— Có phải mèo của cô đó không hở cô ? Bao giờ nó có con, cô cho cháu một con, cô nhé. Má cháu sợ chuột ghê lắm.

Ổ-Liên-Cơ nói truyện huyền thuyên với nó, nàng cho nó uống trà. Bỗng nhiên lòng

nàng thấy ấm áp lên một niềm hạnh phúc, nàng tưởng như đứa trẻ là con nàng vậy.

Chiều chiều, khi nó ngồi trong phòng ăn học bài, nàng nhìn nó một cách triu mến và nói thầm một mình :

— Con yêu quý của mẹ ơi. Con là một đứa trẻ xinh đẹp, ai thấy cũng yêu.

Nó đọc bài :

— Cái đảo là một mảnh đất bốn bề có bề bao bọc.

— Cái đảo là một mảnh đất...

Nàng nhắc lại — sau bao năm yên lặng, trống trải trong lòng, đây là lần đầu tiên nàng có một ý tưởng rõ ràng, chắc chắn. Bây giờ nàng đã có ý kiến riêng, bữa ăn tối, nàng tranh luận với bố mẹ Sá-Sa về việc sự học sẽ khó khăn thế nào với lũ trẻ khi khởi sự ở trường Trung học, nhưng rút lại, ban học cò diều sẽ tốt hơn ban học thương mại như thế nào bởi vì khi người ta tiến từ trường Trung học lên thì con đường học vấn sẽ mở rộng ra cho tất cả mọi nghề. Nếu ta lựa chọn, ta sẽ có thể trở thành bác sĩ, hoặc nếu ta muốn, ta có thể trở thành kỹ sư.

Sá-Sa bắt đầu đi học trường trung học. Má nó đi thăm người em gái ở Cáp-Cốp, không trở về nữa. Ba nó thì ngày nào cũng đi khám bệnh các súc vật, có khi đi luôn ba ngày liền, vì vậy Ổ-Liên-Cơ có cảm tưởng rằng thằng bé Sá-Sa bị bỏ bơ vơ tựa hồ như nó là đồ vô dụng đương sắp chết đói rồi. Vì vậy nàng đem nó lại phía nhà gần chỗ nàng và dọn một căn phòng nhỏ cho nó ở.

Sớm nào Ổ-Liên-Cơ cũng vào phòng nó, thấy nó ngủ ngon lành bàn tay úp dưới má, nó nằm yên lặng như kiêu nó không thở nữa. Nàng nghĩ rằng đánh thức nó dậy

TĨNH VẬT

Mở trang nhật ký cũ
Ngỡ mình đọc Liêu-Trai
Đêm mưa hoang vũ trụ
Buồn vương lá thờ dài



Chiều lên nhạc giáo đường
Êm lời ru mẹ hiền
Người đi tìm dĩ vãng
Mộng về thăm cố hương
Mơ quê mình bé bỏng
Ngủ trong dáng thơ Đường
Mang mang hồn Đỗ-Phủ
Buồn mùa thu chiến trường



Đường về theo nét chữ
Loang xác lá chiều thu
Tình yêu thời thơ ấu
Ngập ngừng tiếng trẻ thơ



Người đi qua thời gian
Ta ép cánh hoa tàn
Uớp nước mắt tuổi trẻ
Khóc vì vui yêu thương



Những trang nhật ký cũ
Hóa thân làm tĩnh vật
Ôi mảnh hồn lang thang
Tình cầu đau lay lết



Những chuyện tình mười năm
Ghim sâu vào nét chữ
Những vui buồn tuổi trẻ
Như sa mạc sắc tu...

PHAN-LẠC-TUYÊN

thì tội nghiệp quá. Nàng buồn rầu, ngập ngừng gọi :

— Sá-Sa, dậy đi, ngoan con. Tối giờ đi học rồi đó.

Nó trở dậy, mặc quần áo, đọc kinh rồi ngồi xuống uống trà. Nó uống ba ly trà, ăn hai bánh bao và một bánh sữa. Nó còn ngái ngủ nên hơi cau có một chút.

Ố-Liên-Cơ nhìn chăm chăm vào nó làm như nó sắp sửa đi đâu lâu ngày, nàng nói :

— Sá-Sa ạ, cháu chưa thật thuộc bài học của cháu. Cháu còn lúng túng lắm. Phải cố gắng và phải học đi, phải vâng lời các thầy giáo của cháu.

Sá-Sa nói :

— Ồ, để mặc cháu.

Rồi thì nó đi ra đường tới trường, đầu nó mang cái mũ lớn, lưng đeo cặp sách. Ố-Liên-Cơ lặng lẽ đi theo nó. Nàng gọi :

— Sá-Sa ơi !

Nó nhìn quanh, nàng cúi vào tay nó một trái chà là hay một cái bánh ngọt. Khi nó đi tới phố nhà trường thì nó thấy xấu hổ vì có một người đàn bà cao lóng ngóng đi theo nên nó quay lại nói :

— Cô ơi, cô về đi thôi. Một khoảng đường nữa, để mình cháu đi cũng được.

Nàng ngừng lại, nhìn theo cho tới khi nó khuất dạng trong cổng trường. Ồ, sao nàng yêu nó vậy ! Không một tình thân nào khác của nàng lại đậm đà đến vậy. Trước đây, không bao giờ nàng hy sinh một cách tận tụy, cao thượng và thiết tha như khi mà nàng cảm thấy bản năng làm mẹ đương giao giạt trong lòng nàng lúc này. Nàng có thể hy sinh đời nàng, hy sinh với tất nỗi cả vui mừng và đau khổ của hạnh phúc êm

đem, hy sinh cho đứa nhỏ đó, hy sinh cho cặp má lúm đồng tiền và cái mũi lớn của nó, dù nó không phải con nàng. Tại sao vậy ? Thật vậy, tại sao ?

Khi thấy thằng bé Sá-Sa đi học về, nàng lặng lẽ vào nhà, lòng hả hê tràn trề niềm yêu nỗi mến. Từ một nửa năm nay, nàng trẻ lại, mặt nàng vui tươi rục rịch. Khi gặp nàng và nhìn mặt nàng, ai nấy đều vui vẻ.

— On-Ga ơi, cô em yêu quý ơi, cô có mạnh khỏe không ? Hồi này cô ra sao ?

Ở ngoài chợ, nàng nói :

— Bây giờ lớp trung học khó lắm, không phải truyện đùa đâu. Hôm qua, lớp nhất phải học thuộc lòng một bài thơ ngụ ngôn bản dịch La-tinh và một bài toán đố. Một đứa bé thì làm thế nào mà học được mọi thứ đó ?

Rồi nàng nói tới ông giáo sư, các bài học, các sách giáo khoa, nàng nhắc lại đúng hệt như thằng bé Sá-Sa đã nói.

Khoảng ba giờ chiều, nhà nàng dùng cơm. Buổi tối, nàng cùng nó soạn bài, nàng thường cùng bé Sá-Sa khóc thút thít ở những bài khó khăn. Lúc mang nó đi ngủ, nàng ngừng lại giờ lâu làm dấu Thánh trên người nó và lầm nhảm đọc kinh. Khi lên giường nằm, nàng mộng thấy tương lai mờ mịt, ngày mai xa xôi khi mà Sá-Sa ra khỏi trường, trở thành

bác sĩ hay kỹ sư có nhà riêng rộng lớn, xe ngựa đàn hoàng, có vợ, có con. Nghĩ tới đó nàng ngủ thiếp đi, nước mắt từ cặp mắt nhắm nghiền chảy ra chan hòa trên má nàng. Con mèo đen nằm bên nàng kêu : « meo, meo, meo ».

Bỗng ngoài cổng có tiếng gõ mạnh. Ổ-Liên-Cơ tỉnh dậy lặng người đi vì sợ hãi, trống ngực nàng đập thình thình. Nửa phút sau, lại có tiếng gõ nữa.

Toàn thân nàng run rẩy, nàng nghĩ :

— Một điện tín từ Các-Kốp. Má nó muốn nó về Các Kốp với má nó. Ôi trời ôi !

Nàng chán nản quá. Đầu nàng, chân tay nàng lạnh giá đi. Nàng thấy ở đời này không còn ai khờ sớ hơn nàng nữa, một phút nữa qua, nàng nghe thấy tiếng người nói. Đó là viên thú y sĩ từ Câu-lạc-bộ trở về. Nàng nghĩ :

— Nhờ trời.

Gánh nặng dần dần trút khỏi lòng nàng, nàng lại thấy mình khoan khoái. Nàng trở lại giường nằm, lòng nghĩ tới Sá-Sa đương ngủ ngon giấc ở phòng bên, đôi khi mơ ngủ kêu lên :

— Cháu sẽ cho cô cái đó ! Cô ra khỏi đi ! Cô đừng lại nhai nữa...

KIM-LƯƠNG

(dịch)

★ Đừng vội cho người nào là bất lực. Không đến nỗi có nhiều người bất lực quá như ta vẫn tưởng, thường chỉ có những người chưa được sử dụng đúng khả năng và chưa được giao phó cho công việc thích hợp.

★ Chim không thể chạy, ngựa không thể bay, can gì chê nhau, những điều không thể hay được ? (Nguyễn-Điền)

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài nhận được :

Nhớ người viễn xứ. Mưa buồn ngộ tối. Biết gửi cho ai. (Hương-Linh-Giang) Tình thuốc lá (Huyền-Hồ) Trường hợp của Hoài. (Xuân Như) Đức con lưu lạc (Nhật-Lệ-Giang) Một vài ý kiến về Phật giáo (N.K.T) Đề đời thời gian. Xin chết thể (Việt-Thùy) Tình quê tôi. (Phan-Hiền-Đức) Hoàng hôn (Phạm-Ngọc-Nhiễm) Người thủy thủ Hòa-lan (Tam-thập-ngũ-lang) Tráng sĩ Nguyễn-Biểu... Thành Lờ ở Huế (Song-linh)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn

— Những bài không đăng ; Hoa nắng (H. G.) Đồi ngả (H. T.) Bức tranh quê (L. D.) Gió thoảng cung đàn (N. M. T.)

Những bài trên đây, vì nhiều lý do, nên rất tiếc không đăng ngay

được. Mong đời các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. Nguyễn-Khoa (Bến-tre) : Thư và một bài thơ của ông dành cho tập san Giáo-dục phổ-thông, đã gửi làm cho Bách-Khoa. Xin ông cho người đến lấy lại.

Ô. Hữu-Hoàng (K.B.C. 4.217) : Đã nhận được thư và thơ của ông — Rất cảm ơn sẽ lựa đăng.

Ô. N. K. T. (Đà-nẵng) : Xin tác giả bài « Một vài ý kiến về Phật-giáo » cho tòa soạn biết tên thực và địa chỉ thực để tiện liên lạc và trao đời ý kiến.

Lê-Hùng (V. Đ. viễn xứ) : Sẽ có thư riêng gửi bạn.

Thủy Thủ : Sẽ đăng « Sống ở đời ». Mong anh gửi thêm cho những sáng tác khác nữa.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « Tập san khoa học kỹ thuật » số 13 (tháng 4-1959) do Hội khoa học kỹ thuật Việt-Nam, 136, Đường Yên-Đồ gửi tặng. Tập san dày 124 trang giá bán mỗi số 15\$.
- « Bó hoa Bắc-Việt » của Toan-Anh do tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang giá 35\$.
- « Người đàn bà kỳ dị » Tập truyện ngắn của Phạm-Phạm do nhà xuất bản Thời-Trần tặng. « Người đàn bà kỳ dị » gồm 6 truyện ngắn, dày 110 trang, giá bán 35\$.

— « Triết lý văn hóa khái luận » của ông Nguyễn-Đặng-Thục do « Văn-Hữu Á-Châu » xuất bản. Sách gồm những bài do tác giả đã diễn thuyết tại các đại học đờng Trung Nam Bắc. Sách dày 256 trang giá 49\$.

— « Phương pháp luận » (Discours de la Méthode của René Descartes) do Nguyễn-Văn-Châu và L.M. Cao-Văn-Luân dịch. Đây là cuốn sách thứ 2 loại dịch thuật của Viện Đại Học Huế. Sách dày 96 trang giá 30\$

ĐÍNH-CHÁNH Bách-Khoa số 58

- Bài « Sinh con đẻ cái » của Đoàn-Thêm trang 30, cột 1, dòng 14 : quốc tế xin đọc là « Quốc thể »
- Bài Joseph Haydn của Trần-Văn-Khê :
- Trang 45 Joseph, phiên âm in Jô-zê-fe, xin sửa lại: lô-ze-fơ, vì vẫn Jo, người Đức đọc là: lô.
- trang 47, cột 1, dòng 18 : Sohanh-Christian Bäch, xin sửa Johann...
- cùng trang, cùng cột, dòng 20: Sbastian Bach, xin sửa: Sebastian Bach.
- cùng trang, cột 2, dòng 1,2 : « ... lạ lùng trong giao hưởng khúc... » xin sửa : « ... lạ lùng. Trong giao... »
- cùng trang, cùng cột, dòng 29, 30 : « Khế nhạc », xin sửa: « Khí nhạc ».

Mùng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo - Dục Phổ - Thông

- Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.
- Một tập - san Văn - nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC chủ trương
với sự cộng tác của :

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Phan-Minh-Hồng |
| — Duy-Liên | — Thạch-Trung-Giả |
| — Định-Giang | — Triều-Đầu |
| — Giang-Tân | — Tân-Loan-Kiều |
| — Hoài-Khanh | — Trúc-Liên |
| — Hồ-Nam | — Tường-Linh |
| — Kiên-Đạt | — Thanh-Thương-Hoàng |
| — Khổng-Xuân-Thu | — Uyên-Thao |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thanh-Thái | — Võ-Phiến |
| — Lê-Thành-Nhân | — Võ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Hiến-Lê | — Võ-Đàng |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Yā-Hạc và Trinh-Nguyên. |
| — Nguyễn-Minh | |

— Giá bán mỗi số : 8 \$

— Một năm (24 số) : 180 \$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.
8 Ngô-Đức-Kể — Saigon.

TẬP SAN

NHÂN-LOẠI

Văn-hóa Xã-hội Giáo-dục

Xuất bản mỗi tháng hai lần : 1 và 15

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : ANH-ĐÀO

TRONG MỖI SỐ

Các bạn sẽ được đọc những thiên khảo luận công phu những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen biết :

Bình-Nguyên-Lộc

Dạ-Lý-Hương

Giang-Châu

Hoàng-Trọng-Miên

Hoàng-Khanh

Hợp-Phổ

Lan-Phương và Liêm-Nhân (bác sĩ)

Lê-Vân

Lưu-Nghị

Nguyễn-Ngũ-Í

Nguyễn-Hữu

Nguyễn-Thiệu-Lâu

Phong-Sơn

Quốc-Án

Sơn-Mẫu

Tam-Ích

Thành-Đạt

Thế-Quang

Thiên-Giang

Thu-Trúc

Tiêu-Dân

Trang-Thế-Hy

Ty-Cơ

Vị-Sơn

Vũ-Hạnh

Vũ-Nghị

Đặc biệt có sự góp mặt của bạn **Trần-Văn-Khê**, Tấn sĩ văn khoa, trong « Lá thư hải ngoại », nhiều bài biên khảo, nghị luận có giá trị về âm nhạc, văn chương.

Ngoài những vấn đề hữu ích chung, **Nhân-Loại** sẽ chú trọng đến những vấn đề thiết thân của tuổi trẻ như : Luyện ái, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, học đường v... v...

Thẻ lệ mua báo dài hạn

1 số	15 đ
3 tháng (6 số)	90 đ
6 tháng (12 số)	170 đ
12 tháng (24 số)	330 đ

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí

Báo quán

339 Nguyễn-Công-Trứ, 339

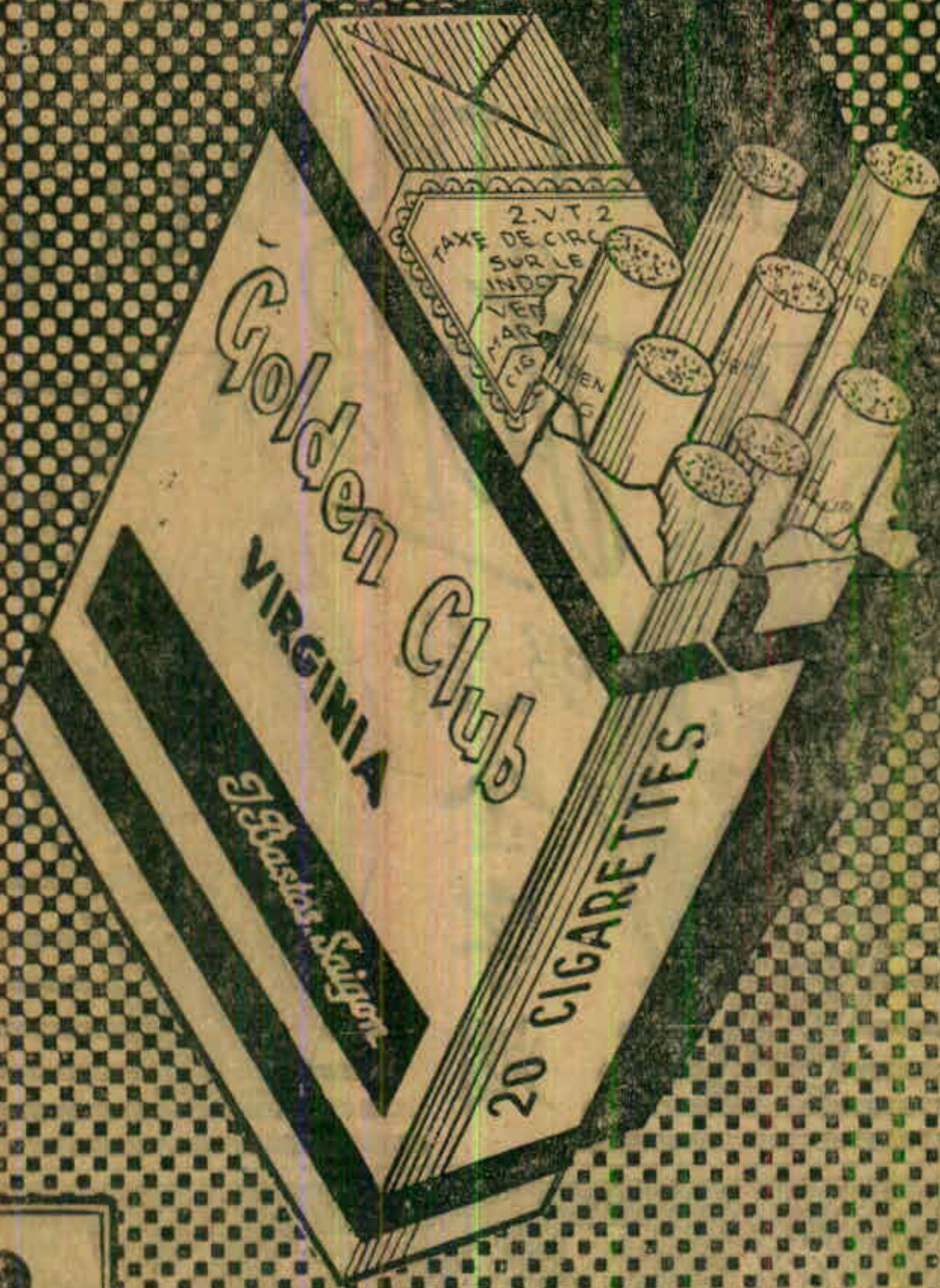
SAIGON

Bài vở, thư từ, bưu phiếu xin đề

Ông Huỳnh-Văn-Lợi

Quản lý Tập san Nhân-Loại

GOLDEN CLUB



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

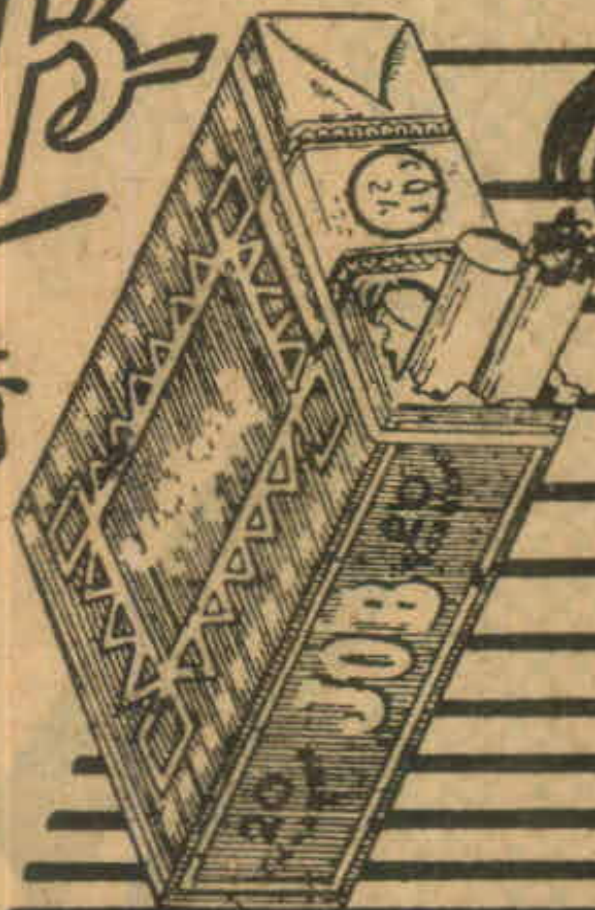
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MUI ỀM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC BIỂN.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



Nên đọc và cổ động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

*Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây*

★ Xây dựng và phát huy một nền văn hóa có tính cách Dân tộc Nhân bản và khai phóng.

★ Gồm nhiều bài có giá trị của các nhà văn, các học giả tên tuổi :

○ Ô. Bùi-quang-Tung	Nguyễn-khắc-Ngữ (Vũ-Lang)
Bửu-Cầm	Nguyễn-xuân-Sơn (Đạm-Quang)
Cung-Giữ-Nguyên	Nguyễn-thế-Tương (Nghị-Ba)
Đoàn-Thêm	Nguyễn-đăng-Thực
Hà-như-Chi	Nguyễn-gia-Trụ (Đông-Xuyên)
Hồng-Thiên nữ sĩ	Nguyễn-khắc-Xuyên
Huỳnh-khắc-Dụng (Tuần Lý)	Phạm-văn-Điều
Lâm-tấn-Phát (Đông Hồ)	Phạm-xuân-Độ
Lê-bá-Chân	Phan-Khoang
Lê-văn-Lý	Quách-Tân
Lê-chí-Thiệp	Tư-Nguyên
Lê-ngọc-Trụ	Thái-văn-Kiểm (Tân-Việt-Điều)
Mai-Oanh nữ sĩ	Trần-tuấn-Khải (Á-Nam)
Nghiêm-Toản	Trương-bửu-Lâm
Nghiêm-Thâm	Ứng-Trình
Nguyễn-dinh-Hòa	Ứng-Bình Thúc-giạ-Thị
Nguyễn-công-Huân	Vũ-đức-Trình
Nguyễn-văn-Kiết	Vương-hồng-Sển
Nguyễn-khắc-Kham	Xuân-Việt.

★ Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa soạn, 266 Công-Lý Saigon, và Nhà Sách Nam-Cường, Tổng phát hành, 185 Đường Nguyễn-Thái-Học, Saigon.

Mỗi số bán lẻ : 24\$

★ Ngân phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-hóa, số 266 Đường Công-Lý, Saigon.

★ Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.



NUỐC-NGỌT
HIỆU
CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TINH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА

百
科
雜
誌

Giá Công Sở : 15\$
Giá : 10\$

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Dây số : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON